BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21 /2016/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2016*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 21 /2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tây Ninh được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Tây Ninh.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tây Ninh được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu "*" là địa danh thuộc vùng tranh chấp. Địa danh viết trong ngoặc đơn là những địa danh cũ có liên quan đến các văn bản, bản đồ pháp lý về biên giới quốc gia.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH TÂY NINH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tây Ninh gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Tây Ninh	4
2	Huyện Bến Cầu	9
3	Huyện Châu Thành	16
4	Huyện Dương Minh Châu	26
5	Huyện Gò Dầu	34
6	Huyện Hoà Thành	42
7	Huyện Tân Biên	47
8	Huyện Tân Châu	57
9	Huyện Trảng Bàng	66

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 1	DC	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 41"	106° 05' 59"					C-48-21-A-c
Khu phố 2	DC	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 21"	106° 05' 19"					C-48-21-A-c
Khu phố 3	DC	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 10"	106° 05'10"					C-48-21-A-c
Khu phố 4	DC	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 18' 53"	106° 05' 01"					C-48-21-A-c
Khu phố 5	DC	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 18' 28"	106° 05' 13"					C-48-21-A-c
quốc lộ 22B	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
đường 30-4	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 786	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 798	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 21' 55"	106° 06' 56"	11° 19' 45"	106° 04' 42"	C-48-21-A-c
đường Cách mạng tháng 8	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 19' 00"	106° 04' 48"	11° 18' 23"	106° 07' 52"	C-48-21-A-c
Nhà sinh hoạt cộng đồng Dân Tộc Chăm	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 17"	106° 05' 20"					C-48-21-A-c
chùa Linh Bửu	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 08"	106° 05' 01"					C-48-21-A-c
chùa Phước Lâm	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 09"	106° 05' 26"					C-48-21-A-c
Cầu Quan	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 18' 58"	106° 05' 30"					C-48-21-A-c
miếu thờ Quan Lớn Trà Vong 1	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 19' 49"	106° 05' 40"					C-48-21-A-c
miếu thờ Quan Lớn Trà Vong 2	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 20' 18"	106° 05' 03"					C-48-21-A-c
Ngã 4 Quốc Tế	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 18' 41"	106° 05' 05"					C-48-21-A-c
rạch Tây Ninh	TV	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
đình Thái Bình	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 18' 47"	106° 05' 03"					C-48-21-A-c
cầu Thái Hoà	KX	P. 1	TP. Tây Ninh	11° 18' 26"	106° 05' 40"					C-48-21-A-c
kênh TN17-13	TV	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 20' 22"	106° 02' 28"	11° 20' 06"	106° 05' 20"	C-48-21-A-c
suối Trà Phát	TV	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 20' 00"	106° 06' 21"	11° 20' 11"	106° 05' 51"	C-48-21-A-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 18' 28"	106° 05' 47"	11° 19' 40"	106° 06' 05"	C-48-21-A-c
Kênh Triệu	TV	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 17' 37"	106° 03' 53"	11° 17' 32"	106° 05' 30"	C-48-21-A-c
đường Trưng Nữ Vương	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 18' 20"	106° 05' 46"	11° 18' 43"	106° 04' 30"	C-48-21-A-c
đường Tua Hai	KX	P. 1	TP. Tây Ninh			11° 19' 02"	106° 05' 21"	11° 19' 45"	106° 06' 43"	C-48-21-A-c
Khu phố 1	DC	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 33"	106° 05' 23"					C-48-21-A-c
Khu phố 2	DC	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 56"	106° 05' 22"					C-48-21-A-c
Khu phố 3	DC	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 48"	106° 05' 34"					C-48-21-A-c
Khu phố 4	DC	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 26"	106° 05' 51"					C-48-21-A-c
đường 30-4	KX	P. 2	TP. Tây Ninh			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
đường Cách mạng tháng 8	KX	P. 2	TP. Tây Ninh			11° 19' 00"	106° 04' 48"	11° 18' 23"	106° 07' 52"	C-48-21-A-c
đình Ninh Hiệp	KX	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 20"	106° 05' 52"					C-48-21-A-c
Cầu Quan	KX	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 58"	106° 05' 30"					C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Ngã 4 Quốc Tế	KX	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 41"	106° 05' 05"					C-48-21-A-c
giáo xứ Tây Ninh	KX	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 45"	106° 05' 46"					C-48-21-A-c
rạch Tây Ninh	TV	P. 2	TP. Tây Ninh			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
cầu Thái Hoà	KX	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 26"	106° 05' 40"					C-48-21-A-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 2	TP. Tây Ninh			11° 18' 28"	106° 05' 47"	11° 19' 40"	106° 06' 05"	C-48-21-A-c
cầu Trần Quốc Toản	KX	P. 2	TP. Tây Ninh	11° 18' 53"	106° 05' 28"					C-48-21-A-c
đường Trưng Nữ Vương	KX	P. 2	TP. Tây Ninh			11° 18' 20"	106° 05' 46"	11° 18' 43"	106° 04' 30"	C-48-21-A-c
Khu phố 1	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 19' 03"	106° 05' 59"					C-48-21-A-c
Khu phố 2	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 48"	106° 06' 36"					C-48-21-A-c
Khu phố 3	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 31"	106° 06' 09"					C-48-21-A-c
Khu phố 4	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 13"	106° 06' 00"					C-48-21-A-c
Khu phố 5	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 19' 34"	106° 06' 11"					C-48-21-A-c
Khu phố 6	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 58"	106° 06' 21"					C-48-21-A-c
Khu phố 7	DC	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 21"	106° 06' 28"					C-48-21-A-c
đường 30-4	KX	P. 3	TP. Tây Ninh			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 785	KX	P. 3	TP. Tây Ninh			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-21-A-c
đường Cách mạng tháng 8	KX	P. 3	TP. Tây Ninh			11° 19' 00"	106° 04' 48"	11° 18' 23"	106° 07' 52"	C-48-21-A-c
đền thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 41"	106° 06' 00"					C-48-21-A-c
chùa Hiệp Long Tự	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 13"	106° 06' 03"					C-48-21-A-c
khách sạn Hoà Bình	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 19' 16"	106° 05' 57"					C-48-21-A-c
chùa Linh Quang	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 24"	106° 06' 13"					C-48-21-A-c
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. 3	TP. Tây Ninh			11° 18' 56"	106° 06' 12"	11° 19' 40"	106° 06' 37"	C-48-21-A-c
chợ Phường 3	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 42"	106° 06' 03"					C-48-21-A-c
Trung tâm Sinh hoạt Thanh Thiếu Nhi	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 18' 57"	106° 05' 48"					C-48-21-A-c
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 19' 49"	106° 06' 16"					C-48-21-A-c
rạch Tây Ninh	TV	P. 3	TP. Tây Ninh			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
sân vận động tỉnh Tây Ninh	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 19' 30"	106° 06' 07"					C-48-21-A-c
Trường Trung học Y tế Tây Ninh	KX	P. 3	TP. Tây Ninh	11° 19' 53	106° 06' 20"					C-48-21-A-c
Khu phố 1	DC	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 18' 18"	106° 06' 48"					C-48-21-A-c
Khu phố 2	DC	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 18' 18"	106° 07' 25"					C-48-21-A-c
Khu phố 3	DC	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 18' 05"	106° 07' 02"					C-48-21-A-c
Khu phố 4	DC	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 18' 01"	106° 06' 51"					C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 5	DC	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 17' 46"	106° 06' 18"					C-48-21-A-c
Khu phố 6	DC	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 17' 56"	106° 06' 36"					C-48-21-A-c
đường 30-4	KX	P. IV	TP. Tây Ninh			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
đường Cách mạng tháng 8	KX	P. IV	TP. Tây Ninh			11° 19' 00"	106° 04' 48"	11° 18' 23"	106° 07' 52"	C-48-21-A-c
đường Lạc Long Quân	KX	P. IV	TP. Tây Ninh			11° 17' 45"	106° 06' 16"	11° 18' 22"	106° 07' 40"	C-48-21-A-c
chợ Phường IV	KX	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 18' 02"	106° 06' 27"					C-48-21-A-c
chùa Thiên Phước	KX	P. IV	TP. Tây Ninh	11° 17' 51"	106° 06' 16"					C-48-21-A-c
đường 30-4	KX	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
đường Cách mạng tháng 8	KX	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh			11° 19' 00"	106° 04' 48"	11° 18' 23"	106° 07' 52"	C-48-21-A-c
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh			11° 18' 23"	106° 07' 52"	11° 20' 40"	106° 07' 34"	C-48-21-A-d
khu phố Hiệp Bình	DC	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh	11° 18' 52"	106° 07' 06"					C-48-21-A-c
khu phố Hiệp Lễ	DC	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh	11° 18' 51"	106° 07' 35"					C-48-21-A-d
khu phố Hiệp Nghĩa	DC	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh	11° 18' 33"	106° 07' 45"					C-48-21-A-d
khu phố Hiệp Thạnh	DC	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh	11° 19' 13"	106° 07' 16"					C-48-21-A-d
suối Lâm Vồ	TV	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh			11° 19' 20"	106° 07' 21"	11° 20' 00"	106° 06' 21"	C-48-21-A-c
suối Vườn Điều	TV	P. Hiệp Ninh	TP. Tây Ninh			11° 19' 12"	106° 07' 46"	11° 19' 20"	106° 07' 21"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
đường 30-4	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 784	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-d
đường tỉnh 785	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
đường tỉnh 790	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 20' 10"	106° 06' 28"	11° 23' 03"	106° 11' 47"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 798	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 21' 55"	106° 06' 56"	11° 19' 45"	106° 04' 42"	C-48-21-A-c
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 18' 23"	106° 07' 52"	11° 20' 40"	106° 07' 34"	C-48-21-A-d
Suối Đùn	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 21' 02"	106° 08' 38"	11° 20' 41"	106° 07' 37"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
Cầu Gió	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 21' 52"	106° 05' 50"					C-48-21-A-c
cầu K18 Kênh Tây	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 20' 53"	106° 08' 04"					C-48-21-A-d
cầu K21 Kênh Tây	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 22' 16"	106° 07' 07"					C-48-21-A-c
suối Lâm Vồ	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 19' 20"	106° 07' 21"	11° 20' 00"	106° 06' 21"	C-48-21-A-c
khu phố Ninh An	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 20' 11"	106° 06' 43"					C-48-21-A-c
khu phố Ninh Bình	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 22' 42"	106° 07' 59"					C-48-21-A-b
khu phố Ninh Lộc	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 19' 50"	106° 07' 06"					C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu phố Ninh Phú	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 21' 50"	106° 08' 44"					C-48-21-A-c
khu phố Ninh Tân	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 20' 15"	106° 07' 37"					C-48-21-A-c
khu phố Ninh Thành	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 21' 36"	106° 06' 48"					C-48-21-A-c
khu phố Ninh Thọ	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 20' 17"	106° 07' 10"					C-48-21-A-c
khu phố Ninh Trung	DC	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 20' 36"	106° 06' 48"					C-48-21-A-c
suối Ông Tuấn	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 22' 41"	106° 08' 51"	11° 21' 41"	106° 07' 34"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-d
Kênh Tây	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
rạch Tây Ninh	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
Trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 20' 26"	106° 06' 39"					C-48-21-A-c
suối Trà Phát	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 20' 00"	106° 06' 21"	11° 20' 11"	106° 05' 51"	C-48-21-A-c
cầu Trà Phí	KX	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh	11° 21' 02"	106° 06' 29"					C-48-21-A-c
suối Trà Phí	TV	P. Ninh Sơn	TP. Tây Ninh			11° 21' 41"	106° 07' 34"	11° 20' 57"	106° 06' 07"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 781	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 784	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 790	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 20' 10"	106° 06' 28"	11° 23' 03"	106° 11' 47"	C-48-21-A-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 18' 23"	106° 07' 52"	11° 20' 40"	106° 07' 34"	C-48-21-A-d
cầu K18 Kênh Tây	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 20' 53"	106° 08' 04"					C-48-21-A-d
suối Lâm Vồ	TV	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 19' 20"	106° 07' 21"	11° 20' 00"	106° 06' 21"	C-48-21-A-c
suối Lấp Vò	TV	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 19' 43"	106° 09' 06"	11° 19' 12"	106° 07' 46"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
Suối Môn	TV	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 21' 48"	106° 10' 21"	11° 19' 43"	106° 09' 11"	C-48-21-A-d
khu phố Ninh Đức	DC	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 18' 59"	106° 08' 08"					C-48-21-A-d
khu phố Ninh Hoà	DC	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 19' 47"	106° 07' 40"					C-48-21-A-d
thánh thất Ninh Hoà	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 19' 34"	106° 07' 42"					C-48-21-A-d
khu phố Ninh Lợi	DC	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 19' 12"	106° 08' 16"					C-48-21-A-d
khu phố Ninh Nghĩa	DC	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 20' 52"	106° 09' 12"					C-48-21-A-d
khu phố Ninh Phúc	DC	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 19' 46"	106° 08' 16"					C-48-21-A-d
khu phố Ninh Phước	DC	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 18' 39"	106° 07' 57"					C-48-21-A-d
thánh thất Ninh Phước	KX	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh	11° 19' 15"	106° 08' 25"					C-48-21-A-d
Kênh Tây	TV	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
suối Vườn Điều	TV	P. Ninh Thạnh	TP. Tây Ninh			11° 19' 12"	106° 07' 46"	11° 19' 20"	106° 07' 21"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 22B	KX	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 798	KX	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh			11° 21' 55"	106° 06' 56"	11° 19' 45"	106° 04' 42"	C-48-21-A-c
ấp Bàu Lùn	DC	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 21' 43"	106° 05' 41"					C-48-21-A-c
nghĩa địa Bình Minh	KX	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 20' 15"	106° 04' 48"					C-48-21-A-c
thánh thất Bình Minh	KX	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 21' 10"	106° 05' 37"					C-48-21-A-c
ấp Bình Trung	DC	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 20' 00"	106° 04' 43"					C-48-21-A-c
ấp Đông Cỏ Đỏ	DC	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 20' 59"	106° 05' 46"					C-48-21-A-c
Cầu Gió	KX	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 21' 52"	106° 05' 50"					C-48-21-A-c
ấp Giồng Cà	DC	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 22' 56"	106° 04' 43"					C-48-21-A-a
ấp Giồng Tre	DC	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 20' 42"	106° 05' 15"					C-48-21-A-c
khu Di tích Lịch sử Kháng Chiến	KX	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 22' 46"	106° 05' 03"					C-48-21-A-a
ấp Kinh Tế	DC	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh	11° 21' 17"	106° 05' 40"					C-48-21-A-c
suối Tà Tuôn	TV	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh			11° 24' 51"	106° 04' 00"	11° 23' 36"	106° 05' 48"	C-48-21-A-a
rạch Tây Ninh	TV	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
kênh TN17-7	TV	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh			11° 21' 12"	106° 02' 39"	11° 20' 32"	106° 05' 05"	C-48-21-A-c
sông Trụ Phát	TV	xã Bình Minh	TP. Tây Ninh			11° 23' 36"	106° 05' 48"	11° 22' 08"	106° 05' 48"	C-48-21-A-a
đường tỉnh 785	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
đường tỉnh 798	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 21' 55"	106° 06' 56"	11° 19' 45"	106° 04' 42"	C-48-21-A-c
nhà máy đường Biên Hoà-Tây Ninh	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 22' 33"	106° 07' 08"					C-48-21-A-a
Cầu Gió	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 21' 52"	106° 05' 50"					C-48-21-A-c
cầu K21 Kênh Tây	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 22' 16"	106° 07' 07"					C-48-21-A-c
suối Tà Hợp	TV	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-21-A-a
thánh thất họ đạo Tân Bình	KX	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 23' 10"	106° 07' 38"					C-48-21-A-b
ấp Tân Hoà	DC	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 23' 33"	106° 06' 25"					C-48-21-A-a
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 25' 05"	106° 06' 36"					C-48-21-A-a
ấp Tân Phước	DC	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 24' 08"	106° 06' 33"					C-48-21-A-a
ấp Tân Trung	DC	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh	11° 24' 36"	106° 06' 54"					C-48-21-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh Tây	TV	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
Kênh Tiêu	TV	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 23' 18"	106° 06' 34"	11° 22' 46"	106° 05' 40"	C-48-21-A-a
suối Trà Vong	TV	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 27' 09"	106° 04' 29"	11° 23' 36"	106° 05' 48"	C-48-21-A-a
sông Trụ Phát	TV	xã Tân Bình	TP. Tây Ninh			11° 23' 36"	106° 05' 48"	11° 22' 08"	106° 05' 48"	C-48-21-A-a
đường tỉnh 785	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
đường tỉnh 793	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
Chùa Bà	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 22' 35"	106° 10' 39"					C-48-21-A-b
núi Bà Đen	SV	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 23' 01"	106° 10' 08"					C-48-21-A-b
thánh thất Cao Đài	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 25' 49"	106° 06' 58"					C-48-21-A-a
Núi Heo	SV	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 23' 05"	106° 08' 55"					C-48-21-A-b
chùa Khe Đon	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 24' 55"	106° 10' 24"					C-48-21-A-b
khu du lịch Ma Thiên Lãnh	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 23' 45"	106° 09' 01"					C-48-21-A-b
Suối Núc	TV	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh			11° 24' 20"	106° 10' 16"	11° 26' 21"	106° 06' 42"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
khu du lịch Núi Bà Đen	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 22' 00"	106° 10' 41"					C-48-21-A-d
điện thờ Phật mẫu	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 24' 45"	106° 09' 02"					C-48-21-A-b
Núi Phụng	SV	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 24' 15"	106° 09' 33"					C-48-21-A-b
miếu thờ Quan lớn Trà Vong	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 23' 57"	106° 08' 26"					C-48-21-A-b
cầu Suối Núc	KX	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 26' 21"	106° 06' 41"					C-48-21-A-a
suối Tà Hợp	TV	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-21-A-a
ấp Thạnh Đông	DC	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 25' 01"	106° 10' 17"					C-48-21-A-b
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 25' 23"	106° 07' 41"					C-48-21-A-a
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 25' 17"	106° 09' 01"					C-48-21-A-b
ấp Thạnh Trung	DC	xã Thạnh Tân	TP. Tây Ninh	11° 24' 47"	106° 08' 05"					C-48-21-A-b
Khu phố 1	DC	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu	11° 06' 39"	106° 10' 48"					C-48-21-C-d
Khu phố 2	DC	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu	11° 06' 56"	106° 40' 41"					C-48-21-C-d
Khu phố 3	DC	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu	11° 07' 15"	106° 10' 23"					C-48-21-C-d
Khu phố 4	DC	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu	11° 06' 37"	106° 10' 11"					C-48-21-C-d
đường Đặng Văn Sơn	KX	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu			11° 06' 43"	106° 10' 40"	11° 07' 01"	106° 11' 08"	C-48-21-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Đìa Xù	KX	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu	11° 06' 13"	106° 10' 48"					C-48-21-C-d
kênh Đìa Xù	TV	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu			11° 06' 59"	106° 06' 24"	11° 06' 00"	106° 13' 39"	C-48-21-C-d
đường Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu			11° 08' 01"	106° 10' 19"	11° 06' 13"	106° 10' 48"	C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
đường Nguyễn Văn Độ	KX	TT. Bến Cầu	H. Bến Cầu			11° 06' 43"	106° 10' 40"	11° 06' 46"	106° 09' 31"	C-48-21-C-d
quốc lộ 22 (Quốc lộ 1)	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D-c; C-48-21-C-d
chùa An Phước	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 04' 42"	106° 14' 06"					C-48-21-C-d
kênh AT.3	TV	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 04' 49"	106° 11' 55"	11° 03' 21"	106° 13' 34"	C-48-21-C-d
kênh AT.4	TV	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 05' 04"	106° 12' 17"	11° 03' 27"	106° 14' 15"	C-48-21-C-d
Ấp Bến	DC	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 05' 33"	106° 13' 47"					C-48-21-C-d
trạm biến áp 110KV Bến Cầu	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 05' 15"	106° 12' 31"					C-48-21-C-d
cầu Bến Mới	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 03' 18"	106° 13' 42"					C-48-21-C-d
Ấp Chánh	DC	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 05' 08"	106° 13' 53"					C-48-21-C-d
kênh Đìa Xù	TV	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 06' 59"	106° 06' 24"	11° 06' 00"	106° 13' 39"	C-48-21-C-d
cầu Gò Dầu	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 04' 57"	106° 15' 38"					C-48-21-D-c
kênh Gò Suối	TV	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 03' 57"	106° 10' 58"	11° 04' 45"	106° 14' 39"	C-48-21-C-d
rạch Gò Xoài	TV	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 03' 21"	106° 13' 34"	11° 03' 35"	106° 15' 45"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
Cầu Nhỏ	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 05' 35"	106° 12' 28"					C-48-21-C-d
cầu Tà Bang	KX	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 03' 41"	106° 13' 55"					C-48-21-C-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã An Thạnh	H. Bến Cầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
Ấp Voi	DC	xã An Thạnh	H. Bến Cầu	11° 04' 49"	106° 13' 21"					C-48-21-C-d
kênh 26-3	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 10' 49"	106° 08' 10"	11° 09' 45"	106° 07' 08"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
kênh 30-4	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 11' 05"	106° 08' 04"	11° 10' 54"	106° 07' 16"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
đường tỉnh 786	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-a
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 30"	106° 07' 06"					C-48-21-C-a
kênh Ba Làng	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 10' 04"	106° 07' 14"	11° 09' 52"	106° 08' 13"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
Rạch Bảo	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 09' 53"	106° 08' 27"	11° 06' 07"	106° 05' 04"	C-48-21-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Bàu Bàng	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 11' 28"	106° 06' 33"	11° 11' 25"	106° 07' 34"	C-48-21-C-a
cầu Bàu Tượng	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 09' 54"	106° 06' 41"					C-48-21-C-a
Cầu Đình	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 11"	106° 07' 16"					C-48-21-C-a
cầu Gò Cầy	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 18"	106° 05' 13"					C-48-21-C-a
rạch Hố Đồn	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 12' 15"	106° 07' 27"	11° 12' 08"	106° 08' 45"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
ấp Long Bình	DC	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 22"	106° 05' 11"					C-48-21-C-a
đình Long Chữ	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 11"	106° 07' 11"					C-48-21-C-a
thánh thất Long Chữ	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 11' 59"	106° 05' 56"					C-48-21-C-a
ấp Long Giao	DC	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 34"	106° 06' 47"					C-48-21-C-a
ấp Long Hoà	DC	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 11' 16"	106° 06' 21"					C-48-21-C-a
ấp Long Hoà 2	DC	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 12' 08"	106° 07' 04"					C-48-21-C-a
ấp Long Thạnh	DC	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 10' 11"	106° 07' 36"					C-48-21-C-b
kênh Nhà Nước	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 11' 00"	106° 08' 12"	11° 11' 40"	106° 07' 11"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
kênh tiêu T2	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 10' 44"	106° 00' 48"	11° 10' 16"	106° 05' 12"	C-48-21-C-a
bàu Trảng Tròn	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 11' 14"	106° 05' 32"					C-48-21-C-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b
kênh Vịnh Bà Năm	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 11' 29"	106° 08' 18"	11° 11' 30"	106° 07' 26"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
cầu Xóm Khách	KX	xã Long Chữ	H. Bến Cầu	11° 09' 41"	106° 07' 20"					C-48-21-C-a
rạch Xóm Khách	TV	xã Long Chữ	H. Bến Cầu			11° 09' 17"	106° 05' 02"	11° 09' 17"	106° 07' 48"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
đường tỉnh 786	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-a
Ấp Bảo	DC	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 08' 41"	106° 07' 19"					C-48-21-C-a
Rạch Bảo	TV	xã Long Giang	H. Bến Cầu			11° 09' 53"	106° 08' 27"	11° 06' 07"	106° 05' 04"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
thành Bảo Long Giang	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 08' 37"	106° 07' 21"					C-48-21-C-a
cầu Bàu Tượng	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 54"	106° 06' 41"					C-48-21-C-a
cầu Bù Lu	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 46"	106° 05' 00"					C-48-21-C-a
chùa Bửu Long	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 50"	106° 06' 45"					C-48-21-C-a
ấp Cao Su	DC	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 10' 06"	106° 05' 43"					C-48-21-C-a
cầu Gò Cầy	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 10' 18"	106° 05' 13"					C-48-21-C-a
Rạch Hẻo	TV	xã Long Giang	H. Bến Cầu			11° 09' 06"	106° 03' 51"	11° 09' 06"	106° 04' 56"	C-48-21-C-a
đình thần Long Giang	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 08' 44"	106° 07' 29"					C-48-21-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh tiêu Long Phước	TV	xã Long Giang	H. Bến Cầu			11° 08' 46"	106° 01' 42"	11° 09' 32"	106° 04' 58"	C-48-21-C-a
ấp Long Tân	DC	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 48"	106° 06' 05"					C-48-21-C-a
kênh tiêu T2	TV	xã Long Giang	H. Bến Cầu			11° 10' 44"	106° 00' 48"	11° 10' 16"	106° 05' 12"	C-48-21-C-a
bàu Tà Ôn	TV	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 16"	106° 04' 58"					C-48-21-C-a
ấp Xóm Khách	DC	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 03"	106° 07' 12"					C-48-21-C-a
cầu Xóm Khách	KX	xã Long Giang	H. Bến Cầu	11° 09' 41"	106° 07' 20"					C-48-21-C-a
rạch Xóm Khách	TV	xã Long Giang	H. Bến Cầu			11° 09' 17"	106° 05' 02"	11° 09' 17"	106° 07' 48"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
đường tỉnh 786	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-a
Rạch Bảo (Rạch Bào)	TV	xã Long Khánh	H. Bến Cầu			11° 09' 53"	106° 08' 27"	11° 06' 07"	106° 05' 04"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-c
cầu Bàu Nổ	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 07' 49"	106° 06' 03"					C-48-21-C-a
kênh Bàu Nổ	TV	xã Long Khánh	H. Bến Cầu			11° 07' 58"	106° 06' 50"	11° 07' 14"	106° 03' 49"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-c
Di tích căn cứ Chi bộ và xã đội Long Khánh thời chống Mỹ	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 07' 06"	106° 04' 16"					C-48-21-C-c
Bàu Hàng	TV	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 07' 47"	106° 05' 44"					C-48-21-C-a
Rạch Hẻo	TV	xã Long Khánh	H. Bến Cầu			11° 09' 06"	106° 03' 51"	11° 09' 06"	106° 04' 56"	C-48-21-C-a
ấp Long Châu	DC	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 18"	106° 07' 05"					C-48-21-C-a
ấp Long Cường	DC	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 07' 23"	106° 06' 06"					C-48-21-C-c
đình thần Long Khánh	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 16"	106° 07' 20"					C-48-21-C-c
thánh thất Long Khánh	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 15"	106° 07' 17"					C-48-21-C-a
ấp Long Phú	DC	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 18"	106° 06' 25"					C-48-21-C-a
ấp Long Thịnh	DC	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 11"	106° 05' 40"					C-48-21-C-a
chùa Long Thọ	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 09"	106° 06' 37"					C-48-21-C-a
cầu Long Thuận	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 08' 03"	106° 07' 23"					C-48-21-C-a
Bàu Nổ	TV	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 07' 48"	106° 06' 00"					C-48-21-C-a
kênh tiêu T1	TV	xã Long Khánh	H. Bến Cầu			11° 08' 40"	106° 01' 39"	11° 06' 28"	106° 04' 27"	C-48-21-C-c
cầu Thúc Múc	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 06' 13"	106° 05' 09"					C-48-21-C-c
công ty Vinamilk	KX	xã Long Khánh	H. Bến Cầu	11° 07' 32"	106° 04' 14"					C-48-21-C-c
bàu Ba Vũng	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 08' 40"	106° 01' 36"					C-48-21-C-a
bàu Cây Gáo	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 09' 09"	106° 02' 28"					C-48-21-C-a
kênh tiêu Long Phước	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu			11° 08' 46"	106° 01' 42"	11° 09' 32"	106° 04' 58"	C-48-21-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Bàu Mây	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu			11° 09' 56"	106° 04' 31"			C-48-21-C-a
Bàu Môn	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 08' 35"	106° 02' 00"					C-48-21-C-a
Bàu Năng	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 11' 14"	106° 01' 34"					C-48-21-C-a
bàu Nước Hến	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu			11° 09' 38"	106° 04' 10"			C-48-21-C-a
bàu Ông Tảo	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 11' 00"	106° 01' 42"					C-48-21-C-a
ấp Phước Đông	DC	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 09' 51"	106° 04' 31"					C-48-21-C-a
ấp Phước Tây	DC	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 11' 07"	106° 01' 38"					C-48-21-C-a
ấp Phước Trung	DC	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 08' 59"	106° 02' 02"					C-48-21-C-a
Di tích Lịch sử văn hoá Căn cứ Rừng Nhum	KX	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 10' 39"	106° 04' 16"					C-48-21-C-a
kênh tiêu T1	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu			11° 08' 40"	106° 01' 39"	11° 06' 28"	106° 04' 27"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-c
kênh tiêu T2	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu			11° 10' 44"	106° 00' 48"	11° 10' 16"	106° 05' 12"	C-48-21-C-a
kênh tiêu T3	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu			11° 11' 27"	106° 01' 20"	11° 08' 46"	106° 01' 42"	C-48-21-C-a
Đài tưởng niệm liệt sỹ Thanh Niên Xung Phong Hồ Chí Minh	KX	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 10' 00"	106° 01' 29"					C-48-21-C-a
công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công	KX	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 08' 58"	106° 02' 38"					C-48-21-C-c
bàu Vàng Hô	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 08' 48"	106° 02' 53"					C-48-21-C-a
Bàu Vuông	TV	xã Long Phước	H. Bến Cầu	11° 08' 09"	106° 02' 00"					C-48-21-C-a
đường tỉnh 786	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
Rạch Bảo (Rạch Bào)	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 09' 53"	106° 08' 27"	11° 06' 07"	106° 05' 04"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-c
Kênh Chính	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 07' 55"	106° 07' 16"	11° 06' 23"	106° 07' 40"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b; C-48-21-C-c
cầu Chốt Long An	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 00"	106° 08' 11"					C-48-21-C-d
kênh Đìa Xù	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 59"	106° 06' 24"	11° 06' 00"	106° 13' 39"	C-48-21-C-c; C-48-21-C-d
cầu K13	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 06"	106° 06' 54"					C-48-21-C-c
Suối Làng	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 04' 35"	106° 06' 15"	11° 05' 59"	106° 06' 56"	C-48-21-C-c
ấp Long An	DC	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 10"	106° 08' 07"					C-48-21-C-d
ấp Long Hoà	DC	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 49"	106° 07' 36"					C-48-21-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Long Hưng	DC	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 37"	106° 06' 13"					C-48-21-C-c
Bến nước Long Hưng	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 59"	106° 06' 39"					C-48-21-C-c
cầu Long Hưng	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 54"	106° 06' 38"					C-48-21-C-c
ấp Long Phi	DC	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 22"	106° 07' 51"					C-48-21-C-d
cầu Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 08' 03"	106° 07' 23"					C-48-21-C-a
đình Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 57"	106° 07' 27"					C-48-21-C-a
thánh thất Long Thuận	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 56"	106° 07' 27"					C-48-21-C-a
giồng Mồ Côi	DC	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 54"	106° 07' 24"					C-48-21-C-a
kênh N1	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 07' 07"	106° 07' 44"	11° 07' 31"	106° 08' 06"	C-48-21-C-d
kênh N3	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 54"	106° 07' 51"	11° 06' 19"	106° 08' 20"	C-48-21-C-d
kênh N3A	TV	xã Long Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 57"	106° 07' 51"	11° 07' 27"	106° 09' 12"	C-48-21-C-d
ấp Ngã Tắc	DC	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 12"	106° 06' 55"					C-48-21-C-c
chùa Pháp Hải	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 54"	106° 07' 32"					C-48-21-C-a
cầu Thúc Múc	KX	xã Long Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 13"	106° 05' 09"					C-48-21-C-c
quốc lộ 22 (Quốc lộ 1)	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-C-d
đường tỉnh 786	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-d
công ty Địa ốc An Phú	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 05' 51"	106° 11' 33"					C-48-21-C-d
ấp An Thuận	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 53"	106° 11' 08"					C-48-21-C-d
kênh AT.2	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 04' 44"	106° 11' 28"	11° 04' 01"	106° 12' 03"	C-48-21-C-d
kênh AT.3	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 04' 49"	106° 11' 55"	11° 03' 21"	106° 13' 34"	C-48-21-C-d
kênh Biên Giới	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 00' 00"	106° 11' 52"	11° 04' 01"	106° 12' 03"	C-48-21-C-d
khu kinh tế Cửa Khẩu Mộc Bài	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 51"	106° 11' 32"					C-48-21-C-d
kênh Đất Cụt	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 08' 04"	106° 11' 33"	11° 08' 41"	106° 12' 12"	C-48-21-C-b
cầu Đìa Xù	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 13"	106° 10' 48"					C-48-21-C-d
kênh Đìa Xù	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 59"	106° 06' 24"	11° 06' 00"	106° 13' 39"	C-48-21-C-d
cầu Gò Ngãi	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 03' 40"	106° 11' 56"					C-48-21-C-d
cầu Gò Suối	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 00"	106° 11' 40"					C-48-21-C-d
kênh Gò Suối	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 03' 57"	106° 10' 58"	11° 04' 45"	106° 14' 39"	C-48-21-C-d
rạch Gò Suối	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 03' 40"	106° 11' 56"	11° 03' 21"	106° 13' 34"	C-48-21-C-d
Trung tâm Thương mại Hiệp Thành	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 32"	106° 11' 04"					C-48-21-C-d
cửa khẩu Mộc Bài	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 38"	106° 10' 17"					C-48-21-C-d
Rạch Nhiên	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 08' 22"	106° 12' 30"	11° 08' 54"	106° 13' 40"	C-48-21-C-b
Cầu Nhỏ	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 05' 35"	106° 12' 28"					C-48-21-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Cầu Phao	KX	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 05' 54"	106° 12' 23"					C-48-21-C-d
khu nhà ở Phi Long	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 58"	106° 10' 33"					C-48-21-C-d
kênh tiêu T5	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 09' 07"	106° 11' 49"	11° 07' 31"	106° 13' 14"	C-48-21-C-b
kênh tiêu T6	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 09' 04"	106° 11' 31"	11° 06' 52"	106° 13' 17"	C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
kênh T650	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 08' 48"	106° 13' 43"	11° 07' 44"	106° 13' 04"	C-48-21-C-b
ấp Thuận Chánh	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 24"	106° 11' 17"					C-48-21-C-d
ấp Thuận Đông	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 03"	106° 11' 18"					C-48-21-C-d
ấp Thuận Hoà	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 37"	106° 11' 16"					C-48-21-C-b
ấp Thuận Tâm	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 20"	106° 11' 37"					C-48-21-C-d
ấp Thuận Tây	DC	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu	11° 04' 32"	106° 11' 19"					C-48-21-C-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Lợi Thuận	H. Bến Cầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
đường tỉnh 786	KX	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-d
Ấp A	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 08' 20"	106° 11' 04"					C-48-21-C-b
Ấp B	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 09' 12"	106° 10' 14"					C-48-21-C-b
Rạch Bảo	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 09' 53"	106° 08' 27"	11° 06' 07"	106° 05' 04"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
ấp Bàu Tép	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 08' 57"	106° 09' 23"					C-48-21-C-b
đình Bàu Tép	KX	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 08' 38"	106° 09' 20"					C-48-21-C-b
ấp Bàu Tràm Lớn	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 09' 01"	106° 08' 35"					C-48-21-C-b
đình Bàu Tràm Lớn	KX	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 09' 16"	106° 09' 21"					C-48-21-C-b
ấp Bàu Tràm Nhỏ	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 08' 02"	106° 08' 16"					C-48-21-C-b
khu di tích Bến Đình	KX	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 09' 30"	106° 09' 38"					C-48-21-C-b
kênh Đất Cụt	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 08' 04"	106° 11' 33"	11° 08' 41"	106° 12' 12"	C-48-21-C-b
kênh Đìa Xù	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 59"	106° 06' 24"	11° 06' 00"	106° 13' 39"	C-48-21-C-d
kênh N1	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 07' 07"	106° 07' 44"	11° 07' 31"	106° 08' 06"	C-48-21-C-d
kênh N3	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 54"	106° 07' 51"	11° 06' 19"	106° 08' 20"	C-48-21-C-d
kênh N3A	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 06' 57"	106° 07' 51"	11° 07' 27"	106° 09' 12"	C-48-21-C-d
Rạch Nhiên	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 08' 22"	106° 12' 30"	11° 08' 54"	106° 13' 40"	C-48-21-C-b
điện thờ Phật mẫu	KX	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 54"	106° 08' 49"					C-48-21-C-d
ấp Rừng Dầu	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 41"	106° 08' 58"					C-48-21-C-d
kênh tiêu T5	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 09' 07"	106° 11' 49"	11° 07' 31"	106° 13' 14"	C-48-21-C-b
kênh tiêu T6	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 09' 04"	106° 11' 31"	11° 06' 52"	106° 13' 17"	C-48-21-C-b
ấp Tân Lập	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 55"	106° 08' 59"					C-48-21-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất Tiên Thuận	KX	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 06' 48"	106° 08' 54"					C-48-21-C-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b
ấp Xóm Lò	DC	xã Tiên Thuận	H. Bến Cầu	11° 07' 28"	106° 08' 32"					C-48-21-C-d
Khu phố 1	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 55"	106° 01' 36"					C-48-21-A-c
Khu phố 2	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 19' 04"	106° 01' 15"					C-48-21-A-c
Khu phố 3	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 38"	106° 01' 26"					C-48-21-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 52"	106° 02' 12"					C-48-21-A-c
đường tỉnh 781	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-c
giáo xứ Cao Xá	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 53"	106° 01' 16"					C-48-21-A-c
Nữ tu viện Đa Minh	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 58"	106° 01' 13"					C-48-21-A-c
Phật đường Diệu Pháp	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 44"	106° 02' 13"					C-48-21-A-c
xí nghiệp Gạch Đông Á	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 19' 54"	106° 01' 41"					C-48-21-A-c
Trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 19' 05"	106° 01' 42"					C-48-21-A-c
Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 59"	106° 01' 41"					C-48-21-A-c
giáo xứ Phú Ninh	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 19' 03"	106° 01' 33"					C-48-21-A-c
giáo xứ Thánh Tuân	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 18' 51"	106° 01' 04"					C-48-21-A-c
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thành Vũ	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 19' 38"	106° 02' 10"					C-48-21-A-c
kênh TN17	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			11° 24' 53"	106° 03' 02"	11° 17' 02"	106° 03' 38"	C-48-21-A-c
kênh TN17-16A	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			11° 18' 42"	106° 02' 37"	11° 17' 41"	106° 01' 09"	C-48-21-A-c
giáo xứ Vinh Sơn	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	11° 19' 00"	106° 01' 27"					C-48-21-A-c
quốc lộ 22B	KX	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
cầu An Bình	KX	xã An Bình	H. Châu Thành	11° 17' 12"	106° 02' 43"					C-48-21-A-c
ấp An Điền	DC	xã An Bình	H. Châu Thành	11° 17' 26"	106° 03' 17"					C-48-21-A-c
ấp An Hoà	DC	xã An Bình	H. Châu Thành	11° 16' 12"	106° 03' 50"					C-48-21-A-c
rạch Bến Kinh	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 18' 08"	106° 02' 39"	11° 17' 13"	106° 00' 42"	C-48-21-A-c
rạch Cây Khô	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 15' 32"	106° 03' 16"	11° 14' 57"	106° 03' 13"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
rạch Cây Xoài	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 15' 47"	106° 04' 27"	11° 15' 14"	106° 03' 39"	C-48-21-A-c
ấp Thanh An	DC	xã An Bình	H. Châu Thành	11° 17' 30"	106° 02' 33"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Bình	DC	xã An Bình	H. Châu Thành	11° 16' 25"	106° 03' 18"					C-48-21-A-c
kênh TN17	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 24' 53"	106° 03' 02"	11° 17' 02"	106° 03' 38"	C-48-21-A-c
kênh TN17-16	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 18' 34"	106° 02' 43"	11° 17' 40"	106° 02' 38"	C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh TN17-21-1	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 17' 02"	106° 03' 38"	11° 16' 35"	106° 05' 08"	C-48-21-A-c
kênh TN17-243	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 17' 02"	106° 03' 38"	11° 16' 20"	106° 02' 22"	C-48-21-A-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
Kênh Xáng	TV	xã An Bình	H. Châu Thành			11° 15' 50"	106° 03' 57"	11° 14' 50"	106° 03' 26"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
kênh tiêu 13C	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 45"	105° 59' 45"	11° 19' 52"	105° 58' 49"	C-48-20-B-b; C-48-21-A-a
đường tỉnh 788	KX	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 22' 19"	106° 02' 48"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-21-A-a; C-48-20-B-b
giáo xứ An Cơ	KX	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 23' 35"	105° 58' 24"					C-48-20-B-b
thánh thất họ đạo An Cơ	KX	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 23' 42"	106° 00' 27"					C-48-21-A-a
ấp An Lộc	DC	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 26' 01"	105° 58' 39"					C-48-20-B-b
ấp An Thọ	DC	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 25' 27"	105° 58' 45"					C-48-20-B-b
rạch Bến Đá	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 25"	105° 57' 31"	11° 21' 03"	105° 57' 04"	C-48-20-B-b
suối Cầu Da	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 09"	106° 00' 20"	11° 20' 08"	106° 00' 13"	C-48-21-A-a
suối Cây Sung	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 25' 02"	105° 59' 29"	11° 25' 43"	105° 58' 13"	C-48-20-B-b
ấp Sa Nghe	DC	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 24' 27"	105° 59' 57"					C-48-20-B-b
kênh T7-A	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 27' 12"	106° 00' 21"	11° 24' 59"	106° 00' 51"	C-48-21-A-a
Kênh Tây	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-20-B-b; C-48-21-A-a
kênh TN10	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 25' 01"	106° 00' 03"	11° 27' 16"	105° 58' 40"	C-48-20-B-b
kênh TN10-5	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 25' 56"	105° 59' 18"	11° 25' 48"	105° 58' 42"	C-48-20-B-b
kênh TN19	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 24' 57"	106° 01' 17"	11° 21' 12"	106° 00' 53"	C-48-21-A-a
kênh TN21	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 25' 00"	106° 00' 13"	11° 19' 29"	105° 58' 56"	C-48-21-A-a
kênh TN25	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 25' 03"	105° 58' 53"	11° 20' 53"	105° 57' 59"	C-48-20-B-b
kênh TN25-4	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 39"	105° 58' 54"	11° 23' 33"	105° 57' 50"	C-48-20-B-b
kênh TN25-5	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 39"	105° 58' 54"	11° 23' 40"	105° 59' 26"	C-48-20-B-b
kênh TN25-6	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 16"	105° 58' 55"	11° 23' 16"	105° 57' 45"	C-48-20-B-b
kênh TN25-7	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 25"	105° 58' 55"	11° 22' 57"	106° 00' 00"	C-48-20-B-b
kênh TN25-9	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 23' 19"	105° 59' 02"	11° 22' 29"	105° 59' 52"	C-48-20-B-b
Ấp Vịnh	DC	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 23' 51"	105° 58' 47"					C-48-20-B-b
Cầu Vịnh	KX	xã An Cơ	H. Châu Thành	11° 23' 42"	105° 57' 41"					C-48-20-B-b
Sông Vịnh	TV	xã An Cơ	H. Châu Thành			11° 27' 13"	105° 57' 48"	11° 23' 25"	105° 57' 31"	C-48-20-B-b
Đường xã 7	KX	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 16' 13"	105° 57' 52"	11° 20' 24"	105° 52' 29"	C-48-20-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường xã 12	KX	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 20' 11"	105° 53' 54"	11° 22' 15"	105° 54' 50"	C-48-20-B-d
ấp Bến Cầu	DC	xã Biên Giới	H. Châu Thành	11° 20' 15"	105° 53' 58"					C-48-20-B-d
kênh Biên Giới	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 21' 01"	105° 54' 57"	11° 22' 09"	105° 53' 17"	C-48-20-B-d
rạch Cái Cây (rạch Cái Cây)	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 24' 20"	105° 52' 11"	11° 24' 53"	105° 53' 04"	C-48-20-B-a; C-48-20-B-b
rạch Cầu Đương (rạch Tam Ru)	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 24' 20"	105° 52' 11"	11° 23' 58"	105° 53' 12"	C-48-20-B-a; C-48-20-B-b
Rạch Chuột	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 22' 02"	105° 53' 25"	11° 22' 13"	105° 54' 15"	C-48-20-B-d
rạch Lồ Cồ	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 21' 54"	105° 53' 14"	11° 23' 10"	105° 53' 42"	C-48-20-B-b; C-48-20-B-d
cầu Nàng Dình	KX	xã Biên Giới	H. Châu Thành	11° 19' 50"	105° 53' 57"					C-48-20-B-d
rạch Nàng Dình (rạch Nàng Đinh)	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 17' 32"	105° 51' 41"	11° 21' 23"	105° 55' 25"	C-48-20-B-c; C-48-20-B-d
ấp Rạch Tre	DC	xã Biên Giới	H. Châu Thành	11° 21' 47"	105° 55' 00"					C-48-20-B-d
cầu Rạch Tre	KX	xã Biên Giới	H. Châu Thành	11° 21' 25"	105° 54' 20"					C-48-20-B-d
ấp Tân Định	DC	xã Biên Giới	H. Châu Thành	11° 22' 57"	105° 53' 23"					C-48-20-B-b
ấp Tân Long	DC	xã Biên Giới	H. Châu Thành	11° 18' 37"	105° 52' 47"					C-48-20-B-d
sông Vàm Cỏ Đông (rạch Cái Bác)	TV	xã Biên Giới	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B-b; C-48-20-B-d
quốc lộ 22B	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-a
đường tỉnh 788	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 22' 19"	106° 02' 48"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-a
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 23' 11"	106° 03' 17"					C-48-21-A-a
ấp Bình Lương	DC	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 23' 51"	106° 02' 57"					C-48-21-A-a
suối Cầu Da	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 23' 09"	106° 00' 20"	11° 20' 08"	106° 00' 13"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
ấp Cầy Xiêng	DC	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 20' 14"	106° 04' 17"					C-48-21-A-c
ấp Chòm Dừa	DC	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 24' 01"	106° 01' 28"					C-48-21-A-a
thánh thất họ đạo Đồng Khởi	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 20' 23"	106° 04' 20"					C-48-21-A-c
Đường xã 2	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 21' 44"	106° 01' 21"	11° 21' 26"	106° 03' 30"	C-48-21-A-c
chùa Phước Trường	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 20' 33"	106° 04' 21"					C-48-21-A-c
Kênh Tây	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh TN17	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 24' 53"	106° 03' 02"	11° 17' 02"	106° 03' 38"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
kênh TN17-3	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 22' 25"	106° 02' 57"	11° 22' 17"	106° 03' 52"	C-48-21-A-c
kênh TN17-5	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 22' 12"	106° 02' 55"	11° 21' 43"	106° 04' 11"	C-48-21-A-c
kênh TN17-7	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 21' 12"	106° 02' 39"	11° 20' 32"	106° 05' 05"	C-48-21-A-c
kênh TN17-13	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 20' 22"	106° 02' 28"	11° 20' 06"	106° 05' 20"	C-48-21-A-c
kênh TN19	TV	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành			11° 24' 57"	106° 01' 17"	11° 21' 12"	106° 00' 53"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
ấp Tua Hai	DC	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 21' 33"	106° 03' 26"					C-48-21-A-c
Di tích Lịch sử Chiến thắng Tua Hai	KX	xã Đồng Khởi	H. Châu Thành	11° 21' 29"	106° 03' 37"					C-48-21-A-c
kênh tiêu 13C	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 23' 45"	105° 59' 45"	11° 19' 52"	105° 58' 49"	C-48-20-B-b; C-48-20-B-d; C-48-21-A-a
ấp Bàu Sen	DC	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 21' 18"	106° 00' 19"					C-48-21-A-c
rạch Bến Đá	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 23' 25"	105° 57' 31"	11° 21' 03"	105° 57' 04"	C-48-20-B-b; C-48-20-B-c
giáo xứ Bến Trường	KX	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 21' 33"	105° 58' 00"					C-48-20-B-d
ấp Bình Lợi	DC	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 22' 13"	105° 58' 00"					C-48-20-B-d
suối Cầu Da	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 23' 09"	106° 00' 20"	11° 20' 08"	106° 00' 13"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
ấp Cầu Trường	DC	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 22' 23"	106° 00' 31"					C-48-21-A-c
Cầu Da	KX	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 20' 59"	106° 00' 50"					C-48-21-A-c
thánh thất họ đạo Hảo Đước	KX	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 21' 28"	106° 00' 30"					C-48-20-A-c
đường xã 11B	KX	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 21' 36"	105° 58' 32"	11° 18' 41"	106° 00' 39"	C-48-20-B-d; C-48-21-A-c
tịnh xá Ngọc Như	KX	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 22' 36"	106° 00' 33"					C-48-20-A-a
ấp Sân Lễ	DC	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 21' 55"	105° 58' 37"					C-48-20-B-d
kênh TN21	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 25' 00"	106° 00' 13"	11° 19' 29"	105° 58' 56"	C-48-20-B-d; C-48-21-A-a; C-48-21-A-c
kênh TN25	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 25' 03"	105° 58' 53"	11° 20' 53"	105° 57' 59"	C-48-20-B-b; C-48-20-B-d
kênh TN25-6	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 23' 16"	105° 58' 55"	11° 23' 16"	105° 57' 45"	C-48-20-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh TN25-7	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 23' 25"	105° 58' 55"	11° 22' 57"	106° 00' 00"	C-48-20-B-b
kênh TN25-9	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 23' 19"	105° 59' 02"	11° 22' 29"	105° 59' 52"	C-48-20-B-b
kênh TN25-12	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 21' 39"	105° 58' 34"	11° 21' 42"	105° 57' 29"	C-48-20-B-d
kênh TN25-18	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 21' 35"	105° 58' 34"	11° 20' 53"	105° 58' 17"	C-48-20-B-d
Ấp Trường	DC	xã Hảo Đước	H. Châu Thành	11° 21' 18"	105° 57' 53"					C-48-20-B-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hảo Đước	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B-d
đường xã 7	KX	xã Hoà Hội	H. Châu Thành			11° 16' 13"	105° 57' 52"	11° 20' 24"	105° 52' 29"	C-48-20-B-d
đường huyện 23	KX	xã Hoà Hội	H. Châu Thành			11° 18' 37"	105° 56' 17"	11° 17' 03"	105° 59' 31"	C-48-20-B-d
kênh Biên Hoà	TV	xã Hoà Hội	H. Châu Thành			11° 15' 09"	105° 54' 47"	11° 17' 12"	105° 58' 24"	C-48-20-D-b
ấp Bố Lớn	DC	xã Hoà Hội	H. Châu Thành	11° 17' 58"	105° 56' 19"					C-48-20-B-d
ấp Bưng Rò	DC	xã Hoà Hội	H. Châu Thành	11° 18' 27"	105° 58' 53"					C-48-20-B-d
ấp Hoà Bình	DC	xã Hoà Hội	H. Châu Thành	11° 19' 55"	105° 57' 39"					C-48-20-B-d
cầu Hoà Bình	KX	xã Hoà Hội	H. Châu Thành	11° 18' 50"	105° 56' 01"					C-48-20-B-d
ấp Lưu Văn Vẳng	DC	xã Hoà Hội	H. Châu Thành	11° 19' 01"	105° 56' 39"					C-48-20-B-d
cầu Ông Cố	KX	xã Hoà Hội	H. Châu Thành	11° 17' 33"	105° 59' 12"					C-48-20-B-d
kênh tiêu Rạch Ông Cố	TV	xã Hoà Hội	H. Châu Thành			11° 17' 12"	105° 58' 24"	11° 17' 33"	105° 59' 48"	C-48-20-D-b
kênh Sóc So-Hoà Hội	TV	xã Hoà Hội	H. Châu Thành			11° 18' 09"	105° 52' 41"	11° 20' 49"	105° 56' 44"	C-48-20-B-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hoà Hội	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B-d; C-48-21-A-c
đường xã 7	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành			11° 16' 13"	105° 57' 52"	11° 20' 24"	105° 52' 29"	C-48-20-B-d
quốc lộ 14C	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành			11° 29' 33"	105° 56' 27"	11° 19' 16"	105° 55' 31"	C-48-20-B-b, C-48-20-B-d
ấp Cây Ổi	DC	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 21' 04"	105° 55' 38"					C-48-20-B-d
bến đò Cây Ổi	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 21' 17"	105° 55' 40"					C-48-20-B-d
ấp Hiệp Bình	DC	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 17' 49"	105° 53' 14"					C-48-20-B-d
cầu Hiệp Bình	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 18' 02"	105° 53' 22"					C-48-20-B-d
ấp Hiệp Phước	DC	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 19' 14"	105° 55' 34"					C-48-20-B-d
chùa Hiệp Phước	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 19' 02"	105° 55' 25"					C-48-20-B-d
ấp Hiệp Thành	DC	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 19' 21"	105° 54' 13"					C-48-20-B-d
cầu Hòa Bình	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 18' 50"	105° 56' 01"					C-48-20-B-d
ấp Hoà Hợp	DC	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 17' 55"	105° 55' 00"					C-48-20-B-d
giáo xứ Hoà Thạnh	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 19' 23"	105° 55' 37"					C-48-20-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu rừng Di tích Căn cứ Huyện uỷ Châu Thành.	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 19' 02"	105° 54' 47"					C-48-20-B-d
cầu Nàng Dình	KX	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành	11° 19' 50"	105° 53' 57"					C-48-20-B-d
rạch Nàng Dình (rạch Nàng Đinh)	TV	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành			11° 17' 32"	105° 51' 41"	11° 21' 23"	105° 55' 25"	C-48-20-B-c; C-48-20-B-d
kênh Sóc So-Hoà Hội	TV	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành			11° 18' 09"	105° 52' 41"	11° 20' 49"	105° 56' 44"	C-48-20-B-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hoà Thạnh	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B-d
đường tỉnh 786	KX	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-a
đường tỉnh 796	KX	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành			11° 17' 06"	105° 59' 38"	11° 13' 30"	106° 05' 12"	C-48-21-C-a
khu lưu niệm Giồng Nần	KX	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 13' 29"	106° 07' 18"					C-48-21-C-a
cầu Gò Chai	KX	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 14' 04"	106° 05' 06"					C-48-21-C-a
rạch Hố Đồn	TV	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành			11° 12' 15"	106° 07' 27"	11° 12' 08"	106° 08' 45"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
ấp Long Chẩn	DC	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 13' 40"	106° 04' 46"					C-48-21-C-a
ấp Long Châu	DC	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 12' 58"	106° 04' 48"					C-48-21-C-a
ấp Long Đại	DC	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 13' 30"	106° 07' 00"					C-48-21-C-a
ấp Long Phú	DC	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 12' 25"	106° 07' 13"					C-48-21-C-a
thánh thất họ đạo Long Vĩnh	KX	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành	11° 12' 56"	106° 06' 09"					C-48-21-C-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Long Vĩnh	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
đường tỉnh 796	KX	xã Ninh Điền	H. Châu Thành			11° 17' 06"	105° 59' 38"	11° 13' 30"	106° 05' 12"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
kênh Bắc Cô Pha Xi	TV	xã Ninh Điền	H. Châu Thành			11° 12' 18"	106° 01' 41"	11° 12' 57"	105° 57' 44"	C-48-20-D-b; C-48-21-C-a
ấp Bến Cừ	DC	xã Ninh Điền	H. Châu Thành	11° 15' 19"	106° 01' 18"					C-48-21-A-a
ấp Gò Nổi	DC	xã Ninh Điền	H. Châu Thành	11° 14' 40"	106° 02' 14"					C-48-21-C-a
công ty Hưng Thịnh	KX	xã Ninh Điền	H. Châu Thành	11° 12' 34"	106° 00' 18"					C-48-21-C-a
kênh Nam Cô Pha Xi	TV	xã Ninh Điền	H. Châu Thành			11° 12' 16"	106° 01' 52"	11° 11' 49"	106° 00' 09"	C-48-21-C-a
cầu Ninh Điền	KX	xã Ninh Điền	H. Châu Thành	11° 16' 06"	106° 00' 24"					C-48-21-A-a
rạch Thầy Cai	TV	xã Ninh Điền	H. Châu Thành			11° 12' 11"	105° 57' 01"	11° 16' 29"	106° 00' 37"	C-48-20-B-d; C-48-20-D-b; C-48-21-A-c
ấp Trà Sim	DC	xã Ninh Điền	H. Châu Thành	11° 13' 53"	106° 03' 16"					C-48-21-C-a
bàu Truông Heo	TV	xã Ninh Điền	H. Châu Thành	11° 12' 01"	105° 58' 23"					C-48-20-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Ninh Điền	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
Ấp 1	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 25' 19"	105° 56' 37"					C-48-20-B-b
Ấp 2	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 24' 43"	105° 56' 27"					C-48-20-B-b
Ấp 3	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 24' 23"	105° 56' 43"					C-48-20-B-b
quốc lộ 14C	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 29' 33"	105° 56' 27"	11° 19' 16"	105° 55' 31"	C-48-20-B-b, C-48-20-B-d
đường tỉnh 788	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 22' 19"	106° 02' 48"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-20-B-b
bến đò Băng Dung	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 22' 24"	105° 55' 15"					C-48-20-B-b
rạch Bến Đá	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 23' 25"	105° 57' 31"	11° 21' 03"	105° 57' 04"	C-48-20-B-b; C-48-20-B-c
bến đò Bực Lỡ	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 23' 12"	105° 53' 46"					C-48-20-B-b
rạch Cái Bác (rạch Cái Bác)	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 36' 02"	105° 48' 27"	11° 24' 53"	105° 53' 04"	C-48-20-B-b
rạch Cái Cây	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 24' 20"	105° 52' 11"	11° 24' 53"	105° 53' 04"	C-48-20-B-a; C-48-20-B-b
bến đò Cây Ổi	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 21' 17"	105° 55' 40"					C-48-20-B-d
Suối Cùng	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 24' 59"	105° 55' 49"	11° 24' 34"	105° 57' 16"	C-48-20-B-b
cầu Nàng Rò	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 27' 10"	105° 54' 17"					C-48-20-B-b
ấp Phước Hoà	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 24' 04"	105° 55' 34"					C-48-20-B-b
ấp Phước Lập	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 23' 26"	105° 56' 38"					C-48-20-B-b
ấp Phước Lộc	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 22' 15"	105° 56' 07"					C-48-20-B-d
ấp Phước Lợi	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 23' 53"	105° 56' 51"					C-48-20-B-b
ấp Phước Thạnh	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 22' 29"	105° 56' 52"					C-48-20-B-d
ấp Phước Trung	DC	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 24' 16"	105° 54' 20"					C-48-20-B-b
kênh Tam Thái	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 25' 36"	105° 53' 33"	11° 24' 32"	105° 53' 32"	C-48-20-B-b
Đồi Thơ	SV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 26' 02"	105° 55' 48"					C-48-20-B-b
suối Tống Du	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 26' 20"	105° 55' 49"	11° 25' 11"	105° 56' 50"	C-48-20-B-b
bến đò Trung Dân	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 24' 14"	105° 53' 32"					C-48-20-B-b
sông Vàm Cỏ Đông (rạch Cái Bác)	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B-b
Cầu Vịnh	KX	xã Phước Vinh	H. Châu Thành	11° 23' 42"	105° 57' 41"					C-48-20-B-b
Sông Vịnh	TV	xã Phước Vinh	H. Châu Thành			11° 27' 13"	105° 57' 48"	11° 23' 25"	105° 57' 31"	C-48-20-B-b
quốc lộ 22B	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 781	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Bến Kinh	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 18' 08"	106° 02' 39"	11° 17' 13"	106° 00' 42"	C-48-21-A-c
ấp Bình Hoà	DC	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 18' 44"	106° 03' 45"					C-48-21-A-c
ấp Bình Long	DC	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 19' 02"	106° 03' 45"					C-48-21-A-c
ấp Bình Phong	DC	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 19' 00"	106° 04' 33"					C-48-21-A-c
suối Cầu Da	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 23' 09"	106° 00' 20"	11° 20' 08"	106° 00' 13"	C-48-21-A-c
nghĩa trang liệt sỹ huyện Châu Thành-thành phố Tây Ninh	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 18' 51"	106° 03' 47"					C-48-21-A-c
Cầu Da	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 20' 59"	106° 00' 50"					C-48-21-A-c
chùa Giác Ngạn	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 18' 58"	106° 04' 40"					C-48-21-A-c
Đường xã 2	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 21' 44"	106° 01' 21"	11° 21' 26"	106° 03' 30"	C-48-21-A-c
chùa Linh Sơn-Từ Vân	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 19' 05"	106° 04' 31"					C-48-21-A-c
giáo xứ Phong Cốc	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 19' 05"	106° 04' 07"					C-48-21-A-c
ấp Suối Dộp	DC	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 19' 56"	106° 02' 02"					C-48-21-A-c
ấp Suối Muồn	DC	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 18' 56"	106° 02' 54"					C-48-21-A-c
ấp Tam Hạp	DC	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 18' 36"	106° 02' 21"					C-48-21-A-c
thánh thất Thái Bình	KX	xã Thái Bình	H. Châu Thành	11° 18' 47"	106° 03' 43"					C-48-21-A-c
kênh TN17	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 24' 53"	106° 03' 02"	11° 17' 02"	106° 03' 38"	C-48-21-A-c
kênh TN17-13	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 20' 22"	106° 02' 28"	11° 20' 06"	106° 05' 20"	C-48-21-A-c
kênh TN-17-138	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 19' 27"	106° 03' 25"	11° 19' 58"	106° 02' 22"	C-48-21-A-c
kênh TN17-16	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 18' 34"	106° 02' 43"	11° 17' 40"	106° 02' 38"	C-48-21-A-c
kênh TN17-16A	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 18' 42"	106° 02' 37"	11° 17' 41"	106° 01' 09"	C-48-21-A-c
kênh TN19	TV	xã Thái Bình	H. Châu Thành			11° 24' 57"	106° 01' 17"	11° 21' 12"	106° 00' 53"	C-48-21-A-c
quốc lộ 22B	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 786	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
miếu Bà Chúa Xứ Nguyên Nhung	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 25"	106° 05' 09"					C-48-21-A-c
rạch Cây Xoài	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 15' 47"	106° 04' 27"	11° 15' 14"	106° 03' 39"	C-48-21-A-c
trại tạm giam Công an tỉnh Tây Ninh	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 59"	106° 04' 04"					C-48-21-A-c
cầu Gò Chai	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 14' 04"	106° 05' 06"					C-48-21-C-a
Di tích Lịch sử văn hoá Gò Cổ Lâm	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 16' 37"	106° 05' 12"					C-48-21-A-c
cầu Hiệp Hoà	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 31"	106° 05' 42"					C-48-21-A-c
cầu Kênh I	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 15' 17"	106° 05' 23"					C-48-21-A-c
cầu Kênh II	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 14' 31"	106° 05' 15"					C-48-21-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Tây Ninh	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
ấp Thanh Đông	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 16' 18"	106° 05' 13"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Hoà	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 16' 01"	106° 04' 25"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Hùng	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 16' 51"	106° 04' 43"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Phước	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 12"	106° 04' 56"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Sơn	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 01"	106° 04' 17"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Thuận	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 57"	106° 04' 52"					C-48-21-A-c
ấp Thanh Trung	DC	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 15' 47"	106° 05' 11"					C-48-21-A-c
kênh TN17-21	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 16' 45"	106° 04' 15"	11° 15' 21"	106° 04' 29"	C-48-21-A-c
kênh TN17-21-1	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 17' 02"	106° 03' 38"	11° 16' 35"	106° 05' 08"	C-48-21-A-c
Kênh Triệu	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 17' 37"	106° 03' 53"	11° 17' 32"	106° 05' 30"	C-48-21-A-c
chùa Tứ Phước	KX	xã Thanh Điền	H. Châu Thành	11° 17' 16"	106° 04' 04"					C-48-21-A-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-a
Kênh Xáng	TV	xã Thanh Điền	H. Châu Thành			11° 15' 50"	106° 03' 57"	11° 14' 50"	106° 03' 26"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
Đường xã 7	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 16' 13"	105° 57' 52"	11° 20' 24"	105° 52' 29"	C-48-20-B-d
đường huyện 23	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 18' 37"	105° 56' 17"	11° 17' 03"	105° 59' 31"	C-48-20-B-d
đường tỉnh 781 (Liên tỉnh lộ 13)	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-20-B-d; C-48-20-D-b
đường tỉnh 796	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 17' 06"	105° 59' 38"	11° 13' 30"	106° 05' 12"	C-48-20-B-d; C-48-21-A-c
đồn biên phòng 843	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành							C-48-20-B-d
ấp Bắc Bến Sỏi	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 17' 08"	105° 59' 25"					C-48-20-B-d
cầu Bến Sỏi	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 17' 15"	105° 59' 55"					C-48-20-B-d
kênh Biên Hoà	TV	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 15' 09"	105° 54' 47"	11° 17' 12"	105° 58' 24"	C-48-20-D-b
giáo xứ Thánh mẫu Hoà Bình	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 14"	105° 58' 01"					C-48-20-B-d
ấp Nam Bến Sỏi	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 56"	105° 59' 38"					C-48-20-B-d
cầu Ninh Điền	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 06"	106° 00' 24"					C-48-20-B-d
cầu Ông Cố	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 17' 33"	105° 59' 12"					C-48-20-B-d
rạch Ông Cố	TV	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 17' 12"	105° 58' 24"	11° 17' 33"	105° 59' 48"	C-48-20-D-b
bàu Tà Ôn	TV	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 14' 25"	105° 57' 39"					C-48-20-D-b
ấp Thành Bắc	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 15' 56"	105° 57' 35"					C-48-20-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Thành Đông	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 06"	105° 57' 58"					C-48-20-B-d
nông trường Mía Thành Long	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 13' 53"	105° 56' 20"					C-48-20-D-b
thánh thất Thành Long	KX	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 17' 02"	105° 59' 33"					C-48-20-B-d
ấp Thành Nam	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 14' 52"	105° 57' 48"					C-48-20-D-b
ấp Thành Tân	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 23"	105° 56' 39"					C-48-20-B-d
ấp Thành Tây	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 30"	105° 58' 34"					C-48-20-B-d
ấp Thành Trung	DC	xã Thành Long	H. Châu Thành	11° 16' 18"	105° 57' 52"					C-48-20-B-d
rạch Thầy Cai	TV	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 12' 11"	105° 57' 01"	11° 16' 29"	106° 00' 37"	C-48-20-B-d; C-48-20-D-b; C-48-21-A-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thành Long	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B-d; C-48-21-A-c
đường xã 11B	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 21' 36"	105° 58' 32"	11° 18' 41"	106° 00' 39"	C-48-21-A-c; C-48-20-B-d
đường tỉnh 781	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-c; C-48-20-B-d
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 18' 04"	106° 00' 44"					C-48-20-A-c
kênh Ba Hào	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 17' 49"	106° 01' 21"	11° 17' 13"	106° 00' 42"	C-48-21-A-c
rạch Bến Kinh	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 18' 08"	106° 02' 39"	11° 17' 13"	106° 00' 42"	C-48-21-A-c
cầu Bến Sỏi	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 17' 15"	105° 59' 55"					C-48-20-B-d
suối Cầu Da	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 23' 09"	106° 00' 20"	11° 20' 08"	106° 00' 13"	C-48-20-B-d; C-48-21-A-c
Cầu Da	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 20' 59"	106° 00' 50"					C-48-20-A-c
kênh Năm Thước	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 17' 16"	106° 01' 05"	11° 17' 04"	106° 00' 01"	C-48-21-A-c
chùa Pháp Lâm	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 18' 21"	106° 00' 53"					C-48-20-A-c
ấp Tầm Long	DC	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 19' 12"	106° 00' 37"					C-48-20-A-c
kênh TN17-16A	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 18' 42"	106° 02' 37"	11° 18' 01"	106° 01' 18"	C-48-21-A-c
kênh TN21	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 25' 00"	106° 00' 13"	11° 19' 29"	105° 58' 56"	C-48-20-B-d
thánh thất Trí Bình	KX	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 18' 09"	106° 00' 51"					C-48-20-A-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-20-B- d; C-48-21-A-c
Kênh Xáng	TV	xã Trí Bình	H. Châu Thành			11° 20' 08"	106° 00' 13"	11° 18' 28"	105° 59' 21"	C-48-20-B-d
ấp Xóm Mới 1	DC	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 18' 31"	106° 00' 55"					C-48-20-A-c
ấp Xóm Mới 2	DC	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 19' 50"	106° 00' 26"					C-48-20-A-c
ấp Xóm Ruộng	DC	xã Trí Bình	H. Châu Thành	11° 18' 08"	106° 00' 58"					C-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 1	DC	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu	11° 22' 50"	106° 13' 36"					C-48-21-A-b
Khu phố 2	DC	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu	11° 23' 09"	106° 13' 31"					C-48-21-A-b
Khu phố 3	DC	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu	11° 23' 35"	106° 14' 10"					C-48-21-A-b
Khu phố 4	DC	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu	11° 23' 20"	106° 14' 03"					C-48-21-A-b
đường tỉnh 781	KX	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-b
đường tỉnh 781B	KX	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu			11° 23' 46"	106° 14' 27"	11° 27' 39"	106° 01' 27"	C-48-21-A-b
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu			11° 22' 53"	106° 13' 18"	11° 23' 46"	106° 14' 27"	C-48-21-A-b
nhà thờ Suối Đá	KX	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu	11° 23' 20"	106° 14' 12"					C-48-21-A-b
Kênh Tây	TV	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
suối Xa Cách	TV	TT. Dương Minh Châu	H. Dương Minh Châu			11° 25' 34"	106° 12' 56"	11° 22' 26"	106° 15' 06"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
đường tỉnh 781	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 784	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-A-d
kênh tiêu Bàu Đế	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 18' 08"	106° 09' 40"	11° 18' 00"	106° 08' 55"	C-48-21-A-d
thánh thất Bàu Năng	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 37"	106° 08' 58"					C-48-21-A-d
suối Lấp Vò	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 19' 43"	106° 09' 06"	11° 19' 12"	106° 07' 46"	C-48-21-A-d
Minh Cảnh Đàn	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 25"	106° 08' 25"					C-48-21-A-d
ấp Ninh An	DC	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 45"	106° 09' 15"					C-48-21-A-d
ấp Ninh Bình	DC	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 19' 00"	106° 09' 41"					C-48-21-A-d
ấp Ninh Hiệp	DC	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 52"	106° 09' 01"					C-48-21-A-d
ấp Ninh Hoà	DC	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 19' 47"	106° 10' 02"					C-48-21-A-d
ấp Ninh Phú	DC	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 19' 08"	106° 09' 12"					C-48-21-A-d
ấp Ninh Thuận	DC	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 27"	106° 08' 26"					C-48-21-A-d
đình thần Ninh Thuận	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 30"	106° 08' 20"					C-48-21-A-d
Pháp Bữu Đàn	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 50"	106° 08' 51"					C-48-21-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
điện thờ Phật mẫu	KX	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu	11° 18' 49"	106° 09' 25"					C-48-21-A-d
Kênh Tây	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-2	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 20' 11"	106° 13' 41"	11° 20' 02"	106° 10' 16"	C-48-21-A-d
kênh TN5	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 19' 15"	106° 10' 50"	11° 17' 05"	106° 08' 30"	C-48-21-A-d
kênh TN5-2	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 19' 13"	106° 10' 49"	11° 18' 57"	106° 10' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN5-3	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 18' 09"	106° 09' 55"	11° 15' 46"	106° 09' 47"	C-48-21-A-d
Suối Tre	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 21' 48"	106° 10' 21"	11° 19' 43"	106° 09' 11"	C-48-21-A-d
kênh tiêu Vườn Điều	TV	xã Bàu Năng	H. Dương Minh Châu			11° 19' 24"	106° 10' 15"	11° 19' 18"	106° 08' 58"	C-48-21-A-d
Ấp 1	DC	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 25"	106° 20' 36"					C-48-21-B-c
Ấp 2	DC	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 46"	106° 20' 08"					C-48-21-B-c
Ấp 3	DC	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 54"	106° 18' 52"					C-48-21-B-c
Ấp 4	DC	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 13' 27"	106° 19' 59"					C-48-21-D-a
đường huyện 16	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 15' 45"	106° 19' 29`"	11° 17' 20"	106° 19' 31`"	C-48-21-B-c
đường tỉnh 781	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-B-c
đường tỉnh 782	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-a
đường tỉnh 789	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 07' 57"	106° 26' 47"	11° 18' 44"	106° 19' 53"	C-48-21-B-c; C-48-21-D-a
đường tỉnh 789B	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 15' 44"	106° 20' 57"	11° 10' 15"	106° 12' 30"	C-48-21-B-c
suối Bà Ngợi	TV	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 15' 04"	106° 18' 30"	11° 15' 04"	106° 19' 22"	C-48-21-D-a
cầu Bến Củi	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 49"	106° 21' 12`"					C-48-21-B-c
nhà máy Chế biến cao su Bến Củi	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 50"	106° 19' 26"					C-48-21-B-c
nông trường cao su Bến Củi	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 41"	106° 19' 19"					C-48-21-B-c
thánh thất Cao đài Bến Củi	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 45"	106° 20' 33"					C-48-21-B-c
cầu Bến Sắn	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 12' 53"	106° 21' 04"					C-48-21-D-a
rạch Cầu Ngang	TV	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 15' 04"	106° 19' 22"	11° 12' 53"	106° 21' 04"	C-48-21-D-a
Kênh Đông	TV	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-B-c
chùa Linh Quang	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 43"	106° 20' 12"					C-48-21-B-c
cầu Năm Thiên	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 13' 35"	106° 19' 44"					C-48-21-D-a
suối Ông Hùng	TV	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 15' 46"	106° 18' 27"	11° 15' 04"	106° 18' 30"	C-48-21-B-c
miếu Ông Tà	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 36"	106° 20' 35"					C-48-21-B-c
sông Sài Gòn	TV	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu			11° 40' 23"	106° 27' 02"	11° 08' 13"	106° 26' 45"	C-48-21-B-c; C-48-21-D-a
đền thờ Trần Hưng Đạo 1	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 50"	106° 20' 04"					C-48-21-D-a
đền thờ Trần Hưng Đạo 2	KX	xã Bến Củi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 50"	106° 19' 19"					C-48-21-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường huyện 1	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 16' 03"	106° 13' 22"	11° 15' 33"	106° 17' 46"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
Đường huyện 4	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 15' 03"	106° 14' 22"	11° 15' 03"	106° 15' 51"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
đường tỉnh 784	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
đường tỉnh 784B	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 10' 30"	106° 12' 00"	11° 22' 02"	106° 16' 01"	C-48-21-A-d
kênh tiêu Bến Đình	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 18' 49"	106° 12' 35"	11° 15' 35"	106° 12' 21"	C-48-21-A-d
rạch Bến Rộng	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 14' 31"	106° 13' 35"	11° 13' 47"	106° 11' 13"	C-48-21-C-b
cầu Cầu Khởi	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 14"	106° 13' 11"					C-48-21-A-d
nông trường cao su Cầu Khởi	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 10"	106° 13' 42"					C-48-21-A-d
suối Cầu Khởi	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 17' 29"	106° 14' 32"	11° 15' 35"	106° 12' 21"	C-48-21-A-d
thánh thất Cầu Khởi	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 30"	106° 13' 59"					C-48-21-A-d
cầu Kênh tiêu Bến Đình	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 56"	106° 12' 29"					C-48-21-A-d
ấp Khởi An	DC	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 20"	106° 15' 19"					C-48-21-B-c
ấp Khởi Hà	DC	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 16' 27"	106° 12' 58"					C-48-21-A-d
ấp Khởi Nghĩa	DC	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 17' 24"	106° 15' 07"					C-48-21-B-c
ấp Khởi Trung	DC	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 15' 22"	106° 14' 03"					C-48-21-A-d
ấp Láng Biển	DC	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 17' 05"	106° 16' 22"					C-48-21-B-c
kênh N2A	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 16' 15"	106° 18' 36"	11° 17' 29"	106° 14' 32"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
kênh N2A-11	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 17' 17"	106° 14' 42"	11° 16' 34"	106° 14' 37"	C-48-21-A-d
kênh N2A-5	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 17' 49"	106° 15' 53"	11° 17' 17"	106° 14' 42"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
kênh N2A-7	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 17' 06"	106° 15' 27"	11° 14' 42"	106° 14' 50"	C-48-21-B-c
kênh N2A-9	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 17' 01"	106° 15' 10"	11° 16' 31"	106° 14' 53"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
ấp Năm Căn	DC	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 17' 31"	106° 16' 30"					C-48-21-B-c
kênh T03	TV	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu			11° 20' 15"	106° 17' 17"	11° 17' 48"	106° 15' 47"	C-48-21-B-c
công ty Trà Tâm Lan	KX	xã Cầu Khởi	H. Dương Minh Châu	11° 14' 53"	106° 14' 29"					C-48-21-C-b
đường tỉnh 784	KX	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 784B	KX	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 10' 30"	106° 12' 00"	11° 22' 02"	106° 16' 01"	C-48-21-A-d
kênh tiêu Bến Đình	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 18' 49"	106° 12' 35"	11° 15' 35"	106° 12' 21"	C-48-21-A-d
ấp Bình Linh	DC	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu	11° 17' 56"	106° 11' 45"					C-48-21-A-d
suối Cầu Khởi	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 17' 29"	106° 14' 32"	11° 15' 35"	106° 12' 21"	C-48-21-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu công nghiệp Chà Là	KX	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu	11° 17' 46"	106° 12' 12"					C-48-21-A-d
cầu Kênh tiêu Bến Đình	KX	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu	11° 16' 56"	106° 12' 29"					C-48-21-A-d
Ấp Láng	DC	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu	11° 17' 52"	106° 14' 16"					C-48-21-A-d
Suối Lùn	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 18' 58"	106° 11' 57"	11° 17' 01"	106° 10' 47"	C-48-21-A-d
ấp Ninh Hưng 1	DC	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu	11° 18' 23"	106° 10' 37"					C-48-21-A-d
ấp Ninh Hưng 2	DC	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu	11° 18' 56"	106° 10' 56"					C-48-21-A-d
kênh T01	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 21' 45"	106° 15' 59"	11° 17' 33"	106° 14' 44"	C-48-21-A-d
kênh tiêu T3	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 19' 30"	106° 11' 36"	11° 19' 08"	106° 11' 18"	C-48-21-A-d
Kênh Tây	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 22' 24"	106° 15' 09"	11° 19' 11"	106° 13' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-2	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 20' 11"	106° 13' 41"	11° 20' 02"	106° 10' 16"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-3	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 19' 45"	106° 13' 26"	11° 19' 28"	106° 13' 58"	C-48-21-A-d
kênh TN1	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 18' 05"	106° 12' 32"	11° 11' 02"	106° 09' 20"	C-48-21-A-d
kênh TN1-4	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 17' 25"	106° 11' 38"	11° 17' 12"	106° 11' 09"	C-48-21-A-d
kênh TN1-6	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 18' 44"	106° 14' 33"	11° 18' 44"	106° 14' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN1-A	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 18' 51"	106° 14' 56"	11° 18' 02"	106° 12' 33"	C-48-21-A-d
kênh TN3	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 19' 11"	106° 11' 06"	11° 18' 23"	106° 11' 44"	C-48-21-A-d
kênh TN5	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 19' 15"	106° 10' 50"	11° 17' 05"	106° 08' 30"	C-48-21-A-d
kênh TN5-3	TV	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 18' 09"	106° 09' 55"	11° 15' 46"	106° 09' 47"	C-48-21-A-d
đường Trường Hoà-Chà Là	KX	xã Chà Là	H. Dương Minh Châu			11° 16' 32"	106° 09' 03"	11° 18' 33"	106° 10' 51"	C-48-21-A-d
đường huyện 1	KX	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 16' 03"	106° 13' 22"	11° 15' 33"	106° 17' 46"	C-48-21-B-c
đường tỉnh 789B	KX	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 15' 44"	106° 20' 57"	11° 10' 15"	106° 12' 30"	C-48-21-B-c
suối Bà Ngợi	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 15' 04"	106° 18' 30"	11° 15' 04"	106° 19' 22"	C-48-21-D-a
Kênh Đông	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-B-c; C-48-21-D-a
cầu K10	KX	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 14' 55"	106° 17' 58"					C-48-21-D-a
ấp Lộc Hiệp	DC	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 15' 41"	106° 18' 14"					C-48-21-B-c
thánh thất Lộc Ninh	KX	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 15' 18"	106° 17' 04"					C-48-21-B-c
ấp Lộc Tân	DC	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 14' 34"	106° 17' 17"					C-48-21-D-a
đường huyện Lộc Tân-Suối Nhánh	KX	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 15' 22"	106° 17' 21"	11° 13' 55"	106° 19' 09"	C-48-21-B-c; C-48-21-D-a
ấp Lộc Thuận	DC	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 16' 31"	106° 17' 04"					C-48-21-B-c
ấp Lộc Trung	DC	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 15' 17"	106° 16' 55"					C-48-21-B-c
Bàu Me	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 16' 24"	106° 18' 01"					C-48-21-B-c
kênh N2	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 15' 51"	106° 18' 07"	11° 14' 55"	106° 16' 06"	C-48-21-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh N2A	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 16' 15"	106° 18' 36"	11° 17' 29"	106° 14' 32"	C-48-21-B-c
kênh N4	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 14' 44"	106° 17' 56"	11° 10' 11"	106° 13' 29"	C-48-21-D-a
kênh N6	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 13' 49"	106° 17' 53"	11° 13' 24"	106° 16' 26"	C-48-21-D-a
Suối Nhánh	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 13' 37"	106° 17' 55"	11° 13' 53"	106° 19' 22"	C-48-21-D-a
suối Ông Hùng	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 15' 46"	106° 18' 27"	11° 15' 04"	106° 18' 30"	C-48-21-B-c
Bàu Tràm	TV	xã Lộc Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 14' 14"	106° 17' 49"					C-48-21-D-a
đường tỉnh 781	KX	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 790	KX	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 20' 10"	106° 06' 28"	11° 23' 03"	106° 11' 47"	C-48-21-A-d; C-48-21-A-b
ấp Phước Long 1	DC	Xã Phan	H. Dương Minh Châu	11° 20' 31"	106° 11' 14"					C-48-21-A-d
ấp Phước Long 2	DC	Xã Phan	H. Dương Minh Châu	11° 21' 16"	106° 11' 13"					C-48-21-A-d
ấp Phước Tân I	DC	Xã Phan	H. Dương Minh Châu	11° 21' 20"	106° 12' 58"					C-48-21-A-d
ấp Phước Tân II	DC	Xã Phan	H. Dương Minh Châu	11° 21' 05"	106° 12' 20"					C-48-21-A-d
ấp Phước Tân III	DC	Xã Phan	H. Dương Minh Châu	11° 20' 39"	106° 12' 07"					C-48-21-A-d
kênh tiêu Suối Tre	TV	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 22' 34"	106° 11' 45"	11° 19' 43"	106° 11' 03"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-d
kênh T5	TV	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 20' 02"	106° 12' 30"	11° 19' 02"	106° 12' 15"	C-48-21-A-d
Kênh Tây	TV	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-2	TV	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 20' 11"	106° 13' 41"	11° 20' 02"	106° 10' 16"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-2-2	TV	Xã Phan	H. Dương Minh Châu			11° 18' 59"	106° 11' 57"	11° 20' 31"	106° 12' 26"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 781	KX	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-B-c
ấp A1	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 16' 53"	106° 17' 59"					C-48-21-B-c
ấp A2	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 17' 16"	106° 18' 09"					C-48-21-B-c
ấp A4	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 26"	106° 18' 20"					C-48-21-B-c
ấp B1	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 39"	106° 18' 30"					C-48-21-B-c
ấp B2	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 59"	106° 18' 30"					C-48-21-B-c
ấp B4	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 19' 18"	106° 18' 19"					C-48-21-B-c
Bàu Đá	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 20' 11"	106° 18' 14"					C-48-21-B-c
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-21-B-c
Kênh Đông	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-B-c
Bàu Gòn	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 53"	106° 18' 10"					C-48-21-B-c
kênh N2A	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 16' 15"	106° 18' 36"	11° 17' 29"	106° 14' 32"	C-48-21-B-c
bàu Ô Gà	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 04"	106° 17' 15"					C-48-21-B-c
ấp Phước Lộc A	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 17' 46"	106° 18' 12"					C-48-21-B-c
ấp Phước Lộc B	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 36"	106° 16' 58"					C-48-21-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Phước Minh	KX	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 17' 30"	106° 18' 12"					C-48-21-B-c
ấp Phước Nghĩa	DC	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 19' 20"	106° 18' 07"					C-48-21-B-c
sông Sài Gòn	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 40' 23"	106° 27' 02"	11° 08' 13"	106° 26' 45"	C-48-21-B-c
kênh TN0	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 22' 25"	106° 15' 08"	11° 17' 20"	106° 18' 15"	C-48-21-B-c
kênh TN06	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 17"	106° 17' 59"	11° 18' 24"	106° 16' 41"	C-48-21-B-c
kênh TN08	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 46"	106° 18' 29"	11° 17' 40"	106° 16' 50"	C-48-21-B-c
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trà Hoàn Ngọc	KX	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 20' 37"	106° 17' 53"					C-48-21-B-c
Bàu Tràm	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 18' 26"	106° 17' 59"					C-48-21-B-c
Bàu Vuông	TV	xã Phước Minh	H. Dương Minh Châu	11° 17' 40"	106° 17' 57"					C-48-21-B-c
đường tỉnh 781	KX	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-B-c
đường tỉnh 784B	KX	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 10' 30"	106° 12' 00"	11° 22' 02"	106° 16' 01"	C-48-21-A-d
ấp Bàu Dài	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 20' 04"	106° 15' 00"					C-48-21-A-d
xóm Bầu Găng	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 21' 09"	106° 16' 22"					C-48-21-B-c
bàu Cà Dâm	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 19' 25"	106° 16' 55"					C-48-21-B-c
Bàu Chòi	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 20' 04"	106° 16' 16"					C-48-21-B-c
khu Di tích Lịch sử văn hóa Căn cứ Dương Minh Châu	KX	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 21' 56"	106° 16' 04"					C-48-21-B-c
ấp Phước An	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 20' 37"	106° 17' 16"					C-48-21-B-c
ấp Phước Hiệp	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 19' 04"	106° 15' 00"					C-48-21-A-d
ấp Phước Hội	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 20' 56"	106° 14' 07"					C-48-21-A-d
ấp Phước Lễ	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 19' 19"	106° 16' 42"					C-48-21-B-c
ấp Phước Tân	DC	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 21' 07"	106° 15' 35"					C-48-21-B-c
Bàu Rong	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu	11° 19' 59"	106° 17' 03"					C-48-21-B-c
kênh T01	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 21' 45"	106° 15' 59"	11° 17' 33"	106° 14' 44"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
kênh T01-1	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 38"	106° 16' 08"	11° 20' 25"	106° 16' 36"	C-48-21-B-c
kênh T01-2	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 46"	106° 15' 33"	11° 20' 32"	106° 16' 05"	C-48-21-B-c
kênh T01-3	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 24"	106° 16' 02"	11° 20' 08"	106° 16' 35"	C-48-21-B-c
kênh T01-4	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 30"	106° 15' 31"	11° 20' 17"	106° 15' 58"	C-48-21-B-c
kênh T01-5	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 11"	106° 15' 55"	11° 19' 54"	106° 16' 30"	C-48-21-B-c
kênh T01-6	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 12"	106° 15' 18"	11° 19' 58"	106° 15' 50"	C-48-21-B-c
kênh T01-7	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 52"	106° 15' 47"	11° 19' 37"	106° 16' 21"	C-48-21-B-c
kênh T01-8	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 52"	106° 15' 11"	11° 19' 39"	106° 15' 41"	C-48-21-B-c
kênh T01-9	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 29"	106° 15' 37"	11° 19' 16"	106° 16' 06"	C-48-21-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh T01-10	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 29"	106° 15' 07"	11° 19' 29"	106° 15' 36"	C-48-21-B-c
kênh T01-11	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 18' 50"	106° 15' 55"	11° 19' 05"	106° 15' 25"	C-48-21-B-c
kênh T01-12	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 18' 46"	106° 15' 17"	11° 18' 51"	106° 14' 56"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
kênh T03	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 15"	106° 17' 17"	11° 17' 48"	106° 15' 47"	C-48-21-B-c
Kênh Tây	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
Kênh Tiêu	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 21' 03"	106° 16' 42"	11° 20' 43"	106° 16' 10"	C-48-21-B-c
kênh TN0	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 22' 25"	106° 15' 08"	11° 17' 20"	106° 18' 15"	C-48-21-B-c
kênh TN0-2A	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 22' 24"	106° 15' 09"	11° 19' 11"	106° 13' 00"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c
kênh TN0-2A-1	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 08"	106° 14' 33"	11° 18' 44"	106° 14' 33"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-1-1	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 22"	106° 14' 57"	11° 19' 22"	106° 14' 33"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-1-4	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 09"	106° 14' 33"	11° 18' 59"	106° 14' 06"	C-48-21-A-d
kênh TN0-2A-3	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 19' 45"	106° 13' 26"	11° 19' 28"	106° 13' 58"	C-48-21-A-d
kênh TN04	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 21' 09"	106° 17' 10"	11° 18' 50"	106° 15' 55"	C-48-21-B-c
kênh TN06	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 20' 17"	106° 17' 59"	11° 18' 24"	106° 16' 41"	C-48-21-B-c
kênh TN1-6	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 18' 44"	106° 14' 33"	11° 18' 44"	106° 14' 00"	C-48-21-A-d
kênh TN1-A	TV	xã Phước Ninh	H. Dương Minh Châu			11° 18' 51"	106° 14' 56"	11° 18' 02"	106° 12' 33"	C-48-21-A-d
đường tỉnh 781	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-d; C-48-21-A-b
đường tỉnh 781B	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 23' 46"	106° 14' 27"	11° 27' 39"	106° 01' 27"	C-48-21-A-b
đường tỉnh 790	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 20' 10"	106° 06' 28"	11° 23' 03"	106° 11' 47"	C-48-21-A-b
suối Bàu Vuông	TV	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 25' 36"	106° 12' 51"	11° 25' 53"	106° 13' 25"	C-48-21-A-b
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-21-A-b; C-48-21-B-a; C-48-21-B-c
chùa Linh Nghĩa	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 22' 35"	106° 13' 39"					C-48-21-A-b
Đảo Nhím	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 24' 25"	106° 18' 49"					C-48-21-B-a
ấp Phước Bình 1	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 25' 21"	106° 12' 18"					C-48-21-A-b
ấp Phước Bình 2	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 25' 29"	106° 13' 37"					C-48-21-A-b
ấp Phước Hoà	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 22' 22"	106° 12' 34"					C-48-21-A-b
ấp Phước Hội	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 23' 16"	106° 13' 05"					C-48-21-A-b
đình thần Phước Hội	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 22' 41"	106° 13' 01"					C-48-21-A-b
ấp Phước Lợi 1	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 23' 12"	106° 12' 39"					C-48-21-A-b
ấp Phước Lợi 2	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 24' 09"	106° 14' 22"					C-48-21-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
họ đạo Cao đài Suối Đá	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 22' 27"	106° 12' 46"					C-48-21-A-d
ấp Tân Định 1	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 22' 21"	106° 12' 53"					C-48-21-A-d
ấp Tân Định 2	DC	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 22' 10"	106° 13' 50"					C-48-21-A-b
kênh Tân Hưng	TV	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 26' 15"	106° 13' 39"	11° 29' 14"	105° 59' 03"	C-48-21-A-b
công ty trách nhiệm hữu hạn Chế biến Hạt điều Tấn Thành	KX	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu	11° 21' 56"	106° 12' 29"					C-48-21-A-d
Kênh Tây	TV	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-d
suối Xa Cách	TV	xã Suối Đá	H. Dương Minh Châu			11° 25' 34"	106° 12' 56"	11° 22' 26"	106° 15' 06"	C-48-21-A-b; C-48-21-A-d
đường huyện 4	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 15' 03"	106° 14' 22"	11° 15' 03"	106° 15' 51"	C-48-21-B-c
đường tỉnh 784	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-C-b; C-48-21-D-a
đường tỉnh 789B	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 15' 44"	106° 20' 57"	11° 10' 15"	106° 12' 30"	C-48-21-C-b; C-48-21-D-a
công ty Canspost	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 14' 18"	106° 15' 26"					C-48-21-D-a
rạch Cầu Ngang	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 15' 04"	106° 19' 22"	11° 12' 53"	106° 21' 04"	C-48-21-D-a
Kênh Đông	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-D-a
cầu K4	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 13' 57"	106° 15' 28"					C-48-21-D-a
đập K13	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 12' 52"	106° 18' 03"					C-48-21-D-a
chùa Minh Châu	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 13' 02"	106° 16' 08"					C-48-21-D-a
kênh N2	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 15' 51"	106° 18' 07"	11° 14' 55"	106° 16' 06"	C-48-21-B-c; C-48-21-D-a
kênh N2A-7	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 17' 06"	106° 15' 27"	11° 14' 42"	106° 14' 50"	C-48-21-A-d; C-48-21-B-c; C-48-21-C-b
kênh N4	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 14' 44"	106° 17' 56"	11° 10' 11"	106° 13' 29"	C-48-21-C-b; C-48-21-D-a
kênh N6	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 13' 49"	106° 17' 53"	11° 13' 24"	106° 16' 26"	C-48-21-D-a
cống N8	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 12' 11"	106° 17' 08"					C-48-21-D-a
kênh N8	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 12' 54"	106° 18' 01"	11° 08' 13"	106° 14' 47"	C-48-21-D-a
kênh N8-4	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 12' 01"	106° 16' 47"	11° 12' 30"	106° 15' 55"	C-48-21-D-a
suối Ngọt Bào Cối	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 14' 20"	106° 14' 19"	11° 13' 56"	106° 13' 39"	C-48-21-C-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 14' 31"	106° 15' 13"					C-48-21-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Nhánh	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 13' 37"	106° 17' 55"	11° 13' 53"	106° 19' 22"	C-48-21-D-a
công ty Phát Tài	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 14' 07"	106° 15' 28"					C-48-21-D-a
kênh tiêu T4B-4	TV	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu			11° 12' 31"	106° 18' 20"	11° 09' 49"	106° 17' 58"	C-48-21-D-a
ấp Thuận An	DC	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 13' 00"	106° 16' 20"					C-48-21-D-a
ấp Thuận Bình	DC	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 13' 16"	106° 15' 57"					C-48-21-D-a
ấp Thuận Hoà	DC	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 14' 35"	106° 14' 41"					C-48-21-C-b
ấp Thuận Phước	DC	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 15' 34"	106° 15' 34"					C-48-21-B-c
ấp Thuận Tân	DC	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 12' 09"	106° 17' 27"					C-48-21-D-a
đình thần Truông Mít	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 13' 05"	106° 16' 32"					C-48-21-D-a
thánh thất Truông Mít	KX	xã Truông Mít	H. Dương Minh Châu	11° 12' 59"	106° 16' 26"					C-48-21-D-a
quốc lộ 22	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D-c
quốc lộ 22B	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-D-c
chùa Bà Thanh An Cung	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 10"	106° 15' 43"					C-48-21-D-c
suối Bà Tươi	TV	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 08' 04"	106° 21' 00"	11° 06' 20"	106° 15' 43"	C-48-21-D-c
cầu Bến Đò	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 06' 07"	106° 16' 11"					C-48-21-D-c
cầu Gò Dầu	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 04' 57"	106° 15' 38"					C-48-21-D-c
nhà thờ Gò Dầu	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 23"	106° 15' 47"					C-48-21-D-c
đường Hùng Vương	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 05' 03"	106° 15' 50"	11° 05' 28"	106° 16' 36"	C-48-21-D-c
rạch Kỳ Đà	TV	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 04' 42"	106° 16' 17"	11° 04' 34"	106° 15' 54"	C-48-21-D-c
đường Lê Hồng Phong	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 05' 18"	106° 15' 47"	11° 06' 07"	106° 16' 11"	C-48-21-D-c
kênh N18-20	TV	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 06' 24"	106° 19' 26"	11° 06' 16"	106° 15' 47"	C-48-21-D-c
tịnh xá Ngọc Thanh	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 16"	106° 15' 39"					C-48-21-D-c
Rạch Nho	TV	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 09' 43"	106° 17' 38"	11° 05' 44"	106° 15' 08"	C-48-21-D-c
khu phố Nội Ô A	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 16"	106° 15' 42"					C-48-21-D-c
khu phố Nội Ô B	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 04' 56"	106° 15' 47"					C-48-21-D-c
cầu Rạch Sơn	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 06' 20"	106° 15' 33"					C-48-21-D-c
khu phố Rạch Sơn	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 48"	106° 15' 38"					C-48-21-D-c
khu phố Thanh Bình A	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 09"	106° 16' 21"					C-48-21-D-c
khu phố Thanh Bình B	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 04' 51"	106° 15' 57"					C-48-21-D-c
khu phố Thanh Bình C	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 03"	106° 16' 01"					C-48-21-D-c
khu phố Thanh Hà	DC	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 25"	106° 16' 04"					C-48-21-D-c
chùa Thanh Lâm	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 05' 03"	106° 15' 44"					C-48-21-D-c
đình Thanh Phước	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 04' 52"	106° 15' 49"					C-48-21-D-c
điện thờ Phật mẫu thị trấn Gò Dầu	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 04' 54"	106° 16' 01"					C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất họ đạo Cao đài thị trấn Gò Dầu	KX	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu	11° 04' 51"	106° 16' 11"					C-48-21-D-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	TT. Gò Dầu	H. Gò Dầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-D-c
Ấp 1	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 40"	106° 18' 29"					C-48-21-D-a
Ấp 2	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 43"	106° 18' 41"					C-48-21-D-a
Ấp 3	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 32"	106° 17' 57"					C-48-21-D-a
Ấp 4	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 09' 41"	106° 18' 25"					C-48-21-D-a
Ấp 5	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 08' 56"	106° 18' 20"					C-48-21-D-a
Ấp 6	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 12' 15"	106° 20' 21"					C-48-21-D-a
Ấp 7	DC	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 10"	106° 18' 47"					C-48-21-D-a
đường tỉnh 782	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-a
đường tỉnh 784	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 10' 35"	106° 18' 41"	11° 23' 10"	106° 07' 40"	C-48-21-D-a
thánh thất Ấp 1	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 37"	106° 18' 32"					C-48-21-D-a
thánh thất Ấp 5	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 08' 46"	106° 18' 23"					C-48-21-D-a
chợ Bàu Đồn	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 17"	106° 18' 36"					C-48-21-D-a
suối Bàu Đồn	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 10' 19"	106° 19' 05"	11° 09' 43"	106° 17' 38"	C-48-21-D-a
cầu Bến Sắn	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 12' 53"	106° 21' 04"					C-48-21-D-a
suối Cầu Đúc	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 09' 34"	106° 19' 39"	11° 07' 01"	106° 18' 43"	C-48-21-D-a
rạch Cầu Ngang	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 15' 04"	106° 19' 22"	11° 12' 53"	106° 21' 04"	C-48-21-D-a
Bàu Đồn	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 26"	106° 18' 53"					C-48-21-D-a
Kênh Đông	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-D-a
cầu Kênh Đông	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 11' 26"	106° 19' 34"					C-48-21-D-a
kênh N10-1-2	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 15"	106° 18' 35"	11° 11' 33"	106° 18' 56"	C-48-21-D-a
kênh N10-3	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 43"	106° 18' 14"	11° 11' 15"	106° 18' 35"	C-48-21-D-a
kênh N10-4-1	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 12' 05"	106° 18' 40"	11° 11' 01"	106° 17' 23"	C-48-21-D-a
kênh N12	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 24"	106° 19' 37"	11° 10' 33"	106° 18' 45"	C-48-21-D-a
kênh N12-1	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 10' 14"	106° 19' 27"	11° 10' 25"	106° 20' 12"	C-48-21-D-a
kênh N12-2-2	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 10"	106° 19' 02"	11° 10' 57"	106° 18' 47"	C-48-21-D-a
kênh N12-2-3	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 19"	106° 18' 53"	11° 10' 52"	106° 18' 36"	C-48-21-D-a
kênh N12-3	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 00"	106° 19' 12"	11° 10' 43"	106° 19' 29"	C-48-21-D-a
kênh N12-5	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 10' 46"	106° 18' 59"	11° 10' 31"	106° 19' 14"	C-48-21-D-a
kênh N14	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 10' 52"	106° 20' 39"	11° 07' 33"	106° 17' 32"	C-48-21-D-a
kênh N14-10	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 09' 34"	106° 19' 12"	11° 10' 04"	106° 18' 47"	C-48-21-D-a
kênh N14-14-2	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 08' 17"	106° 18' 00"	11° 09' 49"	106° 18' 10"	C-48-21-D-a
kênh N14-6	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 10' 11"	106° 19' 55"	11° 10' 32"	106° 19' 37"	C-48-21-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 10' 12"	106° 18' 40"					C-48-21-D-a
Rạch Nho	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 09' 43"	106° 17' 38"	11° 05' 44"	106° 15' 08"	C-48-21-D-a
chùa Phước Minh	KX	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu	11° 09' 16"	106° 18' 25"					C-48-21-D-a
kênh T48-2	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 11' 15"	106° 18' 35"	11° 10' 13"	106° 18' 22"	C-48-21-D-a
kênh tiêu T4B-4	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 12' 31"	106° 18' 20"	11° 09' 49"	106° 17' 58"	C-48-21-D-a
Kênh Xáng	TV	xã Bàu Đồn	H. Gò Dầu			11° 09' 59"	106° 19' 15"	11° 07' 34"	106° 21' 33"	C-48-21-D-a
quốc lộ 22B	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-C-b
rạch Bàu Nâu	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 15' 35"	106° 12' 21"	11° 10' 09"	106° 10' 43"	C-48-21-C-b
cầu Bàu Nâu 2	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 02"	106° 11' 02"					C-48-21-C-b
ấp Cẩm An	DC	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 12"	106° 10' 44"					C-48-21-C-b
ấp Cẩm Bình	DC	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 14"	106° 09' 24"					C-48-21-C-b
cầu Cẩm Giang	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 53"	106° 08' 55"					C-48-21-C-b
thánh thất Cẩm Giang	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 52"	106° 09' 06"					C-48-21-C-b
ấp Cẩm Long	DC	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 46"	106° 09' 17"					C-48-21-C-b
chùa Cẩm Phong	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 12' 12"	106° 08' 50"					C-48-21-C-b
ấp Cẩm Thắng	DC	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 12' 41"	106° 09' 00"					C-48-21-C-b
rạch Cây Xoài	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 11' 35"	106° 08' 47"	11° 10' 10"	106° 10' 43"	C-48-21-C-b
kênh Đình Cẩm Bình	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 11' 01"	106° 09' 16"	11° 09' 43"	106° 08' 56"	C-48-21-C-b
đình Hưng Mỹ Cẩm An	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 20"	106° 10' 45"					C-48-21-C-b
kênh Ngang 1	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 10' 23"	106° 08' 17"	11° 10' 46"	106° 10' 35"	C-48-21-C-b
kênh Ngang 2	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 10' 16"	106° 08' 29"	11° 09' 56"	106° 10' 04"	C-48-21-C-b
dinh Quan lớn Đại thần Huỳnh Công Thắng	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 12' 13"	106° 08' 58"					C-48-21-C-b
kênh TN1	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 18' 05"	106° 12' 32"	11° 11' 02"	106° 09' 20"	C-48-21-C-b
đình Trung Cẩm Bình	KX	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu	11° 11' 08"	106° 09' 19"					C-48-21-C-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Cẩm Giang	H. Gò Dầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b
quốc lộ 22B	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-D-c; C-48-21-C-b
ấp Cây Da	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 59"	106° 15' 33"					C-48-21-D-a
Ấp Chánh	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 31"	106° 16' 05"					C-48-21-D-a
ấp Đá Hàng	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 09' 17"	106° 14' 17"					C-48-21-C-b
cầu Đá Hàng	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 09' 36"	106° 13' 49"					C-48-21-C-b
rạch Đá Hàng	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 11' 41"	106° 15' 58"	11° 09' 17"	106° 13' 42"	C-48-21-D-a
Cầu Đôi	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 36"	106° 16' 28"					C-48-21-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Cầu Độn	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 08' 49"	106° 16' 29"					C-48-21-D-a
Ấp Giữa	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 08' 43"	106° 14' 25"					C-48-21-C-b
Rạch Giữa	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 07' 40"	106° 15' 50"	11° 05' 50"	106° 14' 10"	C-48-21-D-a
chùa Hiệp Long	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 39"	106° 16' 19"					C-48-21-D-a
chợ Hiệp Thạnh	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 09' 07"	106° 14' 15"					C-48-21-C-b
thánh thất Hiệp Thạnh	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 56"	106° 15' 42"					C-48-21-D-a
kênh N8	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 12' 54"	106° 18' 01"	11° 08' 13"	106° 14' 47"	C-48-21-D-a
kênh N8-10	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 10' 29"	106° 16' 09"	11° 10' 46"	106° 15' 44"	C-48-21-D-a
kênh N8-20	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 08' 13"	106° 14' 47"	11° 07' 12"	106° 15' 05"	C-48-21-D-a
kênh N8-4	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 12' 01"	106° 16' 47"	11° 12' 30"	106° 15' 55"	C-48-21-D-a
kênh N8-6A	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 11' 26"	106° 16' 34"	11° 11' 46"	106° 15' 45"	C-48-21-D-a
kênh N8-6B	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 11' 11"	106° 16' 28"	11° 11' 23"	106° 15' 33"	C-48-21-D-a
kênh tiêu N8-7	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 10' 59"	106° 16' 24"	11° 09' 52"	106° 17' 17"	C-48-21-D-a
kênh N8-7A	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 09' 31"	106° 16' 04"	11° 09' 15"	106° 16' 42"	C-48-21-D-a
kênh N8-8	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 11' 00"	106° 16' 24"	11° 11' 15"	106° 15' 42"	C-48-21-D-a
Rạch Nho	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 09' 43"	106° 17' 38"	11° 05' 44"	106° 15' 08"	C-48-21-D-a
cầu Rạch Giữa	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 44"	106° 15' 22"					C-48-21-D-c
cầu Rạch Sơn	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 20"	106° 15' 33"					C-48-21-D-c
kênh tiêu T4B-4	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 12' 31"	106° 18' 20"	11° 09' 49"	106° 17' 58"	C-48-21-D-a
ấp Tầm Lanh	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 10' 46"	106° 15' 32"					C-48-21-D-a
Cầu Thí	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 41"	106° 15' 24"					C-48-21-D-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
ấp Xóm Bố	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 09' 34"	106° 16' 05"					C-48-21-D-a
thánh thất Xóm Bố	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Gò Dầu	11° 09' 42"	106° 16' 16"					C-48-21-D-a
Đường xã 1	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 05' 28"	106° 16' 36"	11° 07' 04"	106° 19' 27"	C-48-21-D-c
Đường xã 2	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 06' 12"	106° 19' 29"	11° 05' 53"	106° 20' 13"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 782	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-c; C-48-21-D-a
suối Bà Tươi	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 08' 04"	106° 21' 00"	11° 06' 20"	106° 15' 43"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
suối Cầu Đúc	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 09' 34"	106° 19' 39"	11° 07' 01"	106° 18' 43"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
đường huyện Cây Me	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 06' 07"	106° 18' 19"	11° 05' 46"	106° 19' 30"	C-48-21-D-c
ấp Cây Trắc	DC	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 06' 30"	106° 18' 43"					C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Cây Trường	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 05' 05"	106° 19' 47"					C-48-21-D-c
Ngã ba Cây Trường	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 05' 22"	106° 19' 39"					C-48-21-D-c
kênh N16	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 09' 44"	106° 21' 46"	11° 07' 37"	106° 18' 42"	C-48-21-D-a
kênh N18	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 08' 42"	106° 22' 33"	11° 06' 24"	106° 19' 26"	C-48-21-D-c
kênh N18-19	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 06' 24"	106° 19' 26"	11° 04' 44"	106° 18' 37"	C-48-21-D-c
kênh N18-20	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 06' 24"	106° 19' 26"	11° 06' 16"	106° 15' 47"	C-48-21-D-c
đường huyện Nông Trường	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 07' 19"	106° 19' 20"	11° 08' 07"	106° 21' 02"	C-48-21-D-c; C-48-21-D-a
Ngã tư Nông Trường	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 07' 19"	106° 19' 20"					C-48-21-D-c
cầu Ông Ô	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 08' 13"	106° 18' 32"					C-48-21-D-a
chợ Phước Đông	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 07' 09"	106° 19' 26"					C-48-21-D-c
khu công nghiệp Phước Đông-Bời Lời	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 08' 24"	106° 20' 04"					C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
ấp Phước Đức A	DC	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 07' 30"	106° 19' 16"					C-48-21-D-a
ấp Phước Đức B	DC	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 07' 55"	106° 18' 57"					C-48-21-D-a
đường huyện Phước Thạnh-Phước Đông	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 06' 07"	106° 16' 11"	11° 07' 19"	106° 19' 20"	C-48-21-D-c
cầu Suối Bà Tươi	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 07' 12"	106° 19' 23"					C-48-21-D-c
ấp Suối Cao A	DC	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 06' 56"	106° 19' 34"					C-48-21-D-c
ấp Suối Cao B	DC	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 06' 27"	106° 19' 55"					C-48-21-D-c
kênh tiêu T5	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 07' 26"	106° 21' 38"	11° 03' 06"	106° 18' 58"	C-48-21-D-c
cầu Thôn The	KX	xã Phước Đông	H. Gò Dầu	11° 07' 14"	106° 18' 43"					C-48-21-D-c
Kênh Xáng	TV	xã Phước Đông	H. Gò Dầu			11° 09' 59"	106° 19' 15"	11° 07' 34"	106° 21' 33"	C-48-21-D-a
suối Bà Tươi	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 08' 04"	106° 21' 00"	11° 06' 20"	106° 15' 43"	C-48-21-D-c
bàu Bàu Mỹ	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 44"	106° 17' 40"					C-48-21-D-c
cầu Bến Đò	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 07"	106° 16' 11"					C-48-21-D-c
khu Di tích Lịch sử Căn cứ lõm vùng ruột huyện Gò Dầu	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 40"	106° 17' 00"					C-48-21-D-a
suối Cầu Đúc	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 09' 34"	106° 19' 39"	11° 07' 01"	106° 18' 43"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
Cầu Đôi	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 36"	106° 16' 28"					C-48-21-D-a
Cầu Độn	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 08' 49"	106° 16' 29"					C-48-21-D-a
kênh N14	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 10' 52"	106° 20' 39"	11° 07' 33"	106° 17' 32"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh N14-14	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 08' 16"	106° 18' 10"	11° 08' 56"	106° 17' 36"	C-48-21-D-a
kênh N14-16	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 07' 48"	106° 17' 47"	11° 08' 25"	106° 16' 59"	C-48-21-D-a
kênh N14-18	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 07' 33"	106° 17' 32"	11° 07' 35"	106° 16' 48"	C-48-21-D-a
kênh N14-19	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 08' 15"	106° 18' 09"	11° 08' 04"	106° 18' 28"	C-48-21-D-a
kênh N14-21	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 07' 51"	106° 17' 49"	11° 06' 50"	106° 18' 15"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
Rạch Nho	TV	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 09' 43"	106° 17' 38"	11° 05' 44"	106° 15' 08"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
cầu Ông Ô	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 08' 13"	106° 18' 32"					C-48-21-D-a
ấp Phước An	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 08' 33"	106° 16' 46"					C-48-21-D-a
ấp Phước Bình A	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 43"	106° 16' 49"					C-48-21-D-a
ấp Phước Bình B	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 08' 01"	106° 17' 16"					C-48-21-D-a
ấp Phước Chánh	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 48"	106° 17' 50"					C-48-21-D-c
ấp Phước Đông	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 29"	106° 18' 21"					C-48-21-D-c; C-48-21-D-a
ấp Phước Hoà	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 28"	106° 17' 31"					C-48-21-D-c
ấp Phước Hội A	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 22"	106° 16' 40"					C-48-21-D-c
ấp Phước Hội B	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 32"	106° 17' 11"					C-48-21-D-c
ấp Phước Tây	DC	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 12"	106° 16' 52"					C-48-21-D-c
chùa Phước Thạnh	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 06' 34"	106° 16' 50"					C-48-21-D-c
đường huyện Phước Thạnh-Phước Đông	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu			11° 06' 07"	106° 16' 11"	11° 07' 19"	106° 19' 20"	C-48-21-D-c
cầu Thôn The	KX	xã Phước Thạnh	H. Gò Dầu	11° 07' 14"	106° 18' 43"					C-48-21-D-c
quốc lộ 22B	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-D-c; C-48-21-C-b
ấp Bàu Vừng	DC	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 24"	106° 14' 56"					C-48-21-C-d
chùa Cao Sơn	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 32"	106° 14' 04"					C-48-21-C-b
ấp Cây Nính	DC	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 48"	106° 14' 51"					C-48-21-C-b
cầu Chót Tranh	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 00"	106° 15' 15"					C-48-21-D-c
Rạch Giữa	TV	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu			11° 07' 40"	106° 15' 50"	11° 05' 50"	106° 14' 10"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
rạch Mương Sâu	TV	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu			11° 07' 26"	106° 13' 49"	11° 06' 45"	106° 14' 49"	C-48-21-C-d
kênh N8-20	TV	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu			11° 08' 13"	106° 14' 47"	11° 07' 12"	106° 15' 05"	C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
điện thờ Phật mẫu	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 46"	106° 14' 40"					C-48-21-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất Phước Trạch	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 49"	106° 14' 53"					C-48-21-C-b
cầu Rạch Giữa	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 06' 44"	106° 15' 22"					C-48-21-D-c
đình Trung Phước Trạch	KX	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 33"	106° 14' 09"					C-48-21-C-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-D-c; C-48-21-C-b; C-48-21-C-d
ấp Xóm Mía	DC	xã Phước Trạch	H. Gò Dầu	11° 07' 21"	106° 14' 10"					C-48-21-C-d
quốc lộ 22B	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-C-b
đường tỉnh 784B	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 10' 30"	106° 12' 00"	11° 22' 02"	106° 16' 01"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
rạch Bàu Nâu	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 15' 35"	106° 12' 21"	11° 10' 09"	106° 10' 43"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
cầu Bàu Nâu 2	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 11' 02"	106° 11' 02"					C-48-21-C-b
cầu Bàu Nâu Mới	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 58"	106° 11' 11"					C-48-21-C-b
ấp Bến Chò	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 12' 01"	106° 11' 21"					C-48-21-C-b
ấp Bến Đình	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 09"	106° 12' 18"					C-48-21-C-b
ấp Bến Mương	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 10"	106° 13' 02"					C-48-21-C-b
ấp Bến Rộng	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 13' 34"	106° 12' 41"					C-48-21-C-b
suối Bến Rộng	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 14' 31"	106° 13' 35"	11° 13' 47"	106° 11' 13"	C-48-21-C-b
ấp Bông Trang	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 44"	106° 11' 28"					C-48-21-C-b
suối Cầu Khởi	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 17' 29"	106° 14' 32"	11° 15' 35"	106° 12' 21"	C-48-21-A-d
ấp Cầu Sắt	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 15' 46"	106° 12' 17"					C-48-21-A-d
cầu Đá Hàng	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 09' 36"	106° 13' 49"					C-48-21-C-b
rạch Đá Hàng	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 11' 41"	106° 15' 58"	11° 09' 17"	106° 13' 42"	C-48-21-C-b; C-48-21-D-a
ấp Đường Long	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 11' 53"	106° 13' 33"					C-48-21-C-b
nông trường cao su Gò Dầu	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 12' 13"	106° 12' 45"					C-48-21-C-b
kênh N4	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 14' 44"	106° 17' 56"	11° 10' 11"	106° 13' 29"	C-48-21-C-b
kênh N4-17	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 12' 57"	106° 14' 46"	11° 10' 00"	106° 14' 20"	C-48-21-C-b
kênh N4-17-7	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 10' 48"	106° 14' 41"	11° 11' 07"	106° 14' 07"	C-48-21-C-b
kênh N4-17-8	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 10' 28"	106° 14' 31"	11° 10' 34"	106° 13' 58"	C-48-21-C-b
suối Ngọn Bào Cối	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 14' 20"	106° 14' 19"	11° 13' 56"	106° 13' 39"	C-48-21-C-b
Rạch Nhọc	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 11' 28"	106° 14' 01"	11° 09' 52"	106° 14' 01"	C-48-21-C-b
kênh tiêu Phước Hội-Bến Đình	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 18' 49"	106° 12' 35"	11° 15' 35"	106° 12' 21"	C-48-21-A-d
ấp Rộc A	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 13"	106° 14' 23"					C-48-21-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Rộc B	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 11' 24"	106° 14' 50"					C-48-21-C-b
Cầu Sắt	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 15' 46"	106° 12' 23"					C-48-21-A-d
thánh thất Thạnh Đức	KX	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 32"	106° 11' 53"					C-48-21-C-b
ấp Trà Võ	DC	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu	11° 10' 27"	106° 11' 48"					C-48-21-C-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thạnh Đức	H. Gò Dầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b
Đường xã 1	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 05' 28"	106° 16' 36"	11° 07' 04"	106° 19' 27"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 782	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-c
công ty An Cố	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 38"	106° 17' 04"					C-48-21-D-c
suối Bà Tươi	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 08' 04"	106° 21' 00"	11° 06' 20"	106° 15' 43"	C-48-21-D-c
công ty Bioseed	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 41"	106° 16' 59"					C-48-21-D-c
đường huyện Cây Me	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 06' 07"	106° 18' 19"	11° 05' 46"	106° 19' 30"	C-48-21-D-c
cầu Cây Trường	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 05"	106° 19' 47"					C-48-21-D-c
Ngã ba Cây Trường	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 22"	106° 19' 39"					C-48-21-D-c
ấp Cây Xoài	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 54"	106° 17' 54"					C-48-21-D-c
Rạch Gốc	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 04' 17"	106° 16' 51"	11° 03' 56"	106° 16' 08"	C-48-21-D-c
chùa Long Thanh	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 51"	106° 17' 39"					C-48-21-D-c
Rạch Môn	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 03' 42"	106° 17' 24"	11° 02' 55"	106° 16' 09"	C-48-21-D-c
kênh N18-19	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 06' 24"	106° 19' 26"	11° 04' 44"	106° 18' 37"	C-48-21-D-c
kênh N18-19-4	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 05' 44"	106° 19' 28"	11° 03' 25"	106° 18' 01"	C-48-21-D-c
kênh N18-20	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 06' 24"	106° 19' 26"	11° 06' 16"	106° 15' 47"	C-48-21-D-c
Rỗng Ngang	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 03' 34"	106° 17' 03"	11° 03' 56"	106° 16' 23"	C-48-21-D-c
tịnh thất Phước An	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 29"	106° 16' 49"					C-48-21-D-c
chùa Phước Ân	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 51"	106° 18' 21"					C-48-21-D-c
chùa Phước Vân	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 47"	106° 16' 19"					C-48-21-D-c
ấp Rỗng Tượng	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 30"	106° 17' 21"					C-48-21-D-c
Cầu Sao	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 30"	106° 18' 13					C-48-21-D-c
kênh tiêu T5	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 07' 26"	106° 21' 38"	11° 03' 06"	106° 18' 58"	C-48-21-D-c
thánh thất họ đạo Cao đài Thanh Phước	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 24"	106° 17' 36"					C-48-21-D-c
xí nghiệp Giầy da Trâm Vàng	KX	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 30"	106° 17' 21"					C-48-21-D-c
ấp Trâm Vàng 1	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 13"	106° 17' 53"					C-48-21-D-c
ấp Trâm Vàng 2	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 42"	106° 16' 44"					C-48-21-D-c
ấp Trâm Vàng 3	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 04' 31"	106° 17' 07"					C-48-21-D-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-D-c
ấp Xóm Đồng	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 27"	106° 19' 06"					C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Xóm Mới 1	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 31"	106° 17' 00"					C-48-21-D-c
ấp Xóm Mới 2	DC	xã Thanh Phước	H. Gò Dầu	11° 05' 26"	106° 17' 25"					C-48-21-D-c
Khu phố 1	DC	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 16' 59"	106° 07' 44"					C-48-21-A-d; C-48-21-A-c
Khu phố 2	DC	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 17' 00"	106° 07' 35"					C-48-21-A-d; C-48-21-A-c
Khu phố 3	DC	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 17' 05"	106° 07' 27"					C-48-21-A-d; C-48-21-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 17' 44"	106° 07' 39"					C-48-21-A-d; C-48-21-A-c
Di tích Báo Quốc Từ	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 17' 16"	106° 07' 38"					C-48-21-A-d
đường Cách mạng tháng 8	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 19' 00"	106° 04' 48"	11° 18' 23"	106° 07' 52"	C-48-21-A-d
đường Cao Thượng Phẩm	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 18' 22"	106° 07' 42"	11° 17' 45"	106° 07' 45"	C-48-21-A-d
công viên Hoà Thành	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 17' 16"	106° 07' 43"					C-48-21-A-d
đường Hùng Vương	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 44"	106° 07' 37"	11° 17' 06"	106° 07' 40"	C-48-21-A-d
Trung tâm Thương mại Long Hoa	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 17' 04"	106° 07' 40"					C-48-21-A-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 18' 22"	106° 07' 40"	11° 17' 14"	106° 07' 31"	C-48-21-A-d; C-48-21-A-c
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 16"	106° 07' 48"	11° 16' 50"	106° 07' 50"	C-48-21-A-d
đường Nguyễn Huệ	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 45"	106° 07' 45"	11° 17' 16"	106° 07' 48"	C-48-21-A-d
đường Oai Linh Tiên	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 56"	106° 07' 33"	11° 18' 00"	106° 08' 02"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
đường Phạm Hộ Pháp	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 18' 23"	106° 07' 52"	11° 17' 46"	106° 07' 56"	C-48-21-A-d
đường Phạm Hùng	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 14"	106° 07' 31"	11° 14' 47"	106° 07' 43"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
đường Phạm Văn Đồng	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 47"	106° 06' 41"	11° 17' 16"	106° 07' 48"	C-48-21-A-c; C-48-21-A-d
toà thánh Tây Ninh	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành	11° 18' 05"	106° 07' 48"					C-48-21-A-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	TT. Hoà Thành	H. Hoà Thành			11° 17' 00"	106° 07' 41"	11° 14' 39"	106° 07' 53"	C-48-21-A-d
quốc lộ 22B	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
đường 30-4	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 17' 39"	106° 06' 17"	11° 20' 10"	106° 06' 28"	C-48-21-A-c
kênh Ao Hồ	TV	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 16' 19"	106° 05' 36"	11° 17' 30"	106° 07' 25"	C-48-21-A-c
đường Âu Cơ	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 17' 53"	106° 07' 04"	11° 17' 56"	106° 07' 33"	C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu du lịch Sinh thái Bàu Cà Na	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 18' 10"	106° 07' 33"					C-48-21-A-c
Trường Đảng	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 17' 30"	106° 05' 47"					C-48-21-A-c
ấp Hiệp An	DC	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 17' 48"	106° 07' 09"					C-48-21-A-c
ấp Hiệp Định	DC	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 18' 00"	106° 07' 19"					C-48-21-A-c
ấp Hiệp Hoà	DC	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 17' 39"	106° 06' 32"					C-48-21-A-c
cầu Hiệp Hoà	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 17' 31"	106° 05' 42"					C-48-21-A-c
ấp Hiệp Long	DC	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 17' 38"	106° 07' 08"					C-48-21-A-c
ấp Hiệp Trường	DC	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành	11° 17' 15"	106° 06' 42"					C-48-21-A-c
đường Lạc Long Quân	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 17' 45"	106° 06' 16"	11° 18' 22"	106° 07' 40"	C-48-21-A-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 18' 22"	106° 07' 40"	11° 17' 14"	106° 07' 31"	C-48-21-A-d; C-48-21-A-c
đường Phạm Văn Đồng	KX	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 17' 47"	106° 06' 41"	11° 17' 16"	106° 07' 48"	C-48-21-A-c
kênh Sê Vin	TV	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 17' 18"	106° 05' 44"	11° 14' 54"	106° 06' 24"	C-48-21-A-c
rạch Tây Ninh	TV	xã Hiệp Tân	H. Hoà Thành			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
đường tỉnh 781	KX	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 14' 57"	105° 54' 26"	11° 18' 33"	106° 20' 18"	C-48-21-A-d
đường An Dương Vương	KX	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 17' 46"	106° 07' 56"	11° 17' 08"	106° 08' 01"	C-48-21-A-d
ấp Long Đại	DC	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành	11° 17' 04"	106° 08' 24"					C-48-21-A-d
ấp Long Mỹ	DC	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành	11° 17' 31"	106° 08' 05"					C-48-21-A-d
ấp Long Tân	DC	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành	11° 16' 51"	106° 08' 17"					C-48-21-A-d
ấp Long Thời	DC	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành	11° 16' 58"	106° 07 58"					C-48-21-A-d
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 17' 16"	106° 07' 48"	11° 16' 50"	106° 07' 50"	C-48-21-A-d
đường Nguyễn Huệ	KX	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 17' 45"	106° 07' 45"	11° 17' 16"	106° 07' 48"	C-48-21-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 17' 16"	106° 07' 48"	11° 14' 43"	106° 10' 10"	C-48-21-A-d
ấp Sân Cu	DC	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành	11° 17' 36"	106° 09' 00"					C-48-21-A-d
kênh TN5	TV	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 19' 15"	106° 10' 50"	11° 17' 05"	106° 08' 30"	C-48-21-A-d
đường Trần Phú	KX	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 17' 08"	106° 08' 01"	11° 14' 08"	106° 08' 16"	C-48-21-A-d
suối Trường Long	TV	xã Long Thành Bắc	H. Hoà Thành			11° 18' 08"	106° 09' 40"	11° 13' 55"	106° 08' 21"	C-48-21-A-d
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 22-12	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 35"	106° 06' 43"					C-48-21-A-c
quốc lộ 22B	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
ấp Bến Kéo	DC	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 11"	106° 06' 59"					C-48-21-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đài tưởng niệm Đức đại thần Trần Văn Thiện	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 22"	106° 06' 48"					C-48-21-A-c
ấp Giang Tân	DC	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 14' 46"	106° 08' 03"					C-48-21-C-b
ấp Long Bình	DC	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 01"	106° 07' 49"					C-48-21-A-d
ấp Long Khương	DC	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 21"	106° 08' 03"					C-48-21-A-d
ấp Long Yên	DC	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 10"	106° 07' 10"					C-48-21-A-c
đường Ngô Quyền	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 15' 32"	106° 07' 49"	11° 15' 23"	106° 09' 41"	C-48-21-A-d
đường Phạm Hùng	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 17' 14"	106° 07' 31"	11° 14' 47"	106° 07' 43"	C-48-21-A-d
kênh Sê Vin	TV	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 17' 18"	106° 05' 44"	11° 14' 54"	106° 06' 24"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
rạch Tây Ninh	TV	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c; C-48-21-C-a
đường Tôn Đức Thắng	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 17' 00"	106° 07' 41"	11° 14' 39"	106° 07' 53"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
đường Trần Phú	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 17' 08"	106° 08' 01"	11° 14' 08"	106° 08' 16"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-a; C-48-21-C-b
công ty May VISARIM	KX	xã Long Thành Nam	H. Hoà Thành	11° 15' 04"	106° 07' 21"					C-48-21-A-c
quốc lộ 22B	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-c
kênh Ao Hồ	TV	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 16' 19"	106° 05' 36"	11° 17' 30"	106° 07' 25"	C-48-21-A-c
Gò Kén	SV	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 29"	106° 06' 15"					C-48-21-A-c
ấp Long Chí	DC	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 15' 56"	106° 07' 40"					C-48-21-A-d
ấp Long Kim	DC	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 43"	106° 07' 58"					C-48-21-A-d
thánh thất Long Kim	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 36"	106° 07' 54"					C-48-21-A-d
ấp Long Thành	DC	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 00"	106° 07' 54"					C-48-21-A-d
ấp Long Thới	DC	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 36"	106° 07' 45"					C-48-21-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Long Trung	DC	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 22"	106° 07' 16"					C-48-21-A-c
đường Phạm Hùng	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 17' 14"	106° 07' 31"	11° 14' 47"	106° 07' 43"	C-48-21-A-d
điện thờ Phật mẫu	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 30"	106° 07' 46"					C-48-21-A-d
kênh Sê Vin	TV	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 17' 18"	106° 05' 44"	11° 14' 54"	106° 06' 24"	C-48-21-A-c
rạch Tây Ninh	TV	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 22' 08"	106° 05' 48"	11° 13' 59"	106° 05' 10"	C-48-21-A-c
chùa Thiền Lâm	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành	11° 16' 31"	106° 06' 17"					C-48-21-A-c
đường Tôn Đức Thắng	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 17' 00"	106° 07' 41"	11° 14' 39"	106° 07' 53"	C-48-21-A-d
đường Trần Phú	KX	xã Long Thành Trung	H. Hoà Thành			11° 17' 08"	106° 08' 01"	11° 14' 08"	106° 08' 16"	C-48-21-A-d
quốc lộ 22B	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-C-b
cầu Đoạn Trần	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 15' 16"	106° 09' 50"					C-48-21-A-d
cầu Kênh TN1	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 14' 05"	106° 10' 36"					C-48-21-C-b
ấp Năm Trại	DC	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 15' 11"	106° 10' 13"					C-48-21-A-d
đường Nguyễn Lương Bằng	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành			11° 14' 43"	106° 10' 10"	11° 12' 58"	106° 08' 57"	C-48-21-C-b
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành			11° 17' 16"	106° 07' 48"	11° 14' 43"	106° 10' 10"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
cầu Rạch Rễ Dưới	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 13' 43"	106° 08' 32"					C-48-21-C-b
cầu Rạch Rễ Giữa	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 13' 56"	106° 08' 22"					C-48-21-C-b
Rạch Rễ	TV	xã Trường Đông	H. Hoà Thành			11° 17' 01"	106° 10' 47"	11° 15' 01"	106° 09' 11"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
kênh TN1	TV	xã Trường Đông	H. Hoà Thành			11° 18' 05"	106° 12' 32"	11° 11' 02"	106° 09' 20"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
ấp Trường Ân	DC	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 13' 04"	106° 09' 11"					C-48-21-C-b
điện thờ Phật mẫu Trường Ân	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 12' 52"	106° 08' 59"					C-48-21-C-b
thánh thất Trường Ân	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 13' 16"	106° 08' 49"					C-48-21-C-b
ấp Trường Đức	DC	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 13' 52"	106° 09' 32"					C-48-21-C-b
ấp Trường Lưu	DC	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 14' 54"	106° 09' 56"					C-48-21-C-b
điện thờ Phật mẫu Trường Lưu	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 14' 50"	106° 10' 05"					C-48-21-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất Trường Lưu	KX	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 14' 49"	106° 10' 10"					C-48-21-C-b
ấp Trường Phú	DC	xã Trường Đông	H. Hoà Thành	11° 14' 29"	106° 09' 43"					C-48-21-C-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Trường Đông	H. Hoà Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b
cầu Bà Mai	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 17' 07"	106° 10' 45"					C-48-21-A-d
đường Bàu Ếch	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 16' 28"	106° 09' 10"	11° 15' 37"	106° 08' 39"	C-48-21-A-d
cầu Đoạn Trần	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 15' 16"	106° 09' 50"					C-48-21-A-d
cầu Giải Khổ	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 16' 15"	106° 09' 32"					C-48-21-A-d
Suối Lùn	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 18' 58"	106° 11' 57"	11° 17' 01"	106° 10' 47"	C-48-21-A-d
đường Ngô Quyền	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 15' 32"	106° 07' 49"	11° 15' 23"	106° 09' 41"	C-48-21-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 17' 16"	106° 07' 48"	11° 14' 43"	106° 10' 10"	C-48-21-A-d
cầu Ông Hổ	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 15' 17"	106° 09' 13"					C-48-21-A-d
Rạch Rễ	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 17' 01"	106° 10' 47"	11° 15' 01"	106° 09' 11"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
nghĩa trang Sơn Trang Tiên Cảnh	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 17' 45"	106° 09' 48"					C-48-21-A-d
kênh TN1	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 18' 05"	106° 12' 32"	11° 11' 02"	106° 09' 20"	C-48-21-A-d
kênh TN1-4	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 17' 25"	106° 11' 38"	11° 17' 12"	106° 11' 09"	C-48-21-A-d
kênh TN5	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 19' 15"	106° 10' 50"	11° 17' 05"	106° 08' 30"	C-48-21-A-d
kênh TN5-3	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 18' 09"	106° 09' 55"	11° 15' 46"	106° 09' 47"	C-48-21-A-d
cung Trí Giác	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 16' 32"	106° 09' 14"					C-48-21-A-d
cung Trí Huệ	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 15' 22"	106° 09' 46"					C-48-21-A-d
ấp Trường Cửu	DC	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 15' 59"	106° 09' 35"					C-48-21-A-d
đền thờ Phật mẫu Trường Hoà	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 15' 48"	106° 09' 28"					C-48-21-A-d
thánh thất Trường Hoà	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 16' 24"	106° 09' 12"					C-48-21-A-d
đường Trường Hoà-Chà Là	KX	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 16' 32"	106° 09' 03"	11° 18' 33"	106° 10' 51"	C-48-21-A-d
suối Trường Long	TV	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành			11° 18' 08"	106° 09' 40"	11° 13' 55"	106° 08' 21"	C-48-21-A-d
ấp Trường Thiện	DC	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 16' 17"	106° 09' 08"					C-48-21-A-d
ấp Trường Thọ	DC	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 16' 32"	106° 08' 53"					C-48-21-A-d
ấp Trường Xuân	DC	xã Trường Hoà	H. Hoà Thành	11° 15' 26"	106° 09' 32"					C-48-21-A-d
quốc lộ 22B	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-C-b
đường Bàu Ếch	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 16' 28"	106° 09' 10"	11° 15' 37"	106° 08' 39"	C-48-21-A-d
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Gạch Hoà Thành	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 14' 10"	106° 08' 12"					C-48-21-C-b
ấp Long Hải	DC	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 15' 29"	106° 08' 23"					C-48-21-A-d
thánh thất Long Hải	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 15' 24"	106° 08' 17"					C-48-21-A-d
đường Ngô Quyền	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 15' 32"	106° 07' 49"	11° 15' 23"	106° 09' 41"	C-48-21-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 15' 30"	106° 08' 30"					C-48-21-A-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 17' 16"	106° 07' 48"	11° 14' 43"	106° 10' 10"	C-48-21-A-d
cầu Ông Hổ	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 15' 17"	106° 09' 13"					C-48-21-A-d
cầu Rạch Rễ Giữa	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 13' 56"	106° 08' 22"					C-48-21-C-b
cầu Rạch Rễ Trên	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 14' 05"	106° 08' 17"					C-48-21-C-b
Trảng Trai	TV	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 16' 42"	106° 08' 30"					C-48-21-A-d
đường Trần Phú	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 17' 08"	106° 08' 01"	11° 14' 08"	106° 08' 16"	C-48-21-A-d
ấp Trường An	DC	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 15' 36"	106° 08' 52"					C-48-21-A-d
ấp Trường Giang	DC	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 16' 14"	106° 08' 22"					C-48-21-A-d
ấp Trường Huệ	DC	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 14' 49"	106° 08' 29"					C-48-21-C-b
ấp Trường Lộc	DC	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 16' 37"	106° 08' 44"					C-48-21-A-d
suối Trường Long	TV	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 18' 08"	106° 09' 40"	11° 13' 55"	106° 08' 21"	C-48-21-A-d; C-48-21-C-b
ấp Trường Phước	DC	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 16' 52"	106° 08' 37"					C-48-21-A-d
đình Trường Tây	KX	xã Trường Tây	H. Hoà Thành	11° 14' 17"	106° 08' 10"					C-48-21-C-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Trường Tây	H. Hoà Thành			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-C-b
Khu phố 1	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 57"	105° 59' 55"					C-48-8-D-d
Khu phố 2	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 50"	106° 00' 09"					C-48-9-C-c
Khu phố 3	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 26"	106° 00' 17"					C-48-9-C-c
Khu phố 4	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 31' 57"	106° 00' 17"					C-48-9-C-c
Khu phố 5	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 00"	106° 00' 30"					C-48-9-C-c
Khu phố 6	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 32"	106° 00' 51"					C-48-9-C-c
Khu phố 7	DC	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 52"	106° 00' 48"					C-48-9-C-c
cầu Cần Đăng	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 52"	106° 0' 2"					C-48-9-C-c
suối Cần Đăng	TV	TT. Tân Biên	H. Tân Biên			11° 33' 20"	106° 00' 50"	11° 32' 23"	105° 59' 18"	C-48-9-C-c; C-48-8-D-d
trạm thủy văn Cần Đăng	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 36"	105° 59' 54"					C-48-9-D-d
chùa Liên Hoa	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 32"	105° 59' 29"					C-48-8-D-d
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 32' 43"	106° 01' 08"	C-48-9-C-c
đường Nguyễn Văn Linh	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên			11° 31' 26"	106° 00' 30"	11° 32' 39"	106° 00' 11"	C-48-9-C-c
đường Phạm Hùng	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 33' 16"	105° 59' 50"	C-48-9-C-c; C-48-8-D-d
chùa Phước Hưng	KX	TT. Tân Biên	H. Tân Biên	11° 32' 3"	106° 0' 13"					C-48-9-C-c
quốc lộ 14C	KX	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 29' 33"	105° 56' 27"	11° 19' 16"	105° 55' 31"	C-48-20-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh 788	KX	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 22' 19"	106° 02' 48"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-20-B-b
suối Bà Điết	TV	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 31' 12"	105° 55' 29"	11° 31' 36"	105° 53' 01"	C-48-8-D-d
suối Bà Sự	TV	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 29' 29"	105° 54' 31"	11° 29' 22"	105° 52' 57"	C-48-8-D-d; C-48-20-B-b
rạch Cái Bác (rạch Beng Go, Cái Bác)	TV	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 36' 02"	105° 48' 27"	11° 24' 53"	105° 53' 04"	C-48-88-D-d; C-48-20-B-b
chùa Chùng Rụt	KX	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 29' 33"	105° 55' 19"					C-48-20-B-b
ấp Hoà Bình	DC	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 29' 27"	105° 54' 7"					C-48-20-B-b
ấp Hoà Đông A	DC	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 29' 25"	105° 55' 23"					C-48-20-B-b
ấp Hoà Đông B	DC	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 30' 4"	105° 58' 27"					C-48-8-D-d
ấp Hoà Lợi	DC	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 28' 37"	105° 54' 12"					C-48-20-B-b
Suối Mây	TV	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 46' 29"	106° 01' 16"	11° 30' 19"	105° 58' 33"	C-48-8-D-d
cầu Suối Tre	KX	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 30' 0"	105° 58' 36"					C-48-8-D-d
đường huyện Thạnh Tây-Hoà Hiệp	KX	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 30' 40"	106° 00' 42"	11° 29' 25"	105° 54' 04"	C-48-20-B-b; C-48-8-D-d
cầu Thị Hằng	KX	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên	11° 31' 40"	105° 53' 41"					C-48-8-D-d
Suối Tre	TV	xã Hoà Hiệp	H. Tân Biên			11° 30' 19"	105° 58' 33"	11° 27' 13"	105° 57' 48"	C-48-8-D-d; C-48-20-B-b
quốc lộ 22B	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-a
đường tỉnh 781B	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 23' 46"	106° 14' 27"	11° 27' 39"	106° 01' 27"	C-48-21-A-a
đường tỉnh 793	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-21-A-a
chùa Cao Đài	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 4"	106° 1' 35"					C-48-21-A-a
Ấp Dinh	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 35"	106° 1' 17"					C-48-21-A-a
ấp Gò Đá	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 54"	106° 2' 5"					C-48-21-A-a
cầu Kênh N9	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 39"	106° 3' 21"					C-48-21-A-a
cầu Kênh N11	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 40"	106° 2' 7"					C-48-21-A-a
cầu Kênh Tiêu	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 41"	106° 4' 19"					C-48-21-A-a
Bến Long	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 1"	105° 57' 48"					C-48-20-B-b
Ấp Một	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 26"	106° 1' 51"					C-48-21-A-a
kênh N3	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 28' 41"	106° 04' 13"	11° 25' 09"	106° 03' 37"	C-48-21-A-a
kênh N11	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 29' 23"	106° 02' 49"	11° 24' 55"	106° 02' 16"	C-48-21-A-a
kênh N11-3	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 28' 14"	106° 02' 21"	11° 28' 15"	106° 03' 21"	C-48-21-A-a
kênh N11-5	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 27' 45"	106° 02' 08"	11° 27' 46"	106° 03' 21"	C-48-21-A-a
kênh N11-5A	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 27' 11"	106° 02' 01"	11° 27' 05"	106° 03' 13"	C-48-21-A-a
kênh N11-7	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 26' 41"	106° 02' 00"	11° 26' 38"	106° 03' 02"	C-48-21-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh N15	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 29' 21"	106° 00' 48"	11° 25' 47"	106° 00' 45"	C-48-21-A-a
kênh N15-6	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 27' 17"	106° 01' 14"	11° 27' 10"	106° 00' 21"	C-48-21-A-a
kênh N15-8	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 26' 49"	106° 01' 31"	11° 26' 45"	106° 00' 22"	C-48-21-A-a
dinh Ông Lớn	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 17"	106° 1' 29"					C-48-21-A-a
kênh T1	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 27' 37"	106° 02' 05"	11° 27' 09"	106° 04' 29"	C-48-21-A-a
kênh T7-A	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 27' 12"	106° 00' 21"	11° 24' 59"	106° 00' 51"	C-48-21-A-a
kênh T12	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 29' 23"	106° 03' 24"	11° 24' 54"	106° 02' 58"	C-48-21-A-a
kênh T14	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 28' 30"	106° 04' 19"	11° 27' 09"	106° 04' 29"	C-48-21-A-a
suối Tà Hợp	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-21-A-a
cầu Tân Hưng	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 46"	106° 4' 41"					C-48-21-A-a
kênh Tân Hưng	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 26' 15"	106° 13' 39"	11° 29' 14"	105° 59' 03"	C-48-21-A-a
ấp Thanh An	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 26' 45"	106° 0' 11"					C-48-21-A-a
ấp Thanh Hoà	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 27' 12"	106° 1' 27"					C-48-21-A-a
giáo xứ Thánh Mẫu	KX	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 26' 51"	106° 1' 45"					C-48-21-A-a
ấp Thanh Tân	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 26' 51"	106° 1' 53"					C-48-21-A-a
ấp Thanh Xuân	DC	xã Mỏ Công	H. Tân Biên	11° 28' 12"	106° 4' 23"					C-48-21-A-a
kênh TN10	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 25' 01"	106° 00' 03"	11° 27' 16"	105° 58' 40"	C-48-20-B-b
Suối Tre	TV	xã Mỏ Công	H. Tân Biên			11° 30' 19"	105° 58' 33"	11° 27' 13"	105° 57' 48"	C-48-21-A-a
Kênh 1	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 42"	105° 57' 35"	11° 35' 17"	105° 57' 14"	C-48-8-D-d
Kênh 2	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 33"	105° 57' 21"	11° 35' 06"	105° 56' 58"	C-48-8-D-d
Kênh 3	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 25"	105° 57' 07"	11° 34' 58"	105° 56' 46"	C-48-8-D-d
Kênh 4	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 16"	105° 56' 54"	11° 34' 49"	105° 56' 31"	C-48-8-D-d
Kênh 5	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 07"	105° 56' 40"	11° 34' 40"	105° 56' 18"	C-48-8-D-d
Kênh 6	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 33' 59"	105° 56' 26"	11° 34' 32"	105° 56' 05"	C-48-8-D-d
Kênh 7	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 33' 49"	105° 56' 10"	11° 34' 23"	105° 55' 51"	C-48-8-D-d
quốc lộ 22B	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-8-D-d
kênh 500	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 35' 49"	105° 58' 56"	11° 34' 57"	105° 57' 26"	C-48-8-D-d
đường tỉnh 783	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 35' 45"	105° 59' 16"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-8-D-d
đường tỉnh 788	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 22' 19"	106° 02' 48"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-8-D-d
đường tỉnh 791	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 39' 45"	105° 58' 46"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-8-D-d; C-48-8-D
suối Bà Điết	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 31' 12"	105° 55' 29"	11° 31' 36"	105° 53' 01"	C-48-8-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Bến Ra (suối Bến Ra)	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 36' 13"	105° 51' 33"	11° 34' 02"	105° 51' 37"	C-48-8-D
rạch Cái Bác (Tôn Lé Méan Chey)	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 36' 02"	105° 48' 27"	11° 24' 53"	105° 53' 04"	C-48-8-D; C-48-8-D-d
suối Cầm Tè	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 08"	105° 57' 43"	11° 32' 55"	105° 58' 14"	C-48-8-D-d
suối Đà Ha (suối Đà Ha)	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 38' 29"	105° 56' 57"	11° 36' 26"	105° 53' 24"	C-48-8-D-b; C-48-8-D-d
bàu Đất Sét	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 36' 00"	105° 57' 20"					C-48-8-D-d
Bàu Đưng	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 36' 01"	105° 58' 30"					C-48-8-D-d
Trảng Hai	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 32' 52"	105° 56' 02"					C-48-8-D-d
cầu Lò Gò	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 32' 17"	105° 53' 02"					C-48-8-D-d
Ban Quản lý Rừng Lò Gò Xa Mát	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 33' 41"	105° 56' 3"					C-48-8-D-d
Vườn Quốc gia Lò Gò Xa Mát	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 35' 40"	105° 59' 31"					C-48-8-D-d
suối Mẹt Mụ	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 36' 53"	105° 55' 05"	11° 35' 06"	105° 56' 58"	C-48-8-D-d
Bàu Quang	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 37' 22"	105° 54' 47"					C-48-8-D-b; C-48-8-D-d
Bến Ra (Bến Ra)	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 34' 02"	105° 51' 37"					C-48-8-D
suối Sa Nghe	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 38' 17"	105° 53' 59"	11° 36' 24"	105° 53' 50"	C-48-8-D-b; C-48-8-D-d
bàu Sọ Mỹ	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 35' 49"	105° 58' 06"					C-48-8-D-d
suối Tà Nốt	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 38' 13"	105° 52' 40"	11° 36' 26"	105° 53' 24"	C-48-8-D-b; C-48-8-D-d
cầu Tà Xia	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 33' 27"	105° 55' 30"					C-48-8-D-d
kênh Tà Xia	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 34' 42"	105° 57' 35"	11° 32' 16"	105° 52' 58"	C-48-8-D-d
ấp Tân Minh	DC	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 36' 10"	105° 58' 51"					C-48-8-D-d
ấp Tân Nam	DC	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 33' 33"	105° 55' 41"					C-48-8-D-d
ấp Tân Thanh	DC	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 35' 45"	105° 59' 3"					C-48-8-D-d
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 34' 57"	105° 58' 3"					C-48-8-D-d
cầu Thị Hằng 1	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 38' 20"	105° 56' 43"					C-48-8-D-b
cầu Thị Hằng 2	KX	xã Tân Bình	H. Tân Biên	11° 31' 40"	105° 53' 41"					C-48-8-D-d
Tôn Lê Miên Chay (Tôn Lé Méan Chey)	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 37' 11"	105° 48' 27"	11° 36' 02"	105° 48' 27"	C-48-8-D
suối Xa Mát (suối Xa Mắt)	TV	xã Tân Bình	H. Tân Biên			11° 36' 26"	105° 53' 24"	11° 33' 02"	105° 52' 31"	C-48-8-D-d
cầu 15	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 43' 38"	106° 2' 32"					C-48-9-C-a
cầu 16	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 44' 49"	106° 5' 470"					C-48-9-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 22B (quốc lộ 22)	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-8-D-d; C-48-8-D-b
đường tỉnh 791	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 39' 45"	105° 58' 46"	11° 32' 17"	105° 53' 02"	C-48-8-D-b; C-48-8-D
đường tỉnh 792	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 39' 59"	105° 58' 48"	11° 39' 53"	106° 26' 56"	C-48-8-D-b; C-48-9-C-a; C-48-9-A
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-a
Di tích lịch sử An ninh Trung Ương Cục	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 40' 58"	105° 59' 55"					C-48-8-D-b
Bàu Ao	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 38' 51"	105° 59' 13"					C-48-8-D-b
Nhà truyền thống cách mạng Người Hoa	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 42' 44"	106° 0' 26"					C-48-9-C-a
Di tích Lịch sử Căn cứ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 37' 20"	105° 56' 49"					C-48-8-D-d
khu lưu niệm Căn cứ Liên hiệp Công đoàn Giải phóng miền Nam Việt Nam	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 43' 4"	106° 0' 36"					C-48-9-C-a
khu di tích Căn cứ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền nam Việt Nam	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 44' 26"	106° 2' 8"					C-48-9-C-a
Ban quản lý khu di tích Căn cứ Trung Ương Cục	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 44' 16"	106° 4' 31"					C-48-9-C-a
Nhà truyền thống Căn cứ Trung Ương Cục	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 44' 2"	106° 4' 33"					C-48-9-C-a
Phân trại giam Cây Cầy 3	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 41' 08"	105° 59' 57"					C-48-8-D-b
Rừng phòng hộ Chàng Riệc	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 44' 43"	106° 3' 20"					C-48-9-C-a
suối Đà Ha (suối Đà Ha)	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 38' 29"	105° 56' 57"	11° 36' 26"	105° 53' 24"	C-48-8-D-b; C-48-8-D-d
Vườn Quốc gia Lò Gò Xa Mát	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 35' 40"	105° 59' 31"					C-48-8-D-d
Suối Mây (suối Chor)	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 46' 29"	106° 01' 16"	11° 30' 19"	105° 58' 33"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Mẹt Mụ	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 36' 53"	105° 55' 05"	11° 35' 06"	105° 56' 58"	C-48-8-D-d
bia tưởng niệm Miễu cô giáo	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 37' 42"	105° 58' 48"					C-48-8-D-b
suối O Rung (O Roũng)	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 41' 16"	105° 59' 27"	11° 39' 16"	105° 57' 49"	C-48-8-D-b
chùa Phước Tân	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 36' 29"	105° 59' 17"					C-48-8-D-d
Ban An ninh R	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 40' 53"	105° 59' 47"					C-48-8-D-b
suối Tà Bon (Tabon, Prêk Krassang)	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 45' 27"	106° 05' 46"	11° 41' 14"	106° 02' 36"	C-48-9-C-a
suối Ta Rung	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 46' 54"	106° 04' 10"	11° 43' 59"	106° 04' 49"	C-48-9-C-a
Trung tâm Thương nghiệp Tân Biên	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 39' 34"	105° 58' 47"					C-48-8-D-b
ấp Tân Đông 1	DC	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 36' 38"	105° 59' 27"					C-48-8-D-d
ấp Tân Đông 2	DC	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 36' 22"	105° 59' 22"					C-48-8-D-d
ấp Tân Hoà	DC	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 36' 39"	105° 59' 07"					C-48-8-D-d
ấp Tân Khai	DC	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 45' 07"	106° 02' 50"					C-48-9-C-a
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 37' 9"	105° 59' 7"					C-48-8-D-d
cầu Thị Hằng	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 38' 20"	105° 56' 43"					C-48-8-D-b
đường tỉnh Thiện Ngôn-Tân Hiệp	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 36' 42"	105° 59' 04"	11° 32' 17"	106° 11' 05"	C-48-9-C-c; C-48-8-D-d
suối Tiên Cô (Prêk Kduoch)	TV	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 46' 27"	106° 04' 11"	11° 43' 59"	106° 04' 49"	C-48-9-A; C-48-9-C
đường tỉnh Trung Ương Cục	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên			11° 43' 07"	106° 00' 34"	11° 46' 11"	106° 04' 21"	C-48-9-C-a; C-48-9-A
cửa khẩu Xa Mát (Xa Mắt)	KX	xã Tân Lập	H. Tân Biên	11° 40' 07"	105° 58' 40"					C-48-8-D-b
quốc lộ 22B	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-a; C-48-9-C-c
đồi 82	SV	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 31' 08"	106° 01' 04"					C-48-9-C-c
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-21-A-a
bàu Ba Bàu	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 28' 22"	106° 01' 29"					C-48-21-A-a
ấp Bàu Đưng	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 30' 35"	106° 03' 04"					C-48-9-C-c
Ấp Cầu	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 30' 01"	106° 00' 59"					C-48-9-C-c
suối Chót Mạt	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 28' 05"	106° 01' 03"	11° 29' 09"	105° 58' 25"	C-48-20-B-b; C-48-21-A-a
tháp Chót Mạt	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 27' 53"	106° 00' 30"					C-48-21-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Đồng Dài	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 30' 02"	106° 05 14"					C-48-9-C-c
ấp Gò Cát	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 29' 37"	106° 03' 01"					C-48-21-A-a
Ấp Mới	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 28' 36"	106° 01' 24"					C-48-21-A-a
kênh N3	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 28' 41"	106° 04' 13"	11° 25' 09"	106° 03' 37"	C-48-21-A-a
kênh N11	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 29' 23"	106° 02' 49"	11° 24' 55"	106° 02' 16"	C-48-21-A-a
kênh N13	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 29' 22"	106° 01' 28"	11° 28' 00"	106° 01' 37"	C-48-21-A-a
kênh N15	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 29' 21"	106° 00' 48"	11° 25' 47"	106° 00' 45"	C-48-21-A-a
kênh Phước Hoà	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 28' 33"	105° 57' 47"	11° 28' 17"	105° 57' 59"	C-48-20-B-b
ấp Sân Bay	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 29' 01"	106° 01' 14"					C-48-21-A-a
cầu Suối Cạn	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 30' 31"	106° 00' 02"					C-48-9-C-c
cầu Suối Tre	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 30' 00"	105° 58' 36"					C-48-20-B-b
kênh T12	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 29' 23"	106° 03' 24"	11° 24' 54"	106° 02' 58"	C-48-21-A-a
kênh T14	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 28' 30"	106° 04' 19"	11° 27' 09"	106° 04' 29"	C-48-21-A-a
suối Tà Hợp	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-21-A-a
kênh Tân Hưng	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 26' 15"	106° 13' 39"	11° 29' 14"	105° 59' 03"	C-48-20-B-b; C-48-21-A-a
đường huyện Thạnh Tây-Hoà Hiệp	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 30' 40"	106° 00' 42"	11° 29' 25"	105° 54' 04"	C-48-20-B-b; C-48-8-D-d; C-48-9-C-c
ấp Trại Bí	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 29' 35"	106° 01' 15"					C-48-21-A-a
cầu Trại Bí	KX	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 29' 50"	106° 01' 01"					C-48-21-A-a
suối Trại Bí	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 29' 36"	106° 02' 11"	11° 31' 02"	105° 59' 17"	C-48-9-C-c; C-48-21-A-a
Suối Tre	TV	xã Tân Phong	H. Tân Biên			11° 30' 19"	105° 58' 33"	11° 27' 13"	105° 57' 48"	C-48-8-D-d; C-48-20-B-b
ấp Xóm Tháp	DC	xã Tân Phong	H. Tân Biên	11° 28' 26"	106° 01' 10"					C-48-21-A-a
đường tỉnh 793	KX	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-c
ấp Bào Bền	DC	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên	11° 41' 19"	106° 6' 39"					C-48-9-C-a
ấp Bào Rã	DC	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên	11° 38' 28"	106° 04' 23"					C-48-9-C-a
suối Cầu Bông	TV	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên			11° 40' 37"	106° 05' 24"	11° 39' 49"	106° 02' 37"	C-48-9-C-a
Ban quản lý Khu rừng Văn hoá lịch sử Chàng Riệc	KX	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên	11° 41' 54"	106° 06' 34"					C-48-9-C-a
Suối Mây	TV	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên			11° 46' 29"	106° 01' 16"	11° 30' 19"	105° 58' 33"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Săng Máu	TV	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên			11° 39' 22"	106° 05' 37"	11° 34' 05"	106° 03' 18"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-c
ấp Suối Mây	DC	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên	11° 38' 16"	106° 02' 45"					C-48-9-C-a
suối Tà Bon (Tabon, Prêk Krassang)	TV	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên			11° 45' 27"	106° 05' 46"	11° 41' 14"	106° 02' 36"	C-48-9-C-a
nông trường cao su Tân Biên	KX	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên	11° 37' 04"	106° 01' 54"					C-48-9-C-a
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên	11° 38' 34"	106° 06' 41"					C-48-9-C-a
đường tỉnh Thiện Ngôn-Tân Hiệp	KX	xã Thạnh Bắc	H. Tân Biên			11° 36' 42"	105° 59' 04"	11° 32' 17"	106° 11' 05"	C-48-9-C-a
đường tỉnh 793	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-c
đường tỉnh 795	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 25' 48"	106° 18' 02"	C-48-9-C-c
bàu Bắc Em	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 32' 51"	106° 03' 08"					C-48-9-C-c
Khu sản xuất C152	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 31"	106° 03' 21"					C-48-9-C-c
Khu sản xuất C300	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 34' 47"	106° 05' 41"					C-48-9-C-c
bàu Cà Bá	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 34' 51"	106° 02' 39"					C-48-9-C-c
Suối Cạn	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 33' 22"	106° 06' 04"	11° 33' 57"	106° 09' 24"	C-48-9-C-c
trại giam Cây Cầy	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 57"	106° 06' 42"					C-48-9-C-c
Suối Ky	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 35' 08"	106° 07' 47"	11° 33' 41"	106° 01' 06"	C-48-9-C-c
Bàu Lùng	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 31' 55"	106° 06' 16"					C-48-9-C-c
Suối Mây	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 46' 29"	106° 01' 16"	11° 30' 19"	105° 58' 33"	C-48-9-C-c
suối Săng Máu	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 39' 22"	106° 05' 37"	11° 34' 05"	106° 03' 18"	C-48-9-C-c
cầu Suối Ky	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 40"	106° 06' 46"					C-48-9-C-c
suối Tà Ét	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 37' 32"	106° 07' 01"	11° 33' 38"	106° 04' 20"	C-48-9-C-c
nông trường cao su Tân Biên	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 37' 04"	106° 01' 54"					C-48-9-C-a
kênh tưới Tân Châu-Tân Biên	TV	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 33' 05"	106° 11' 21"	11° 32' 24"	106° 06' 10"	C-48-9-C-c
nông trường Tân Hiệp	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 36' 10"	106° 05' 38"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 32' 56"	106° 02' 17"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Hoà	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 09"	106° 05' 47"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Lộc	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 04"	106° 04' 53"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 32' 51"	106° 03' 58"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Phú	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 32' 52"	106° 02' 55"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Phước	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 47"	106° 04' 37"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Tân	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 31' 16"	106° 06' 31"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Thọ	DC	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 36' 57"	106° 03' 11"					C-48-9-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh Thiện Ngôn-Tân Hiệp	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên			11° 36' 42"	105° 59' 04"	11° 32' 17"	106° 11' 05"	C-48-9-C-c
Cầu Ván	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 34' 03"	106° 02' 17"					C-48-9-C-c
cầu Xóm Mới	KX	xã Thạnh Bình	H. Tân Biên	11° 33' 34"	106° 04' 34"					C-48-9-C-c
quốc lộ 22B	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-9-C-c; C-48-8-D-d
đồi 82	SV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 31' 8"	106° 01' 4"					C-48-9-C-c
đường tỉnh 795	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 25' 48"	106° 18' 02"	C-48-9-C-c
bàu Béc Sơ Lăng	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 35' 17"	106° 00' 24"					C-48-9-C-c
suối Cầm Tè	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 34' 08"	105° 57' 43"	11° 32' 55"	105° 58' 14"	C-48-8-D-d
khu di tích Căn cứ tiểu ban bảo vệ Chính trị C51	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 33' 43"	105° 59' 56"					C-48-8-D-d
Suối Ky	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 35' 08"	106° 07' 47"	11° 33' 41"	106° 01' 06"	C-48-9-C-c
Suối Mây	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 46' 29"	106° 01' 16"	11° 30' 19"	105° 58' 33"	C-48-8-D-d; C-48-9-C-c
chùa Phước Thành	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 33' 41"	105° 59' 30"					C-48-8-D-d
chùa Phước Trường Tự	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 35' 13"	105° 59' 20"					C-48-8-D-d
nghĩa trang Quốc Tế	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 30' 58"	106° 00' 54"					C-48-9-C-c
cầu Suối Cạn	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 30' 31"	106° 0' 2"					C-48-9-C-c
cầu Suối Ky	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 33' 36"	106° 01' 12"					C-48-9-C-c
cầu Suối Tre	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 30' 0"	105° 58' 36"					C-48-8-D-d
Tà Chanh	DC	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 35' 17"	106° 01' 31"					C-48-9-C-c
kênh tiêu TB1	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 34' 20"	105° 58' 18"	11° 30' 43"	105° 58' 42"	C-48-8-D-d
kênh tiêu TB2	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 34' 25"	105° 59' 37"	11° 32' 23"	105° 59' 18"	C-48-8-D-d
nhà thờ Thánh Linh	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 32' 10"	106° 00' 01"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Nam	DC	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 31' 03"	106° 00' 35"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Sơn	DC	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 32' 46"	106° 01' 23"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Tân	DC	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 34' 19"	105° 59' 33"					C-48-8-D-d
ấp Thạnh Tây	DC	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 32' 49"	105° 59' 5"					C-48-8-D-d
đường huyện Thạnh Tây-Hòa Hiệp	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 30' 40"	106° 00' 42"	11° 29' 25"	105° 54' 04"	C-48-20-B-b; C-48-8-D-d; C-48-9-C-c
họ đạo Cao đài Thạnh Tây-Thị trấn	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 31' 08"	106° 00' 28"					C-48-9-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Thạnh Trung	DC	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 33' 46"	105° 59' 40"					C-48-8-D-d
chùa Thới Lạc	KX	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 32' 13"	106° 01' 20"					C-48-9-C-c
suối Trại Bí	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 29' 36"	106° 02' 11"	11° 31' 02"	105° 59' 17"	C-48-8-D-d; C-48-9-C-c
Suối Tre	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên			11° 30' 19"	105° 58' 33"	11° 27' 13"	105° 57' 48"	C-48-8-D-d
Bàu Tượng	TV	xã Thạnh Tây	H. Tân Biên	11° 34' 23"	105° 58' 20"					C-48-8-D-d
Ấp 2	DC	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 20"	106° 1' 49"					C-48-21-A-a
Ấp 3	DC	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 43"	106° 3' 28"					C-48-21-A-a
Ấp 4	DC	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 25' 40"	106° 1' 39"					C-48-21-A-a
Ấp 5	DC	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 24' 4"	106° 5' 40"					C-48-21-A-a
quốc lộ 22B	KX	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 05' 01"	106° 15' 50"	11° 40' 10"	105° 58' 43"	C-48-21-A-a
đường tỉnh 793	KX	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-21-A-a
Bàu Đá	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 12"	106° 04' 16"					C-48-21-A-a
bàu Đất Sét	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 52"	106° 03' 33"					C-48-21-A-a
cầu Kênh Tân Hưng	KX	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 49"	106° 6' 46"					C-48-21-A-a
kênh N3	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 28' 41"	106° 04' 13"	11° 25' 09"	106° 03' 37"	C-48-21-A-a
kênh N3-8	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 27' 00"	106° 03' 11"	11° 27' 00"	106° 03' 41"	C-48-21-A-a
kênh N3-13	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 26' 19"	106° 03' 40"	11° 25' 40"	106° 05' 23"	C-48-21-A-a
kênh N11	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 29' 23"	106° 02' 49"	11° 24' 55"	106° 02' 16"	C-48-21-A-a
kênh N11-5A	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 27' 11"	106° 02' 01"	11° 27' 05"	106° 03' 13"	C-48-21-A-a
kênh N11-7	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 26' 41"	106° 02' 00"	11° 26' 38"	106° 03' 02"	C-48-21-A-a
kênh N11-9	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 26' 01"	106° 02' 02"	11° 26' 03"	106° 03' 00"	C-48-21-A-a
kênh N11-11	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 25' 31"	106° 02' 10"	11° 25' 41"	106° 03' 00"	C-48-21-A-a
kênh N15	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 29' 21"	106° 00' 48"	11° 25' 47"	106° 00' 45"	C-48-21-A-a
kênh N15-10	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 26' 13"	106° 01' 38"	11° 25' 54"	106° 00' 43"	C-48-21-A-a
bàu Ông Mẹt	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 34"	106° 03' 31"					C-48-21-A-a
dinh Quan lớn Trà Vong	KX	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 52"	106° 5' 54"					C-48-21-A-a
lăng mộ Quan lớn Trà Vong	KX	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 27' 04"	106° 04' 43"					C-48-21-A-a
cầu Suối Núc	KX	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 21"	106° 06' 41"					C-48-21-A-a
ấp Suối Ông Đình	DC	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 24' 41"	106° 2' 18"					C-48-21-A-a
kênh T1	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 27' 37"	106° 02' 05"	11° 27' 09"	106° 04' 29"	C-48-21-A-a
kênh T7-A	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 27' 12"	106° 00' 21"	11° 24' 59"	106° 00' 51"	C-48-21-A-a
kênh T12	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 29' 23"	106° 03' 24"	11° 24' 54"	106° 02' 58"	C-48-21-A-a
suối Tà Hợp	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-21-A-a
suối Tà Tuôn	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 24' 51"	106° 04' 00"	11° 23' 36"	106° 05' 48"	C-48-21-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Tân Hưng	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 26' 15"	106° 13' 39"	11° 29' 14"	105° 59' 03"	C-48-21-A-a
Kênh Tây	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 22' 26"	106° 15' 06"	11° 25' 11"	105° 58' 00"	C-48-21-A-a
kênh TN17	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 24' 53"	106° 03' 02"	11° 17' 02"	106° 03' 38"	C-48-21-A-a
ấp Trà Hiệp	DC	xã Trà Vong	H. Tân Biên	11° 26' 19"	106° 6' 20"					C-48-21-A-a
suối Trà Vong	TV	xã Trà Vong	H. Tân Biên			11° 27' 09"	106° 04' 29"	11° 23' 36"	106° 05' 48"	C-48-21-A-a
Khu phố 1	DC	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 33' 05"	106° 09' 35"					C-48-9-C-d
Khu phố 2	DC	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 33' 26"	106° 09' 32"					C-48-9-C-d
Khu phố 3	DC	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 33' 10"	106° 10' 14"					C-48-9-C-d
Khu phố 4	DC	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 33' 07"	106° 10' 56"					C-48-9-C-d
chùa An Lạc	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 33' 16"	106° 09' 57"					C-48-9-C-d
đường Lê Duẩn	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 33' 17"	106° 09' 36"	11° 33' 02"	106° 11' 25"	C-48-9-C-d
đường Nguyễn Thị Định	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 33' 17"	106° 09' 16"	11° 33' 17"	106° 09' 36"	C-48-9-C-d
nhà máy Tinh bột sắn Tân Châu	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 32' 48"	106° 11' 11"					C-48-9-C-d
kênh tưới Tân Châu-Tân Biên	TV	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 33' 05"	106° 11' 21"	11° 32' 24"	106° 06' 10"	C-48-9-C-d
kênh TC1	TV	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 34' 24"	106° 09' 22"	11° 33' 41"	106° 11' 17"	C-48-9-C-d
cầu Tha La	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu	11° 33' 02"	106° 11' 25"					C-48-9-C-d
sông Tha La	TV	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 36' 28"	106° 12' 02"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 33' 17"	106° 09' 36"	11° 32' 54"	106° 09' 31"	C-48-9-C-d
đường Trần Văn Trà	KX	TT. Tân Châu	H. Tân Châu			11° 33' 37"	106° 09' 41"	11° 33' 17"	106° 09' 36"	C-48-9-C-d
Ấp 1	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 10"	106° 15' 27"					C-48-9-D-c
Ấp 2	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 24"	106° 15' 17"					C-48-9-D-c
Ấp 3	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 11"	106° 14' 39"					C-48-9-C-d
Ấp 4	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 22"	106° 14' 40"					C-48-9-C-d
Ấp 5	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 31' 31"	106° 12' 41"					C-48-9-C-d
Ấp 6	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 29' 58"	106° 13' 40"					C-48-21-A-b
Ấp 7	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 37' 36"	106° 15' 36"					C-48-9-C-d
Nông trường 7	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 37' 26"	106° 15' 36"					C-48-9-C-d
đường huyện 14	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 33' 14"	106° 15' 41"	11° 29' 16"	106° 16' 55"	C-48-9-D-c
đường tỉnh 794	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 40' 06"	106° 13' 03"	11° 35' 32"	106° 29' 02"	C-48-9-D-a
đường tỉnh 795	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 25' 48"	106° 18' 02"	C-48-9-C-d; C-48-9-D-c
đường tỉnh 795B	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 33' 11"	106° 12' 35"	11° 34' 42"	106° 19' 43"	C-48-9-C-d
cầu Bổ Túc	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 38' 01"	106° 15' 26"					C-48-9-D-a
suối Bổ Túc	TV	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 37' 59"	106° 15' 21"	11° 37' 50"	106° 13' 16"	C-48-9-C-b; C-48-9-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thánh thất Cao Đài	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 17"	106° 14' 46"					C-48-9-C-d
Ấp Chăm	DC	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 32' 27"	106° 14' 48"					C-48-9-C-d
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-9-C-d
đường huyện ĐH4	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 33' 11"	106° 12' 35"	11° 31' 11"	106° 11' 16"	C-48-9-C-d
nhà thờ Giáo xứ Suối Dây	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 12"	106° 15' 15"					C-48-9-C-d
thánh đường Hồi Giáo	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 32' 31"	106° 14' 48"					C-48-9-C-d
tịnh xá Ngọc Lê	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 11"	106° 15' 19"					C-48-9-C-d
Suối Nhỏ	TV	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 34' 56"	106° 14' 23"	11° 31' 45"	106° 13' 34"	C-48-9-C-d
suối Nước Đục	TV	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 43' 58"	106° 13' 29"	11° 36' 28"	106° 12' 02"	C-48-9-C-d
nông trường cao su Suối Dây	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 19"	106° 13' 59"					C-48-9-C-d
đường huyện Suối Dây-Bổ Túc	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 37' 52"	106° 15' 38"	11° 34' 45"	106° 15' 46"	C-48-9-D-a; C-48-9-D-c
suối Tà Ôn	TV	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 35' 15"	106° 15' 15"	11° 32' 42"	106° 18' 00"	C-48-9-D-c
đập tràn Tha La	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 03"	106° 11' 35"					C-48-9-C-d
sông Tha La	TV	xã Suối Dây	H. Tân Châu			11° 36' 28"	106° 12' 02"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d
nông trường Thanh Niên	KX	xã Suối Dây	H. Tân Châu	11° 33' 11"	106° 12' 55"					C-48-9-C-d
Ấp 1	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 37' 54"	106° 15' 43"					C-48-9-D-a
Ấp 2	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 35' 44"	106° 19' 44"					C-48-9-D-c
Ấp 3	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 35' 50"	106° 20' 58"					C-48-9-D-c
Ấp 4	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 34' 41"	106° 19' 46"					C-48-9-D-c
Ấp 5	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 33' 18"	106° 17' 12"					C-48-9-D-c
Ấp 6	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 34' 43"	106° 17' 10"					C-48-9-D-c
đường huyện 16	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 34' 42"	106° 19' 43"	11° 33' 34"	106° 22' 21"	C-48-9-D-c
đường tỉnh 792	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 39' 59"	105° 58' 48"	11° 39' 53"	106° 26' 56"	C-48-9-D-a
đường tỉnh 794	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 40' 06"	106° 13' 03"	11° 35' 32"	106° 29' 02"	C-48-9-D-a; C-48-9-D-c
đường tỉnh 795B	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 33' 11"	106° 12' 35"	11° 34' 42"	106° 19' 43"	C-48-9-D-c
cầu Bổ Túc	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 38' 01"	106° 15' 26"					C-48-9-D-a
suối Chong Uyên	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 37' 35"	106° 24' 26"	11° 36' 39"	106° 19' 56"	C-48-9-D-a; C-48-9-D-c
Suối Cùng	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 32' 49"	106° 21' 56"	11° 34' 29"	106° 20' 22"	C-48-9-D-c
Suối Đá	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 41' 34"	106° 21' 16"	11° 40' 39"	106° 21' 08"	C-48-9-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-9-D-c
suối Ka Rào	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 41' 38"	106° 22' 36"	11° 39' 23"	106° 17' 25"	C-48-9-D-c
Suối Lam (sông Krai, Prêk Paplam)	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 40' 55"	106° 17' 48"	11° 38' 06"	106° 15' 33"	C-48-9-D-a
Suối Ngô	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 36' 38"	106° 19' 53"	11° 33' 33"	106° 19' 44"	C-48-9-D-c
Cầu Sắt	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 35' 51"	106° 20' 41"					C-48-9-D-c
đường huyện Suối Dây-Bổ Túc	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 37' 52"	106° 15' 38"	11° 34' 45"	106° 15' 46"	C-48-9-D-a; C-48-9-D-c
cầu Suối Lam	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 40' 05"	106° 17' 50"					C-48-9-D-a
cầu Suối Ngô	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 35' 50"	106° 20' 01"					C-48-9-D-c
nông trường Suối Ngô	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 33' 58"	106° 19' 59"					C-48-9-D-c
suối Tà Ly	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 35' 54"	106° 17' 59"	11° 32' 42"	106° 18' 00"	C-48-9-D-c
suối Tà Ôn	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 35' 15"	106° 15' 15"	11° 32' 42"	106° 18' 00"	C-48-9-D-c
họ đạo liên xã Tân Hòa-Suối Ngô	KX	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 34' 32"	106° 19' 42"					C-48-9-D-c
suối Tân Ken	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 40' 02"	106° 22' 21"	11° 37' 58"	106° 21' 46"	C-48-9-D-a
ấp Trảng Ba Chân	DC	xã Suối Ngô	H. Tân Châu	11° 37' 01"	106° 17' 08"					C-48-9-D-c
Suối Tre (Prêk Mong)	TV	xã Suối Ngô	H. Tân Châu			11° 41' 16"	106° 19' 52"	11° 40' 14"	106° 19' 46"	C-48-9-D-a
đường tỉnh 785	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-9-C-b
đường tỉnh 792	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 39' 59"	105° 58' 48"	11° 39' 53"	106° 26' 56"	C-48-9-C-b; C-48-9-D-a
đường tỉnh 792D	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 41' 39"	106° 13' 10"	11° 43' 19"	106° 14 03"	C-48-9-C-b
đường tỉnh 794	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 40' 06"	106° 13' 03"	11° 35' 32"	106° 29' 02"	C-48-9-C-b; C-48-9-D-a
cầu Bổ Túc	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 38' 01"	106° 15' 26"					C-48-9-D-a
suối Bổ Túc	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 37' 59"	106° 15' 21"	11° 37' 50"	106° 13' 16"	C-48-9-C-b; C-48-9-D-a
Suối Cạn (Prêk Chngar)	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 42' 07"	106° 16' 35"	11° 39' 14"	106° 17' 04"	C-48-9-D-a
cầu Cây Da	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 43' 17"	106° 14' 13"					C-48-9-C-b
cầu Đại Thắng	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 39' 52"	106° 12' 51"					C-48-9-C-b
Suối Dầm	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 42' 35"	106° 15' 39"	11° 39' 44"	106° 13' 02"	C-48-9-C-b; C-48-9-D-a
ấp Đông Biên	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 42' 16"	106° 13' 48"					C-48-9-C-b
cầu Đông Biên	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 42' 44"	106° 14' 00"					C-48-9-C-b
ấp Đông Hà	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 41' 35"	106° 14' 51"					C-48-9-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Đông Hiệp	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 40' 29"	106° 13' 13"					C-48-9-C-b
ấp Đông Lợi	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 38' 20"	106° 15' 33"					C-48-9-D-a
chùa Đông Quang	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 40' 44"	106° 12' 50"					C-48-9-C-b
ấp Đông Thành	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 40' 15"	106° 14' 24"					C-48-9-C-b
ấp Đông Tiến	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 40' 17"	106° 12' 47"					C-48-9-C-b
ấp Kà Ốt	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 41' 32"	106° 12' 27"					C-48-9-C-b
chùa Kà Ốt	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 41' 30"	106° 12' 37"					C-48-9-C-b
cầu Kà Tum	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 39' 54"	106° 13' 17"					C-48-9-C-b
Suối Lam (sông Krai, Prêk Paplam)	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 40' 55"	106° 17' 48"	11° 38' 06"	106° 15' 33"	C-48-9-D-a
suối Nước Đục (Prêk Atung, Prêk Katum)	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 43' 58"	106° 13' 29"	11° 36' 28"	106° 12' 02"	C-48-9-C-b
suối Nước Trong (Prêk Trâpeăng Krassesing)	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 44' 00"	106° 12' 19"	11° 41' 41"	106° 11' 53"	C-48-9-C-b
Cầu Sắt	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 40' 05"	106° 16' 24"					C-48-9-D-a
cầu Suối Cạn	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 41' 23"	106° 16' 42"					C-48-9-D-a
ấp Suối Dầm	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 41' 13"	106° 14' 49"					C-48-9-C-b
cầu Suối Lam	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 40' 05"	106° 17' 50"					C-48-9-D-a
suối Tà Béc	TV	xã Tân Đông	H. Tân Châu			11° 43' 37"	106° 14' 23"	11° 39' 57"	106° 13' 18"	C-48-9-C-b
ấp Tầm Phô	DC	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 43' 16"	106° 12' 24"					C-48-9-C-b
trang trại Thanh Bình	KX	xã Tân Đông	H. Tân Châu	11° 38' 42"	106° 13' 22"					C-48-9-C-b
đường tỉnh 785 (Tỉnh lộ 4)	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-9-C-b
đường tỉnh 792	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu			11° 39' 59"	105° 58' 48"	11° 39' 53"	106° 26' 56"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-b
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-a
cầu Bàu Nôm	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 44' 01"	106° 10' 00"					C-48-9-C-b
cầu Đông Hà	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 42' 55"	106° 10' 52"					C-48-9-C-b
công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ xuất nhập khẩu Hữu Đức	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 43' 26"	106° 10' 21"					C-48-9-C-b
kênh tiêu KT7	TV	xã Tân Hà	H. Tân Châu			11° 43' 55"	106° 08' 54"	11° 43' 15"	106° 10' 16"	C-48-9-C-b
suối Nước Đục	TV	xã Tân Hà	H. Tân Châu			11° 44' 55"	106° 09' 59"	11° 42' 32"	106° 11' 32"	C-48-9-C-b
công ty Cao su Nước Trong	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 42' 23"	106° 10' 47"					C-48-9-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Nước Trong (Prêk Trâpeăng Krassesing)	TV	xã Tân Hà	H. Tân Châu			11° 44' 00"	106° 12' 19"	11° 41' 41"	106° 11' 53"	C-48-9-C-b
ấp Tân Cường	DC	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 43' 39"	106° 09' 37"					C-48-9-C-b
ấp Tân Dũng	DC	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 42' 53"	106° 11' 05"					C-48-9-C-b
ấp Tân Kiên	DC	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 43' 15"	106° 10' 50"					C-48-9-C-b
ấp Tân Lâm	DC	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 42' 08"	106° 06' 40"					C-48-9-C-a
ấp Tân Trung	DC	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 43' 02"	106° 11' 13"					C-48-9-C-b
cầu Vạc Xa	KX	xã Tân Hà	H. Tân Châu	11° 43' 22"	106° 10' 15"					C-48-9-C-b
đường tỉnh 785	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-9-C-d
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-c
chùa Giác Lâm	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 01"	106° 10' 28"					C-48-9-C-d
ấp Hội Thắng	DC	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 22"	106° 10' 26"					C-48-9-C-d
Suối Ky	TV	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 35' 08"	106° 07' 47"	11° 33' 41"	106° 01' 06"	C-48-9-C-d
suối Tà Ét	TV	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 37' 32"	106° 07' 01"	11° 33' 38"	106° 04' 20"	C-48-9-C-c
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su Tân Biên	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 34' 36"	106° 09' 44"					C-48-9-C-d
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 32"	106° 09' 45"					C-48-9-C-d
chợ Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 02"	106° 10' 16"					C-48-9-C-d
nông trường cao su Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 59"	106° 08' 46"					C-48-9-C-d
thánh thất liên xã Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 34' 29"	106° 10' 02"					C-48-9-C-d
ấp Tân Trường	DC	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 47"	106° 08' 41"					C-48-9-C-d
sông Tha La	TV	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 36' 28"	106° 12' 02"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d
ấp Thạnh An	DC	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 02"	106° 10' 23"					C-48-9-C-d
ấp Thạnh Phú	DC	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 34' 35"	106° 10' 04"					C-48-9-C-d
đường tỉnh Thiện Ngôn-Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 36' 42"	105° 59' 04"	11° 32' 17"	106° 11' 05"	C-48-9-C-d; C-48-9-C-c
kênh THO	TV	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu			11° 35' 58"	106° 09' 39"	11° 34' 04"	106° 11' 27"	C-48-9-C-d
bàu Văn Lịch	TV	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 34' 43"	106° 08' 48"					C-48-9-C-d
công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Mã	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 09"	106° 10' 37"					C-48-9-C-d
công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Úc	KX	xã Tân Hiệp	H. Tân Châu	11° 35' 23"	106° 09' 24"					C-48-9-C-d
đường huyện 16	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 34' 42"	106° 19' 43"	11° 33' 34"	106° 22' 21"	C-48-9-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh 792	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 39' 59"	105° 58' 48"	11° 39' 53"	106° 26' 56"	C-48-9-D-a; C-48-9-D-b
đường tỉnh 794	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 40' 06"	106° 13' 03"	11° 35' 32"	106° 29' 02"	C-48-9-D-c; C-48-9-D-d
suối Bò Hút	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 35' 02"	106° 28' 12"	11° 33' 38"	106° 27' 29"	C-48-9-D-d
ấp Cây Cầy	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 37' 10"	106° 24' 57"					C-48-9-D-d
ấp Cây Khế	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 33' 57"	106° 25' 55"					C-48-9-D-d
Suối Chàm	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 37' 48"	106° 26' 47"	11° 37' 25"	106° 27' 05"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d
suối Chơ Ram	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 36' 44"	106° 26' 32"	11° 37' 15"	106° 27' 53"	C-48-9-D-d
suối Chơ Ri	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 36' 15"	106° 27' 21"	11° 37' 13"	106° 27' 22"	C-48-9-D-d
suối Chờ Rờ	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 36' 50"	106° 25' 00"	11° 34' 43"	106° 25' 53"	C-48-9-D-d
suối Chong Uyên	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 37' 35"	106° 24' 26"	11° 36' 39"	106° 19' 56"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d
ấp Con Trăn	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 37' 09"	106° 25' 44"					C-48-9-D-d
Suối Cùng	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 32' 49"	106° 21' 56"	11° 34' 29"	106° 20' 22"	C-48-9-D-c
bàu Đang Bàm	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 32' 45"	106° 22' 00"					C-48-9-C-d
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-9-D-c; C-48-9-D-d; C-48-21-B-a; C-48-21-B-b
Suối Độn	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 35' 20"	106° 27' 34"	11° 34' 20"	106° 27' 17"	C-48-9-D-d
Suối Đông	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 32' 25"	106° 22' 43"	11° 30' 12"	106° 22' 55"	C-48-9-D-d
nhà máy Xi măng Fico Tây Ninh	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 37' 57"	106° 23' 23"					C-48-9-D-b
suối Ka Rào	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 41' 38"	106° 22' 36"	11° 39' 23"	106° 17' 25"	C-48-9-D-c
suối Rạch Trầu Bé	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 31' 56"	106° 23' 38"	11° 31' 58"	106° 24' 21"	C-48-9-D-d
suối Rạch Triều	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 34' 54"	106° 22' 35"	11° 33' 29"	106° 24' 14"	C-48-9-D-d
cầu Sài Gòn	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 35' 32"	106° 29' 02"					C-48-9-D-d
sông Sài Gòn (sông Cầnle Chàm)	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 40' 23"	106° 27' 02"	11° 08' 13"	106° 26' 45"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d
cầu Sài Gòn 2	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 39' 53"	106° 26' 56"					C-48-9-D-b
ấp Suối Bà Chiêm	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 32' 00"	106° 22' 11"					C-48-9-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Tà Kom	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 35' 37"	106° 27' 52"	11° 35' 31"	106° 28' 50"	C-48-9-D-d
suối Tà Mốt	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 35' 45"	106° 27' 40"	11° 36' 42"	106° 28' 26"	C-48-9-D-d
suối Tà Tê	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 35' 29"	106° 24' 00"	11° 33' 47"	106° 23' 03"	C-48-9-D-d
suối Tân Ken	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 40' 02"	106° 22' 21"	11° 37' 58"	106° 21' 46"	C-48-9-D-a
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 35' 49"	106° 24' 16"					C-48-9-D-d
đồn biên phòng Tống Lê Chân	KX	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 40' 09"	106° 24' 09"					C-48-9-D-d
ấp Trăng Trai	DC	xã Tân Hoà	H. Tân Châu	11° 33' 02"	106° 22' 24"					C-48-9-D-c
suối Xã Em	TV	xã Tân Hoà	H. Tân Châu			11° 37' 20"	106° 26' 12"	11° 37' 17"	106° 27' 23"	C-48-9-D-d
đường tỉnh 785	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-9-C-b; C-48-9-C-d
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-c
Đại đội BB1	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 40' 06"	106° 10' 46"					C-48-9-C-b
cầu Đại Thắng	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 39' 52"	106° 12' 51"					C-48-9-C-b
ấp Hội An	DC	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 37' 52"	106° 11' 28"					C-48-9-C-b
ấp Hội Phú	DC	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 37' 49"	106° 11' 44"					C-48-9-C-b
ấp Hội Tân	DC	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 36' 26"	106° 12' 29"					C-48-9-C-b
ấp Hội Thanh	DC	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 36 37"	106° 11' 04"					C-48-9-C-d
ấp Hội Thành	DC	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 40' 42"	106° 06' 42"					C-48-9-C-a
ấp Hội Thạnh	DC	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 37' 00"	106° 11' 19"					C-48-9-C-d
suối Nước Đục	TV	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 43' 58"	106° 13' 29"	11° 36' 28"	106° 12' 02"	C-48-9-C-b; C-48-9-C-d
hồ Nước Trong	TV	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 38' 48"	106° 10' 08"					C-48-9-C-b
suối Nước Trong 1	TV	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 44' 00"	106° 12' 19"	11° 41' 41"	106° 11' 53"	C-48-9-C-b
suối Nước Trong 2	TV	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 38' 17"	106° 10' 45"	11° 36' 29"	106° 12' 01"	C-48-9-C-b; C-48-9-C-d
suối Tà Ét	TV	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 37' 32"	106° 07' 01"	11° 33' 38"	106° 04' 20"	C-48-9-C-a; C-48-9-C-c
công ty cổ phần Khoai mỳ Tân Hội	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 39' 05"	106° 10' 44"					C-48-9-C-b
công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mía đường Tây Ninh	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu	11° 38' 52"	106° 10' 33"					C-48-9-C-b
sông Tha La	TV	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 36' 28"	106° 12' 02"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh Thiện Ngôn-Tân Hiệp	KX	xã Tân Hội	H. Tân Châu			11° 36' 42"	105° 59' 04"	11° 32' 17"	106° 11' 05"	C-48-9-C-d; C-48-9-C-c
đường tỉnh 781B	KX	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 23' 46"	106° 14' 27"	11° 27' 39"	106° 01' 27"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
đường tỉnh 785	KX	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-21-A-b
bàu B4	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 28' 24"	106° 09' 50"					C-48-21-A-b
bàu Bù Niển	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 28' 04"	106° 08' 34"					C-48-21-A-b
kênh tiêu C4	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 27' 14"	106° 10' 33"	11° 28' 02"	106° 10' 25"	C-48-21-A-b
bàu Cá Nhái	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 27' 55"	106° 09' 08"					C-48-21-A-b
Bàu Cỏ	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 27' 50"	106° 10' 11"					C-48-21-A-b
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-21-A-b
Bàu Đế	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 28' 24"	106° 08' 39"					C-48-21-A-b
Suối Núc	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 24' 20"	106° 10' 16"	11° 26' 21"	106° 06' 42"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
Bàu Ròm	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 26' 47"	106° 12' 21"					C-48-21-A-b
cầu Suối Núc	KX	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 26' 21"	106° 06' 41"					C-48-21-A-a
suối Tà Hợp	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-21-A-a
ấp Tân Đông	DC	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 28' 25"	106° 10' 38"					C-48-21-A-b
cầu Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 26' 35"	106° 10' 25"					C-48-21-A-b
kênh Tân Hưng	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 26' 15"	106° 13' 39"	11° 29' 14"	105° 59' 03"	C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 27' 05"	106° 07' 42"					C-48-21-A-b
ấp Tân Tây	DC	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 28' 15"	106° 10' 01"					C-48-21-A-b
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 26' 41"	106° 09' 15"					C-48-21-A-b
ấp Tân Trung A	DC	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 26' 46"	106° 10' 18"					C-48-21-A-b
ấp Tân Trung B	DC	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 25' 56"	106° 10' 36"					C-48-21-A-b
công ty cổ phần Mía đường Thành Công Tây Ninh	KX	xã Tân Hưng	H. Tân Châu	11° 28' 03"	106° 07' 51"					C-48-21-A-b
kênh tiêu VC4	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 26' 28"	106° 10' 50"	11° 27' 05"	106° 11' 04"	C-48-21-A-b
kênh tiêu VC6	TV	xã Tân Hưng	H. Tân Châu			11° 26' 15"	106° 11' 26"	11° 26' 28"	106° 12' 01"	C-48-21-A-b
đường tỉnh 785	KX	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-9-C-d; C-48-21-A-b
đường tỉnh 793	KX	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-c; C-48-21-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh tiêu Bàu Châu É	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 30' 30"	106° 08' 38"	11° 29' 55"	106° 09' 13"	C-48-9-C-d; C-48-21-A-b
kênh tiêu Bàu Sen	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 32' 28"	106° 07' 16"	11° 30' 37"	106° 08' 06"	C-48-9-C-c; C-48-9-C-d
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-9-C-d; C-48-21-A-b
Suối Nhỏ	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 31' 49"	106° 09' 27"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d
suối Tà Hợp	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 29' 57"	106° 08' 01"	11° 25' 35"	106° 05' 46"	C-48-9-C-d; C-48-21-A-a; C-48-21-A-b
bàu Tà Mung	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 28' 50"	106° 09' 58"					C-48-21-A-b
ấp Tân Châu	DC	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 30' 24"	106° 08' 16"					C-48-9-C-d
ấp Tân Hoà	DC	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 31' 12"	106° 09' 32"					C-48-9-C-d
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 29' 37"	106° 09' 24"					C-48-21-A-b
ấp Tân Thanh	DC	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 31' 02"	106° 08' 56"					C-48-9-C-d
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 31' 12"	106° 09' 54"					C-48-9-C-d
ấp Tân Xuân	DC	xã Tân Phú	H. Tân Châu	11° 29' 08"	106° 10' 05"					C-48-21-A-b
kênh Thạnh Đông-Bàu Sen	TV	xã Tân Phú	H. Tân Châu			11° 32' 29"	106° 08' 50"	11° 30' 30"	106° 08' 38"	C-48-9-C-d
đường huyện 13	KX	xã Tân Thành	H. Tân Châu			11° 30' 41"	106° 17' 34"	11° 27' 53"	106° 15' 48"	C-48-9-D-c; C-48-21-B-a
đường huyện 14	KX	xã Tân Thành	H. Tân Châu			11° 33' 14"	106° 15' 41"	11° 29' 16"	106° 16' 55"	C-48-9-D-c; C-48-21-B-a
đường tỉnh 795	KX	xã Tân Thành	H. Tân Châu			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 25' 48"	106° 18' 02"	C-48-9-D-c; C-48-21-B-a
Ngã tư B	KX	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 28' 18"	106° 17' 45"					C-48-21-B-a
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-9-C-d; C-48-9-D-c; C-48-21-B-a; C-48-21-B-c
ấp Đồng Kèn 1	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 28' 19"	106° 18' 51"					C-48-21-B-a
ấp Đồng Kèn 2	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 27' 22"	106° 17' 24"					C-48-21-B-a
ấp Đồng Rùm	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 31' 42"	106° 16' 21"					C-48-9-D-c
Rừng lịch sử Đồng Rùm	KX	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 32' 33"	106° 16' 21"					C-48-9-D-c
ấp Tà Dơ	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 25' 47"	106° 17' 47"					C-48-21-B-a
suối Tà Ổn	TV	xã Tân Thành	H. Tân Châu			11° 35' 15"	106° 15' 15"	11° 32' 42"	106° 18' 00"	C-48-9-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Tân Đông	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 30' 49"	106° 17' 58"					C-48-9-D-c
ấp Tân Hiệp	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 30' 21"	106° 16' 55"					C-48-9-D-c
ấp Tân Hoà	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 28' 23"	106° 14' 45"					C-48-21-A-b
thánh thất Tân Thành	KX	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 30' 52"	106° 18' 00"					C-48-9-D-c
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 30' 37"	106° 17' 33"					C-48-9-D-c
ấp Tân Trung	DC	xã Tân Thành	H. Tân Châu	11° 30' 52"	106° 17' 09"					C-48-9-D-c
đường tỉnh 785	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 18' 57"	106° 05' 32"	11° 44' 48"	106° 09' 44"	C-48-9-C-d
đường tỉnh 793	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 23' 10"	106° 07' 40"	11° 44' 18"	106° 06' 35"	C-48-9-C-c
đường tỉnh 795	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 32' 39"	106° 00' 11"	11° 25' 48"	106° 18' 02"	C-48-9-C-c; C-48-9-C-d
kênh tiêu Bàu Sen	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 32' 28"	106° 07' 16"	11° 30' 37"	106° 08' 06"	C-48-9-C-c
Suối Ky	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 35' 08"	106° 07' 47"	11° 33' 41"	106° 01' 06"	C-48-9-C-d; C-48-9-C-d
bàu Le Le	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 35' 26"	106° 06' 57"					C-48-9-C-c
Suối Nhỏ	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 31' 49"	106° 09' 27"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d
cầu Suối Ky	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 33' 40"	106° 06' 46"					C-48-9-C-c
kênh tưới Tân Châu-Tân Biên	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 33' 05"	106° 11' 21"	11° 32' 24"	106° 06' 10"	C-48-9-C-c; C-48-9-C-d
nhà thờ Tân Nghĩa	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 32' 16"	106° 09' 14"					C-48-9-C-d
kênh TC1	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 34' 24"	106° 09' 22"	11° 33' 41"	106° 11' 17"	C-48-9-C-d
kênh TC2	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 33' 22"	106° 06' 04"	11° 33' 57"	106° 09' 24"	C-48-9-C-c; C-48-9-C-d
kênh TC3	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 32' 50"	106° 08' 43"	11° 32' 29"	106° 08' 50"	C-48-9-C-d
kênh TC4	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 32' 39"	106° 09' 47"	11° 32' 26"	106° 09' 30"	C-48-9-C-d
sông Tha La	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 36' 28"	106° 12' 02"	11° 31' 16"	106° 11' 07"	C-48-9-C-d
kênh Thạnh Đông-Bàu Sen	TV	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu			11° 32' 29"	106° 08' 50"	11° 30' 30"	106° 08' 38"	C-48-9-C-d
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 32' 37"	106° 09' 26"					C-48-9-C-d
ấp Thạnh Hoà	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 33' 54"	106° 09' 43"					C-48-9-C-d
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 33' 16"	106° 07' 14"					C-48-9-C-c
ấp Thạnh Nghĩa	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 32' 05"	106° 08' 33"					C-48-9-C-d
nghĩa trang Thạnh Nghĩa	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 31' 57"	106° 09' 08"					C-48-9-C-d
ấp Thạnh Quới	DC	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 33' 16"	106° 08' 17"					C-48-9-C-d
nghĩa trang Thạnh Quới	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 34' 01"	106° 08' 13"					C-48-9-C-d
nhà máy Mỳ Trường Hưng	KX	xã Thạnh Đông	H. Tân Châu	11° 33' 35"	106° 06' 50"					C-48-9-C-c
Đường xã 10	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng			11° 01' 39"	106° 21' 24"	11° 00' 01"	106° 22' 11"	C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 22	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 787	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng			11° 01' 58"	106° 21' 27"	11° 01' 04"	106° 18' 55"	C-48-21-D-c
cầu An Phú	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 40"	106° 21' 07"					C-48-21-D-c
cầu Bình Tranh	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 23"	106° 21' 23"					C-48-21-D-c
đường Bời Lời	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 02' 42"	106° 21' 15"	C-48-21-D-c
thánh thất Cao Đài	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 05"	106° 21' 44"					C-48-21-D-c
chùa Cô Ba	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 08"	106° 21' 11"					C-48-21-D-c
khu phố Gia Huỳnh	DC	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 20"	106° 21' 35"					C-48-21-D-c
đình thần Gia Lộc	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 52"	106° 21' 52"					C-48-21-D-c
khu phố Lộc An	DC	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 51"	106° 21' 09"					C-48-21-D-c
khu phố Lộc Du	DC	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 23"	106° 21' 03"					C-48-21-D-c
khu phố Lộc Thành	DC	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 52"	106° 21' 42"					C-48-21-D-c
điện thờ Phật mẫu	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 37"	106° 21' 19"					C-48-21-D-c
chùa Phước Lâm	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 11"	106° 21' 03"					C-48-21-D-c
chùa Phước Lưu	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 59"	106° 21' 15"					C-48-21-D-c
Bệnh viện Đa khoa Trảng Bàng	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 52"	106° 21' 18"					C-48-21-D-c
nhà thờ Trảng Bàng	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 45"	106° 21' 18"					C-48-21-D-c
cầu Trưởng Chừa	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 01' 54"	106° 22' 04"					C-48-21-D-c
rạch Trưởng Chừa	TV	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng			11° 03' 31"	106° 22' 58"	11° 01' 09"	106° 20' 34"	C-48-21-D-c
chùa Vĩnh Hưng	KX	TT. Trảng Bàng	H. Trảng Bàng	11° 02' 18"	106° 21' 16"					C-48-21-D-c
quốc lộ 22	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 787	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 01' 58"	106° 21' 27"	11° 01' 04"	106° 18' 55"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 787B	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 02' 27"	106° 21' 24"	11° 08' 57"	106° 25' 29"	C-48-21-D-c
đình thần An Hoà	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 01' 38"	106° 20' 08"					C-48-21-D-c
ấp An Hội	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 02"	106° 19' 22"					C-48-21-D-c
ấp An Lợi	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 48"	106° 19' 35"					C-48-21-D-c
ấp An Phú	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 01' 46"	106° 20' 20"					C-48-21-D-c
cầu An Phú	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 01' 40"	106° 21' 07"					C-48-21-D-c
ấp An Quới	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 01' 51"	106° 19' 55"					C-48-21-D-c
ấp An Thới	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 03' 05"	106° 23' 02"					C-48-21-D-c
rạch Bà Cả	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 03' 33"	106° 17' 03"	11° 01' 29"	106° 17' 22"	C-48-21-D-c
rạch Bà Mảng	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 01' 32"	106° 17' 08"	11° 00' 30"	106° 16' 43"	C-48-21-D-c
cầu Bình Thuỷ	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 03' 14"	106° 19' 26"					C-48-21-D-c
rạch Bình Thuỷ	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 03' 23"	106° 19' 40"	11° 02' 14"	106° 18' 51"	C-48-21-D-c
rạch Cầu Mương	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 03' 00"	106° 18' 11"	11° 02' 33"	106° 17' 44"	C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Cây Cóc	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 01' 58"	106° 19' 02"	11° 01' 16"	106° 18' 36"	C-48-21-D-c
rạch Đường Xuồng	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 00' 26"	106° 20' 39"	11° 01' 21"	106° 20' 57"	C-48-21-D-c
ấp Hoà Bình	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 11"	106° 20' 26"					C-48-21-D-c
ấp Hoà Hội	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 14"	106° 19' 18"					C-48-21-D-c
ấp Hoà Hưng	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 18"	106° 19' 58"					C-48-21-D-c
ấp Hoà Lợi	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 58"	106° 19' 37"					C-48-21-D-c
ấp Hoà Phú	DC	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 01' 50"	106° 20' 40"					C-48-21-D-c
Kênh Mới	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 01' 50"	106° 16' 36"	11° 00' 00"	106° 20' 31"	C-48-21-D-c
Rạch Môn	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 03' 42"	106° 17' 24"	11° 02' 55"	106° 16' 09"	C-48-21-D-c
kênh N20-13	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 04' 44"	106° 21' 40"	11° 02' 34"	106° 20' 16"	C-48-21-D-c
chùa Phước Hoà	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 02' 43"	106° 20' 21"					C-48-21-D-c
Cầu Quan	KX	xã An Hoà	H. Trảng Bàng	11° 01' 43"	106° 19' 21"					C-48-21-D-c
rạch Trảng Bàng	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 00' 53"	106° 21' 23"	11° 02' 30"	106° 16' 38"	C-48-21-D-c
rạch Trưởng Chừa	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 03' 31"	106° 22' 58"	11° 01' 09"	106° 20' 34"	C-48-21-D-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-D-c
Kênh Xáng	TV	xã An Hoà	H. Trảng Bàng			10° 59' 33"	106° 21' 17"	11° 01' 23"	106° 19' 55"	C-48-21-D-c
Đường xã 10	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 01' 39"	106° 21' 24"	11° 00' 01"	106° 22' 11"	C-48-21-D-c
quốc lộ 22	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D; C-48-21-D-c
ấp An Bình	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 41"	106° 22' 49"					C-48-21-D
ấp An Đước	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 11"	106° 24' 27"					C-48-21-D
ấp An Khương	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 09"	106° 22' 17"					C-48-21-D-c
ấp An Phú	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 32"	106° 22' 26"					C-48-21-D
ấp An Thành	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 58"	106° 21' 48"					C-48-21-D-c
ấp An Thới	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 58"	106° 23' 02"					C-48-21-D
địa đạo An Thới	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 43"	106° 23' 00"					C-48-21-D
đình thần An Tịnh	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 40"	106° 21' 34"					C-48-21-D-c
Di tích Lịch sử B10-22	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 39"	106° 22' 19"					C-48-21-D-c
rạch Ba Làng	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 05' 33"	106° 22' 32"	11° 04' 15"	106° 24' 12"	C-48-21-D
ấp Bàu Mây	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 52"	106° 23' 31"					C-48-21-D
rạch Bến Kinh	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 01' 16"	106° 22' 24"	11° 01' 23"	106° 21' 22"	C-48-21-D-c
cầu Bình Tranh	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 23"	106° 21' 23"					C-48-21-D-c
rạch Cầu Mương	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			10° 59' 53"	106° 21' 42"	10° 59' 59"	106° 22' 00"	C-48-21-D-c
rạch Đường Xuồng	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 00' 26"	106° 20' 39"	11° 01' 21"	106° 20' 57"	C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 39"	106° 23' 35"					C-48-21-D
kênh Phước Hoà	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 05' 11"	106° 25' 22"	11° 01' 21"	106° 23' 38"	C-48-21-D
chùa Phước Huệ	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 40"	106° 22' 36"					C-48-21-D
chùa Phước Thành	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 51"	106° 21' 39"					C-48-21-D-c
khu Di tích Lịch sử Thanh niên Cách mạng Rừng Rong	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 07"	106° 24' 17"					C-48-21-D
Suối Sâu	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 02' 48"	106° 24' 38"	11° 00' 36"	106° 24' 40"	C-48-21-D
ấp Suối Sâu	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 09"	106° 24' 08"					C-48-21-D
chùa Tịnh Lý	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 52"	106° 22' 43"					C-48-21-D
ấp Tịnh Phong	DC	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 56"	106° 23' 55"					C-48-21-D
chùa Tịnh Thành	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 00' 43"	106° 21' 34"					C-48-21-D
khu công nghiệp Trảng Bàng	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 14"	106° 23' 06"					C-48-21-D
rạch Trảng Bàng	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 00' 53"	106° 21' 23"	11° 02' 30"	106° 16' 38"	C-48-21-D-c
cầu Trường Chừa	KX	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 54"	106° 22' 04"					C-48-21-D
rạch Trường Chừa	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			11° 03' 31"	106° 22' 58"	11° 01' 09"	106° 20' 34"	C-48-21-D-c; C-48-21-D
Kênh Xáng	TV	xã An Tịnh	H. Trảng Bàng			10° 59' 33"	106° 21' 17"	11° 01' 23"	106° 19' 55"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
đường tỉnh 786	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-d
kênh Biên Giới	TV	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng			11° 00' 00"	106° 11' 52"	11° 04' 01"	106° 12' 03"	C-48-21-C-d
ấp Bình Hoà	DC	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 38"	106° 13' 35"					C-48-21-C-d
ấp Bình Phú	DC	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 13"	106° 12' 58"					C-48-21-C-d
ấp Bình Phước	DC	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 02' 57"	106° 13' 28"					C-48-21-C-d
ấp Bình Quới	DC	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 03' 17"	106° 13' 19"					C-48-21-C-d
Cửa khẩu tiểu ngạch Bình Thạnh	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 37"	106° 11' 27"					C-48-21-C-d
thánh thất Bình Thạnh	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 20"	106° 13' 39"					C-48-21-C-d
tháp cổ Bình Thạnh	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 11"	106° 13' 03"					C-48-21-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Bình Thuận	DC	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 41"	106° 13' 19"					C-48-21-C-d
cầu Gò Ngãi	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 03' 40"	106° 11' 56"					C-48-21-C-d
rạch Gò Suối	TV	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng			11° 03' 40"	106° 11' 56"	11° 03' 21"	106° 13' 34"	C-48-21-C-d
chùa Linh Sơn	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 03' 20"	106° 13' 17"					C-48-21-C-d
điện thờ Phật mẫu	KX	xã Bình Thạnh	H. Trảng Bàng	11° 01' 31"	106° 13' 27"					C-48-21-C-d
đường tỉnh 782	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-a
đường tỉnh 789	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 07' 57"	106° 26' 47"	11° 18' 44"	106° 19' 53"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
ấp Bà Nhã	DC	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 14' 08"	106° 22' 04"					C-48-21-D-a
ấp Bến Kinh	DC	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 12' 35"	106° 22' 41"					C-48-21-D-b
cầu Bến Sắn	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 12' 53"	106° 21' 04"					C-48-21-D-a
nông trường cao su Bời Lời	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 12' 08"	106° 20' 33"					C-48-21-D-a
suối Bời Lời	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 08' 24"	106° 21' 16"	11° 10' 23"	106° 24' 32"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
cầu Cá Chúc	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 10' 12"	106° 24' 17"					C-48-21-D-b
khu rừng Di tích Lịch sử Căn cứ cách mạng Bời Lời	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 09' 26"	106° 22' 14"					C-48-21-D-a
Kênh Đông	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
cầu Kênh Đông	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 11' 26"	106° 19' 34"					C-48-21-D-a
kênh tiêu Mang Chà	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 09' 32"	106° 21' 37"	11° 09' 34"	106° 19' 39"	C-48-21-D-a
kênh N11	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 10' 55"	106° 20' 33"	11° 11' 57"	106° 21' 07"	C-48-21-D-a
kênh N12	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 11' 24"	106° 19' 37"	11° 10' 33"	106° 18' 45"	C-48-21-D-a
kênh N12-1	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 10' 14"	106° 19' 27"	11° 10' 25"	106° 20' 12"	C-48-21-D-a
kênh N13	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 10' 16"	106° 21' 25"	11° 11' 06"	106° 22' 25"	C-48-21-D-a
kênh N14	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 10' 52"	106° 20' 39"	11° 07' 33"	106° 17' 32"	C-48-21-D-a
kênh N15	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 09' 07"	106° 22' 14"	11° 10' 12"	106° 22' 46"	C-48-21-A-a, C-48-21-A-b
kênh N16	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 09' 44"	106° 21' 46"	11° 07' 37"	106° 18' 42"	C-48-21-D-a
kênh N18	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 08' 42"	106° 22' 33"	11° 06' 24"	106° 19' 26"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
kênh N20	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 08' 07"	106° 23' 01"	11° 03' 23"	106° 22' 06"	C-48-21-D-b
Cầu Ngang	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 11' 40"	106° 22' 37"					C-48-21-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Sài Gòn	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 40' 23"	106° 27' 02"	11° 08' 13"	106° 26' 45"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
ấp Sóc Lào	DC	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 10' 13"	106° 23' 48"					C-48-21-D-b
Suối Suốt	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 12' 53"	106° 21' 04"	11° 11' 18"	106° 23' 07"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
ấp Thuận Lợi	DC	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 10' 37"	106° 21' 02"					C-48-21-D-a
Trung tâm Thực nghiệm giống Trảng Bàng	KX	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 42"	106° 22' 11"					C-48-21-D-a
ấp Trảng Cỏ	DC	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 59"	106° 21' 16"					C-48-21-D-a
ấp Trảng Sa	DC	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 45"	106° 21' 25"					C-48-21-D-a
Kênh Xáng	TV	xã Đôn Thuận	H. Trảng Bàng			11° 09' 59"	106° 19' 15"	11° 07' 34"	106° 21' 33"	C-48-21-D-a
quốc lộ 22	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 782	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-c
rạch Bà Cả	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 03' 33"	106° 17' 03"	11° 01' 29"	106° 17' 22"	C-48-21-D-c
cầu Bàu Rông	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 58"	106° 20' 25"					C-48-21-D-c
nhà thờ họ đạo Bình Nguyên	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 59"	106° 18' 06"					C-48-21-D-c
ấp Bình Nguyên 1	DC	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 37"	106° 17' 48"					C-48-21-D-c
ấp Bình Nguyên 2	DC	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 02' 57"	106° 18' 18"					C-48-21-D-c
cầu Bình Thủy	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 14"	106° 19' 26"					C-48-21-D-c
rạch Bình Thủy	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 03' 23"	106° 19' 40"	11° 02' 14"	106° 18' 51"	C-48-21-D-c
rạch Cầu Mương	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 03' 00"	106° 18' 11"	11° 02' 33"	106° 17' 44"	C-48-21-D-c
cầu Cây Trường	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 05' 05"	106° 19' 47"					C-48-21-D-c
Ấp Chánh	DC	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 27"	106° 19' 24"					C-48-21-D-c
cầu Gia Bình	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 23"	106° 19' 40"					C-48-21-D-c
đình trung Gia Bình	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 28"	106° 19' 23"					C-48-21-D-c
thánh thất Gia Bình	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 30"	106° 19' 27"					C-48-21-D-c
chùa Giác Minh	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 39"	106° 19' 31"					C-48-21-D-c
chùa Giác Nguyên	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 54"	106° 19' 38"					C-48-21-D-c
Rạch Môn	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 03' 42"	106° 17' 24"	11° 02' 55"	106° 16' 09"	C-48-21-D-c
kênh N18-19-4	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 05' 44"	106° 19' 28"	11° 03' 25"	106° 18' 01"	C-48-21-D-c
kênh N20-14	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 05' 46"	106° 21' 08"	11° 03' 20"	106° 18' 50"	C-48-21-D-c
đền thờ Phật Mẫu	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 28"	106° 19' 26"					C-48-21-D-c
ấp Phước Hậu	DC	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 04' 17"	106° 20' 04"					C-48-21-D-c
ấp Phước Hiệp	DC	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 53"	106° 19' 26"					C-48-21-D-c
đình Phước Hiệp	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 50"	106° 19' 57"					C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Rỗng Tượng	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 03' 46"	106° 18' 47"					C-48-21-D-c
kênh tiêu T5	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 07' 26"	106° 21' 38"	11° 03' 06"	106° 18' 58"	C-48-21-D-c
hội thánh Tin Lành	KX	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng	11° 04' 38"	106° 19' 55"					C-48-21-D-c
rạch Trảng Bàng	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 00' 53"	106° 21' 23"	11° 02' 30"	106° 16' 38"	C-48-21-D-c
rạch Trời Sanh	TV	xã Gia Bình	H. Trảng Bàng			11° 04' 28"	106° 21' 14"	11° 03' 23"	106° 19' 40"	C-48-21-D-c
Đường xã 2	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 05' 53"	106° 20' 13"	11° 03' 46"	106° 25' 11"	C-48-21-D-c
quốc lộ 22	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 00' 59"	106° 24' 25"	11° 04' 38"	106° 10' 17"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 782	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 02' 02"	106° 21' 45"	11° 14' 19"	106° 21' 25"	C-48-21-D-c
đường tỉnh 787B	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 02' 27"	106° 21' 24"	11° 08' 57"	106° 25' 29"	C-48-21-D-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 45"	106° 20' 24"					C-48-21-D-c
rạch Ba Làng	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 05' 33"	106° 22' 32"	11° 04' 15"	106° 24' 12"	C-48-21-D-c; C-48-21-D
cầu Bàu Rông	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 58"	106° 20' 25"					C-48-21-D-c
Bàu Rông Dưới	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 32"	106° 20' 05"					C-48-21-D-c
Bàu Rông Trên	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 17"	106° 20' 11"					C-48-21-D-c
cầu Cây Trường	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 05' 05"	106° 19' 47"					C-48-21-D-c
khu Căn cứ Đảng ủy Bàu Chèo	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 06' 23"	106° 20' 28"					C-48-21-D-c
cầu Gia Bình	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 23"	106° 19' 40"					C-48-21-D-c
ấp Gia Huỳnh	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 02' 20"	106° 21' 59"					C-48-21-D-c
ấp Gia Lâm	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 39"	106° 22' 26"					C-48-21-D
nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ Gia Lộc	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 32"	106° 20' 48"					C-48-21-D-c
ấp Gia Tân	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 04' 03"	106° 21' 09"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Khê	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 05' 32"	106° 20' 40"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Trát	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 35"	106° 20' 29"					C-48-21-D-c
kênh N18	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 08' 42"	106° 22' 33"	11° 06' 24"	106° 19' 26"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-c
kênh N20	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 08' 07"	106° 23' 01"	11° 03' 23"	106° 22' 06"	C-48-21-D-c
kênh N20-12	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 06' 18"	106° 21' 05"	11° 06' 34"	106° 20' 41"	C-48-21-D-c
kênh N20-13	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 04' 44"	106° 21' 40"	11° 02' 34"	106° 20' 16"	C-48-21-D-c
kênh N20-14	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 05' 46"	106° 21' 08"	11° 03' 20"	106° 18' 50"	C-48-21-D-c
Trung tâm Dạy nghề Nam Tây Ninh	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 04' 01"	106° 21' 33"					C-48-21-D-c
chùa Phước Thạnh	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 23"	106° 21' 04"					C-48-21-D-c
Cầu Sắt	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 43"	106° 22' 51"					C-48-21-D
Suối Cao	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 06' 10"	106° 20' 34"					C-48-21-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh tiêu T5	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 07' 26"	106° 21' 38"	11° 03' 06"	106° 18' 58"	C-48-21-D-c
ấp Tân Lộc	DC	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 02' 44"	106° 20' 52"					C-48-21-D-c
trạm biến áp 220KV Trảng Bàng	KX	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng	11° 03' 27"	106° 21' 31"					C-48-21-D-c
rạch Trời Sanh	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 04' 28"	106° 21' 14"	11° 03' 23"	106° 19' 40"	C-48-21-D-c
rạch Trưởng Chừa	TV	xã Gia Lộc	H. Trảng Bàng			11° 03' 31"	106° 22' 58"	11° 01' 09"	106° 20' 34"	C-48-21-D-c; C-48-21-D
đường tỉnh 787B	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 02' 27"	106° 21' 24"	11° 08' 57"	106° 25' 29"	C-48-21-D-b; C-48-21-D
đường tỉnh 789	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 07' 57"	106° 26' 47"	11° 18' 44"	106° 19' 53"	C-48-21-D-b
nông trường Bời Lời	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 38"	106° 25' 18"					C-48-21-D-b
suối Bời Lời	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 08' 24"	106° 21' 16"	11° 10' 23"	106° 24' 32"	C-48-21-D-b
ấp Bùng Binh	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 09' 37"	106° 25' 23"					C-48-21-D-b
cầu Bùng Binh	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 09' 08"	106° 25' 25"					C-48-21-D-b
bia tưởng niệm Búp Măng Non	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 07' 45"	106° 24' 16"					C-48-21-D-b
cầu Cả Chúc	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 10' 12"	106° 24' 17"					C-48-21-D-b
ấp Cầu Xe	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 07' 40"	106° 24' 21"					C-48-21-D-b
Kênh Đông	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-D-b; C-48-21-D
đình thần Hưng Thuận	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 09' 00"	106° 25' 31"					C-48-21-D-b
cầu Kênh Đông	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 06' 54"	106° 23' 59"					C-48-21-D
ấp Lộc Thuận	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 07' 11"	106° 26' 05"					C-48-21-D
ấp Lộc Tri	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 05' 57"	106° 25' 28"					C-48-21-D
ấp Lộc Trung	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 06' 24"	106° 24' 51"					C-48-21-D
khu Di tích Lịch sử Mộ cả Đặng Văn Trước	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 01"	106° 26' 37"					C-48-21-D-b
kênh N17	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 08' 18"	106° 22' 53"	11° 09' 36"	106° 23' 26"	C-48-21-D-b
kênh N20	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 08' 07"	106° 23' 01"	11° 03' 23"	106° 22' 06"	C-48-21-D-b
kênh N23	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 06' 37"	106° 24' 12"	11° 07' 07"	106° 25' 12"	C-48-21-D
khu Di tích Lịch sử Rừng Khi	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 56"	106° 25' 07"					C-48-21-D-b
bia tưởng niệm Rừng Tre	KX	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 07' 46"	106° 25' 22"					C-48-21-D-b
sông Sài Gòn	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 40' 23"	106° 27' 02"	11° 08' 13"	106° 26' 45"	C-48-21-D-b
Rạch Suối	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 06' 59"	106° 23' 55"	11° 10' 11"	106° 24' 17"	C-48-21-D-b; C-48-21-D
Xóm Suối	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 32"	106° 24' 21"					C-48-21-D-b
ấp Tân Thuận	DC	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng	11° 08' 10"	106° 23' 22"					C-48-21-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
rạch Thai Thai	TV	xã Hưng Thuận	H. Trảng Bàng			11° 07' 55"	106° 26' 48"	11° 05' 35"	106° 25' 38"	C-48-21-D-b; C-48-21-D
Đường xã 02	KX	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 05' 53"	106° 20' 13"	11° 03' 46"	106° 25' 11"	C-48-21-D-c; C-48-21-D
đường tỉnh 787B	KX	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 02' 27"	106° 21' 24"	11° 08' 57"	106° 25' 29"	C-48-21-D-c; C-48-21-D
rạch Ba Làng	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 05' 33"	106° 22' 32"	11° 04' 15"	106° 24' 12"	C-48-21-D
Kênh Đông	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 19' 26"	106° 20' 16"	11° 05' 00"	106° 25' 32"	C-48-21-D
ấp Lộc An	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 03' 45"	106° 24' 17"					C-48-21-D
ấp Lộc Bình	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 03' 52"	106° 23' 29"					C-48-21-D
ấp Lộc Chánh	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 04' 46"	106° 23' 04"					C-48-21-D
ấp Lộc Châu	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 06' 14"	106° 22' 37"					C-48-21-D
ấp Lộc Hoà	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 06' 26"	106° 21' 56"					C-48-21-D-c
thánh thất Lộc Hưng	KX	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 05' 23"	106° 22' 09"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Phước	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 05' 20"	106° 23' 40"					C-48-21-D
ấp Lộc Tân	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 05' 38"	106° 22' 48"					C-48-21-D
ấp Lộc Thanh	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 05' 15"	106° 22' 20"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Thành	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 04' 48"	106° 25' 03"					C-48-21-D
ấp Lộc Thọ	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 05' 23"	106° 21' 47"					C-48-21-D
ấp Lộc Tiến	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 06' 19"	106° 23' 23"					C-48-21-D
ấp Lộc Vĩnh	DC	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 04' 46"	106° 24' 11"					C-48-21-D
chùa Long Hưng	KX	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 04' 41"	106° 22' 07"					C-48-21-D-c
đình Long Hưng	KX	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 04' 20"	106° 22' 59"					C-48-21-D
kênh N18	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 08' 42"	106° 22' 33"	11° 06' 24"	106° 19' 26"	C-48-21-D-a
kênh N20	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 08' 07"	106° 23' 01"	11° 03' 23"	106° 22' 06"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b; C-48-21-D-c
kênh N20-5	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 06' 49"	106° 21' 27"	11° 05' 25"	106° 22' 20"	C-48-21-D-c
kênh N22	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 06' 54"	106° 23' 57"	11° 04' 02"	106° 22' 53"	C-48-21-D
kênh N24	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 05' 50"	106° 24' 49"	11° 03' 38"	106° 25' 57"	C-48-21-D
kênh N26	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 05' 11"	106° 25' 22"	11° 01' 21"	106° 23' 38"	C-48-21-D
Cầu Sắt	KX	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng	11° 03' 43"	106° 22' 51"					C-48-21-D
kênh tiêu T5	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 07' 26"	106° 21' 38"	11° 03' 06"	106° 18' 58"	C-48-21-D-c
kênh tiêu T6	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 07' 06"	106° 21' 49"	11° 05' 33"	106° 22' 32"	C-48-21-D-c
Kênh Xáng	TV	xã Lộc Hưng	H. Trảng Bàng			11° 09' 59"	106° 19' 15"	11° 07' 34"	106° 21' 33"	C-48-21-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh 786	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 18' 41"	106° 05' 05"	10° 58' 41"	106° 12' 46"	C-48-21-C-d; C-48-33-A-b
kênh A8-1	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 57' 56"	106° 11' 03"	10° 58' 25"	106° 11' 05"	C-48-21-A-b
kênh A8-2	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 57' 53"	106° 10' 32"	10° 58' 33"	106° 10' 34"	C-48-21-A-b
kênh A8-3	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 57' 57"	106° 10' 00"	10° 58' 34"	106° 10' 10"	C-48-21-A-b
cầu Bà Xẫm	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 52"	106° 13' 49"					C-48-33-A-b
kênh Biên Giới	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 00' 00"	106° 11' 52"	11° 04' 01"	106° 12' 03"	C-48-21-C-d
rạch Bờ Đắp	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 59' 13"	106° 15' 21"	10° 59' 58"	106° 16' 57"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
Rạch Dài	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 59' 35"	106° 15' 20"	11° 00' 00"	106° 16' 55"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
cầu Đường Xuồng	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 58' 41"	106° 12' 46"					C-48-33-A-b
rạch Lái Mai	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 01' 16"	106° 16' 13"	11° 01' 25"	106° 14' 55"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
Rạch Me	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 00' 33"	106° 13' 50"	11° 00' 42"	106° 16' 13"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
rạch Nhà Thờ	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 01' 38"	106° 14' 07"	11° 02' 01"	106° 16' 30"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
Rạch Nhẫn	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 02' 10"	106° 15' 25"	11° 02' 21"	106° 16' 28"	C-48-21-D-c
kênh Ông Tám Sai	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 01' 43"	106° 14' 53"	11° 02' 51"	106° 16' 05"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
ấp Phước Bình	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 25"	106° 15' 21"					C-48-33-B-a
cầu Phước Chỉ	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 58"	106° 13' 51"					C-48-21-C-d
đình Phước Chỉ	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 41"	106° 14' 17"					C-48-21-C-d
ấp Phước Dân	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 46"	106° 12' 57"					C-48-21-C-d
ấp Phước Đông	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 43"	106° 13' 56"					C-48-21-C-d
ấp Phước Hoà	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 37"	106° 14' 43"					C-48-33-A-b
đình Phước Hoà	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 35"	106° 15' 01"					C-48-33-B-a
ấp Phước Hội	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 02' 19"	106° 16' 27"					C-48-21-D-c
ấp Phước Hưng	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 19"	106° 12' 57"					C-48-33-A-b
ấp Phước Lập	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 01' 09"	106° 16' 08"					C-48-21-D-c
ấp Phước Long	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 32"	106° 16' 42"					C-48-33-B-a
ấp Phước Mỹ	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 58' 25"	106° 16' 40"					C-48-21-A-b
chùa Phước Thạnh	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 59"	106° 12' 41"					C-48-33-A-b
ấp Phước Thuận	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 00"	106° 12' 55"					C-48-33-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Trung	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 22"	106° 16' 11"					C-48-21-D-c
trạm kiểm soát Rộc Môn	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 35"	106° 11' 56"					C-48-33-A-b
rạch Trà Cao	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 01' 05"	106° 14' 10"	11° 00' 52"	106° 16' 05"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
Rạch Tràm	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 58' 18"	106° 10' 49"	10° 58' 56"	106° 16' 14"	C-48-33-A-b; C-48-33-B-a
kênh Trạm bơm xã Phước Chỉ	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 01' 05"	106° 14' 10"	11° 00' 39"	106° 12' 55"	C-48-21-C-d
ấp Tràm Cát	DC	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	11° 00' 01"	106° 15' 07"					C-48-21-D-c
cầu Truông Dầu	KX	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng	10° 59' 35"	106° 12' 54"					C-48-33-A-b
Kênh Tư	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			10° 59' 25"	106° 13' 57"	10° 00' 35"	106° 16' 26"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c; C-48-33-A-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Phước Chỉ	H. Trảng Bàng			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
kênh Bầu Cần Thăng	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 03' 15"	106° 13' 52"	11° 02' 40"	106° 13' 47"	C-48-21-C-d
cầu Bến Mới	KX	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 03' 18"	106° 13' 42"					C-48-21-C-d
rạch Cá Dầy	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 03' 41"	106° 15' 12"	11° 03' 09"	106° 14' 36"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
ấp Gò Ngãi	DC	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 02' 26"	106° 13' 30"					C-48-21-C-d
rạch Gò Xoài	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 03' 21"	106° 13' 34"	11° 03' 35"	106° 15' 45"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
Rạch Lò	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 02' 51"	106° 14' 43"	11° 03' 13"	106° 15' 38"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
rạch Nhà Thờ	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 01' 38"	106° 14' 07"	11° 02' 01"	106° 16' 30"	C-48-21-C-d
kênh Ông Quận	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 02' 31"	106° 14' 47"	11° 03' 03"	106° 15' 46"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
kênh Ông Tám Sai	TV	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng			11° 01' 43"	106° 14' 53"	11° 02' 51"	106° 16' 05"	C-48-21-C-d; C-48-21-D-c
ấp Phước Giang	DC	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 02' 55"	106° 15' 24"					C-48-21-D-c
ấp Phước Lợi	DC	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 02' 07"	106° 14' 01"					C-48-21-C-d
đình Phước Lưu	KX	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 03' 03"	106° 14' 14"					C-48-21-C-d
thánh thất Phước Lưu	KX	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 03' 12"	106° 13' 43"					C-48-21-C-d
ấp Phước Tân	DC	xã Phước Lưu	H. Trảng Bàng	11° 03' 04"	106° 13' 41"					C-48-21-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Phước Thành	DC	xã Phước Lưu	H. Tràng Bàng	11° 02' 10"	106° 13' 52"					C-48-21-C-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Phước Lưu	H. Tràng Bàng			11° 24' 53"	105° 53' 04"	10° 58' 55"	106° 16' 17"	C-48-21-D-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa